

# **CHUYÊN ĐỀ VỀ QUYỀN SỞ HỮU TRÍ TUỆ**

## **SỞ HỮU TRÍ TUỆ LÀ GÌ?**

Thomas G. Field Jr.

# CHUYÊN ĐỀ VỀ QUYỀN SỞ HỮU TRÍ TUỆ

## MỤC LỤC

### GIỚI THIỆU SỞ HỮU TRÍ TUỆ LÀ GÌ

Sở hữu trí tuệ là gì? .....	3
-----------------------------	---

### BỐI CẢNH QUỐC TẾ

Tại sao bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ lại quan trọng .....	13
Giới thiệu khái quát các điều ước quốc tế về quyền sở hữu trí tuệ .....	20
Các chương trình hỗ trợ kỹ thuật và đào tạo về sở hữu trí tuệ.....	32
Gioócdani hưởng lợi từ cải cách quyền sở hữu trí tuệ .....	34
Thông điệp của Thành Long: Hàng giả - Lợi bất cập hại .....	38

### RA TAY HÀNH ĐỘNG

Các quốc gia đang chống vi phạm quyền sở hữu trí tuệ như thế nào.....	39
Cách tiếp cận của Hoa Kỳ: Nguồn gen, tri thức truyền thống và văn hóa dân gian.....	47

### SỰ TIẾN TRIỂN CỦA LUẬT PHÁP SỰ TIẾN TRIỂN CỦA LUẬT PHÁP

Thách thức về vấn đề bản quyền trong thời đại kỹ thuật số .....	58
Sử dụng hợp lý là gì? .....	67
Tầm quan trọng của những thông tin được sở hữu bởi công chúng .....	68

### THẢO LUẬN BÀN TRÒN

Việc thực thi, một ưu tiên của tất cả các quốc gia.....	70
Một công cụ mới chống sao chép trộm đĩa quang .....	80

### VẤN ĐỀ CỦA CÁC NGÀNH NGHỀ

Một hiệp hội thương mại đang hoạt động .....	84
Quyền sở hữu trí tuệ và ngành công nghiệp dược.....	87
Chi phí của việc phát triển một loại thuốc mới .....	92
Bệnh sốt rét: Xây dựng quan hệ đối tác để tìm biện pháp chữa trị .....	94
Bảo vệ nhãn hiệu thương mại trên Internet.....	97

### THÔNG TIN

Chú giải những thuật ngữ về sở hữu trí tuệ .....	100
Nguồn tin thêm về sở hữu trí tuệ .....	110
Tài liệu đọc thêm về sở hữu trí tuệ .....	115
Tài liệu giáo dục về sở hữu trí tuệ cho thanh thiếu niên .....	118

## **Sở hữu trí tuệ là gì?**

### **SỞ HỮU TRÍ TUỆ LÀ GÌ?**

Thomas G. Field Jr.

#### **ĐIỂM MÁU CHÓT**

“Rum và Coca-Cola”, một bài hát Calypsocó lẽ là nổi tiếng nhất mọi thời đại về một đề tài nóng bỏng, vào những năm 1940 là bài hát ăn khách nhất của ban nhạc Andrews Sisters. Bài hát này cũng là nguyên nhân của một vụ án nổi tiếng của Mỹ nhằm giành lại quyền tác giả cho nhạc sỹ Lionel Belasco người Trinidad vốn đã viết bài hát này từ vài thập kỷ trước đó với nhan đề “L'Année Passée”. Luật sư đại diện cho người xuất bản bản nhạc gốc của Belasco đã chứng minh được với tòa rằng bài hát “Rum và Coca-Cola” là tác phẩm của nhạc sỹ Belasco chứ không phải của người khác.

Belasco đã được công nhận là tác giả của bài hát và nhận được tiền bồi thường cho việc người ta sử dụng tác phẩm của mình mà không xin phép vì Hoa Kỳ có luật bảo vệ sở hữu trí tuệ của các nhân tài như Belasco và thi hành những luật này để ngăn chặn việc vi phạm sở hữu trí tuệ. Nhưng giả sử người xuất bản đi kiện tại một quốc gia không có luật bảo vệ sở hữu trí tuệ hoặc có nhưng yếu kém thì có lẽ quá trình đi kiện và việc đòi bồi thường của Belasco đã không có một kết cục tốt đẹp như vậy.

### **SỞ HỮU TRÍ TUỆ LÀ GÌ?**

Tại sao những quốc gia như Hoa Kỳ, Nhật Bản, Hà Lan lại bảo vệ các phát minh; các tác phẩm nghệ thuật và văn học; các biểu tượng, hình ảnh, tên, thiết kế dùng trong thương mại: thông tin và lời nói được dùng lần đầu của những cá nhân sáng tạo ra chúng được gọi là sở hữu trí tuệ (IP)? Các quốc gia này làm như vậy bởi lẽ họ biết rằng bảo vệ những quyền sở hữu này thì mới thúc đẩy được phát triển kinh tế, khuyến khích phát minh kỹ thuật và thu hút được đầu tư để tạo ra công ăn việc làm mới và những cơ hội cho công dân của họ. Báo cáo về Triển vọng Kinh tế Toàn cầu của Ngân hàng Thế giới năm 2002 đã khẳng định tầm quan trọng ngày càng tăng của sở hữu trí tuệ đối với các nền kinh tế toàn cầu hóa hiện nay và phát hiện ra rằng “với các mức thu nhập khác nhau thì quyền sở hữu trí tuệ (IPR) thường gắn liền với thương mại và các dòng vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài lớn hơn và nhờ vậy có tốc độ phát triển kinh tế nhanh hơn”.

Chẳng hạn như tính riêng ở Hoa Kỳ thì các nghiên cứu trong thập kỷ vừa qua đã ước tính rằng hơn 50% lượng hàng xuất khẩu của Hoa Kỳ hiện nay phụ thuộc vào việc bảo vệ các loại sở hữu trí tuệ so với dưới 10% trước đây 50 năm.

Những người có năng khiếu nghệ thuật hoặc sáng tạo có quyền ngăn chặn việc sử dụng hay mua bán trái phép những sáng tạo của mình, giống như người sở hữu những tài sản hữu hình như xe hơi, nhà ở, cửa hàng. Tuy nhiên, so với những người làm ra ghế, tủ lạnh hay những hàng hóa hữu hình khác thì những người sở hữu các sản phẩm vô hình gặp nhiều khó khăn hơn trong việc kiếm sống nếu như khiếu nại của họ về các sáng tạo của họ không được tôn trọng. Nghệ sỹ, tác giả, nhà phát minh và những người khác không

thể dùng khóa hay hàng rào để bảo vệ tác phẩm của họ hoặc sử dụng quyền sở hữu trí tuệ để ngăn những người khác kiếm lợi từ thành quả lao động của họ.

Ngoài việc để cho các nhà phát minh và nghệ sỹ có thể nhận được bồi thường xứng đáng và để cho các quốc gia thu hút được đầu tư và công nghệ nước ngoài thì việc bảo vệ sở hữu trí tuệ còn rất quan trọng đối với người tiêu dùng. Chúng ta không thể có những tiến bộ trong ngành giao thông, truyền thông, nông nghiệp và chăm sóc y tế nếu không bảo vệ mạnh mẽ quyền sở hữu trí tuệ.

Việc thừa nhận và bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ ngày càng tăng cũng liên quan rất nhiều tới mức sống được nâng cao nhanh chóng ở những quốc gia như Trung Quốc và Ấn Độ. Chỉ vài năm trước đây, Ấn Độ đã không thể giữ được các kỹ sư và chuyên gia máy tính hàng đầu của mình. Việc thiếu các quy định về bảo vệ sở hữu trí tuệ đã buộc các chuyên gia này di cư sang những quốc gia nơi mà thành quả lao động của họ được bảo vệ và những đối thủ cạnh tranh không được phép khai thác trái phép những tiến bộ khoa học. Sau đó vào năm 1999, Quốc hội Ấn Độ đã thông qua một đạo luật bảo vệ sản phẩm trí tuệ của các chuyên gia máy tính. Kết quả là Ấn Độ đã có ngành công nghiệp công nghệ cao sản xuất những phần mềm tiên tiến nhất thế giới và sử dụng hàng ngàn nhân công mà lẽ ra đã rời Ấn Độ để sang những nước giàu có hơn.

## CÁC LOẠI SỞ HỮU TRÍ TUỆ QUAN TRỌNG

Những hình thức sở hữu trí tuệ chủ yếu là bằng sáng chế, bản quyền, nhãn hiệu và bí mật thương mại. Do sở hữu trí tuệ cũng có nhiều đặc tính của sở hữu cá nhân và sở hữu tài sản thực sự nên những quyền lợi gắn liền với sở hữu trí tuệ cho phép chúng ta có thể mua, bán, cấp phép hay thậm chí là cho không sở hữu trí tuệ của chúng ta như tài sản thông thường. Luật về sở hữu trí tuệ cho phép chủ sở hữu, người phát minh và tác giả bảo vệ tài sản của mình trước việc sử dụng trái phép.

### Bản quyền

Bản quyền là một thuật ngữ pháp lý mô tả quyền lợi kinh tế của người sáng tác ra các tác phẩm văn học và nghệ thuật, trong đó bao gồm quyền tái bản, in ấn và trình diễn hay trưng bày tác phẩm của mình trước công chúng. Bản quyền chủ yếu nhằm bảo vệ âm nhạc, phim ảnh, tiểu thuyết, thơ ca, kiến trúc và các tác phẩm nghệ thuật có giá trị văn hóa khác. Khi nghệ sỹ và người sáng tác đưa ra những hình thức thể hiện khác thì những loại hình thể hiện mới này cũng được bao gồm trong những công trình được bảo hộ bản quyền. Các chương trình máy tính và ghi âm giờ đây cũng được bảo vệ.

Bản quyền cũng được bảo vệ lâu hơn nhiều so với một số hình thức sở hữu trí tuệ khác. Công ước Berne, công ước quốc tế được ký năm 1886, theo đó các nước tham gia công ước công nhận các tác phẩm được bảo hộ bản quyền của các nước thành viên, quy định rằng thời gian bảo hộ bản quyền là 50 năm kể từ khi tác giả qua đời. Theo Công ước Berne thì các tác phẩm văn học, nghệ thuật và các tác phẩm có giá trị khác được bảo hộ bản quyền ngay từ khi ra đời. Tác giả không cần phải đăng ký chính thức quyền bảo hộ cho tác phẩm của mình tại những quốc gia là thành viên của Công ước đó.

Tuy nhiên, Công ước Berne cho phép cấp bản quyền có điều kiện, chẳng hạn như trường hợp của Hoa Kỳ chỉ bảo hộ bản quyền đối với những tác phẩm được sáng tác theo những hình thức nhất định. Nhiều nước cũng có các trung tâm bản quyền quốc gia để quản lý hệ thống bản quyền. Chẳng hạn như ở Hoa Kỳ, Hiến pháp cho phép Quốc hội ban hành luật để thiết lập hệ thống bản quyền và hệ thống này do Phòng Bản quyền thuộc Thư viện Quốc hội quản lý.

Phòng Bản quyền của Hoa Kỳ là nơi nhận các khiếu nại về bản quyền và là nơi các văn bản liên quan tới bản quyền được lưu giữ khi đáp ứng được các yêu cầu của luật bản quyền Hoa Kỳ. Tuy nhiên, đối với tất cả các tác phẩm - kể cả tác phẩm nước ngoài - thì việc đăng ký bản quyền mau lẹ ở Hoa Kỳ sẽ đem lại những thuận lợi với chi phí không đáng kể.

Khả năng nhanh chóng đăng ký quyền bảo hộ bản quyền đã làm cho các ngành công nghiệp giải trí khổng lồ của Hoa Kỳ phát triển mạnh mẽ. Theo báo cáo năm 2004 của Stephen Siwek về các ngành công nghiệp được bảo hộ bản quyền trong nền kinh tế Hoa Kỳ thì các ngành công nghiệp được bảo hộ bản quyền “chủ yếu” ở Hoa Kỳ đóng góp 6% vào GDP năm 2002 của Hoa Kỳ, hay 626,2 tỷ đô-la Mỹ. Báo cáo định nghĩa các ngành công nghiệp được bảo hộ bản quyền “chủ yếu” là ngành báo chí, xuất bản sách, ghi âm, âm nhạc, tạp chí thường kỳ, phim ảnh, chương trình truyền hình và phát thanh, phần mềm máy tính. Trong báo cáo năm 2004 thì cửa hàng sách và quây bán báo cũng được đưa thêm vào danh sách các ngành công nghiệp “chủ yếu”.

Chỉ tác giả hay những người được tác giả trao quyền - chẳng hạn như nhà xuất bản- mới có toàn quyền khiếu nại về bản quyền. Tuy nhiên cho dù là ai đang sở hữu bản quyền đi chăng nữa thì quyền đó cũng có giới hạn. Ví dụ như ở Hoa Kỳ người ta có thể sao chép lại một phần tác phẩm với mục đích học tập, phê bình, đưa tin hay giảng dạy. Những quy định tương tự về “sử dụng hợp lý” cũng có ở những quốc gia khác. Phạm vi về những ngoại lệ này được trao đổi kỹ hơn trong bài “Thế nào là ‘sử dụng hợp lý’?”.

Bản quyền bảo vệ việc xử lý số liệu nhưng không bảo vệ những số liệu mới được thu thập. Hơn nữa, bản quyền không bảo vệ ý tưởng hay quy trình mới; nếu ý tưởng hay quy trình được bảo hộ thì sẽ được bảo hộ trong bằng sáng chế.

### Bằng sáng chế

Người ta có thể nói rằng bằng sáng chế là hợp đồng giữa một bên là toàn thể xã hội và một bên là cá nhân nhà phát minh. Theo các điều khoản của hợp đồng này, nhà phát minh được toàn quyền ngăn chặn người khác không được áp dụng, sử dụng và bán một phát minh đã được cấp bằng sáng chế trong một khoảng thời gian nhất định - hầu hết các nước quy định là 20 năm - để đổi lại việc nhà phát minh phải công bố chi tiết phát minh của mình cho công chúng.

Nếu không có sự bảo hộ của bằng sáng chế thì nhiều sản phẩm đã không bao giờ xuất hiện, đặc biệt là những sản phẩm cần vốn đầu tư lớn nhưng một khi đã bán ra thị trường thì dễ dàng bị các đối thủ cạnh tranh bắt chước làm theo. Ít nhất là kể từ năm 1474 khi

nước Cộng hòa Venice lần đầu tiên cấp bằng sáng chế thì việc bảo hộ bằng sáng chế đã thúc đẩy sự phát triển và phổ biến những công nghệ mới.

Nếu không có bằng sáng chế thì sẽ không thể có sự phát triển công nghệ. Nếu các nhà sáng chế phải bảo vệ sáng chế của mình bằng cách giữ bí mật về những sáng chế đó thì điều quan trọng hơn là những sáng chế không được công bố này sẽ bị mai một đi.

Tuy nhiên, việc xin cấp bằng sáng chế không hề đơn giản. Bằng sáng chế không được cấp cho những ý tưởng mơ hồ mà chỉ được cấp cho những đơn xin cấp bằng được trình bày một cách cụ thể và cẩn thận. Nhằm tránh việc bảo hộ cho những công nghệ đã được phổ biến hay công nghệ mà đến thợ thủ công bình thường cũng dễ dàng làm được, những đơn xin cấp bằng sáng chế phải được các chuyên gia xem xét. Do đơn xin cấp bằng sáng chế khác nhau rất nhiều về giá trị của công nghệ mà đơn đòi bảo hộ, người xin cấp bằng sáng chế phải nói rõ phạm vi bảo hộ hợp lý. (Phạm vi bảo hộ buộc người nộp đơn xin cấp bằng sáng chế phải rất thận trọng trong việc đưa ra giới hạn về phát minh của mình và những gì sẽ được bảo hộ khỏi sự xâm phạm). Việc này thường mất hai năm hoặc lâu hơn và rất tốn kém.

#### Bí mật thương mại

Bất cứ thông tin nào có thể được sử dụng trong việc điều hành doanh nghiệp và có giá trị lớn trong việc tạo ra lợi ích kinh tế trong tương lai hay trong thực tại đều được coi là bí mật thương mại. Ví dụ về bí mật thương mại có thể là công thức sản xuất ra các sản phẩm, chẳng hạn như công thức sản xuất Coca-Cola; việc thu thập thông tin nhằm tạo ra lợi thế cạnh tranh cho một doanh nghiệp, chẳng hạn như cơ sở dữ liệu về danh sách khách hàng; bí mật thương mại thậm chí gồm cả chiến lược quảng cáo và quy trình phân phối.

Khác với bằng sáng chế, bí mật thương mại về lý thuyết được bảo vệ vô thời hạn và không cần thủ tục đăng ký gì. Tuy nhiên, bí mật thương mại thường dễ bị lộ và việc bảo vệ bí mật thương mại thì phải trả tiền. Trường hợp tốt nhất là các công ty phải hạn chế sự ra vào văn phòng và sự tiếp cận với các tài liệu, giáo dục các nhân viên chủ chốt và thanh tra chính phủ và giám sát chặt chẽ các ấn phẩm và các buổi thuyết trình về sản phẩm. Cho dù việc giữ bí mật rất tốn kém nhưng các công ty lớn chủ yếu dựa vào việc giữ bí mật khi không xin được bằng sáng chế. Công ty càng lớn thì lại càng cần pháp luật bảo vệ bí mật thương mại.

Những công ty không thể dựa vào tòa án để bảo vệ những bí mật quan trọng thì phải dựa vào chính mình. Chẳng hạn như họ có thể hạn chế nghiêm ngặt số lượng người có thể tiếp cận các thông tin cạnh tranh quan trọng. Tương tự như vậy, thông tin cần thiết cho những hoạt động quan trọng sẽ chỉ được tiết lộ khi bí mật thương mại được bảo vệ đầy đủ. Nếu không thì chỉ đào tạo trên mức cần thiết một số rất ít nhân viên để làm những nhiệm vụ lấp rập không đòi hỏi chuyên môn cao.

#### Nhãn hiệu

Nhãn hiệu là chỉ số chỉ dẫn thương mại, là dấu hiệu phân biệt để xác định một loại hàng hóa hay dịch vụ do một cá nhân hay công ty cụ thể sản xuất hoặc cung cấp. Tại các làng xã, thợ chữa giày dùng tên của mình để làm chức năng này. Nhãn hiệu đặc biệt quan trọng khi người sản xuất và tiêu dùng ở cách xa nhau. Trẻ nhỏ đòi mua búp bê Barbie, đồ chơi lắp ghép Lego và xe ô tô đồ chơi Hot Wheel. Một số người lớn mơ ước chiếc xe Ferrari, nhưng đa số đều có thể mua xe hơi hiệu Honda hay Toyota. Những khách hàng này cần nhãn hiệu để tìm kiếm hay né tránh hàng hóa và dịch vụ của các công ty khác.

Ở hầu hết các nước trên thế giới, nhãn hiệu cần phải được đăng ký thì mới có thể bảo hộ được và việc đăng ký cần phải được gia hạn. Thế nhưng trong khi bản quyền và bằng sáng chế tự hết hạn thì tên của công ty phục vụ khách hàng tốt sẽ ngày càng trở nên có giá. Nếu giả sử nhãn hiệu cũng bị hết hạn thì khách hàng cũng bị thiệt hại chẳng kém gì người sở hữu nhãn hiệu. Chúng ta thử tưởng tượng sẽ hỗn loạn như thế nào khi các công ty vô danh lại bán sản phẩm của mình với nhãn hiệu của công ty khác. Và chúng ta hãy thử xem xét trường hợp chất lượng đáng ngờ của tân dược giả và những điều tệ hại, thậm chí là tử vong, có thể xảy ra khi người sử dụng không hề nghi ngờ gì về chất lượng của thuốc.

Việc bảo hộ nhãn hiệu cũng được sử dụng rộng rãi trong các môn thể thao và ước tính chiếm tới 2,5% giá trị thương mại toàn cầu. Chẳng hạn như hầu hết nguồn tài trợ cho các kỳ Thế vận hội Olympic không phải là từ các chương trình truyền hình có bản quyền mà là từ việc mua bán các quyền được nhãn hiệu bảo hộ.

Lúc đầu, người mua những sản phẩm mang tên hay biểu trưng của các đội thể thao hay sự kiện nổi tiếng có thể cho rằng là không có sự liên hệ nào giữa sản phẩm với đội thể thao hay sự kiện, và đội thể thao không bảo đảm cho chất lượng của sản phẩm, ví dụ như chiếc mũ lưỡi trai chơi bóng chày có in biểu tượng của đội. Nhưng càng ngày khách hàng càng cho rằng có sự liên quan giữa sản phẩm và đội thể thao. Tính tới thời điểm năm 1993, chỉ riêng các đội bóng chày của Mỹ đã cấp phép sử dụng nhãn hiệu của họ cho số hàng hóa trị giá tới 2,5 tỷ đô-la.

#### Các loại sở hữu trí tuệ khác

Trong số các hình thức sở hữu trí tuệ cơ bản còn có rất nhiều loại hình bảo hộ đa dạng và đặc biệt. Ví dụ như các chỉ dẫn địa lý cho chúng ta biết được một loại sản phẩm có xuất xứ từ một địa phương mà tên địa lý của vùng gắn chặt với chất lượng, danh tiếng hay đặc trưng của sản phẩm đó. Một số nước bảo hộ riêng chỉ dẫn địa lý cho hàng hóa như rượu cô-nhắc của Pháp hay rượu whisky của Scotland. Ở Hoa Kỳ, chỉ dẫn địa lý được bảo hộ cùng với dấu hiệu và dấu hiệu chứng nhận. Chỉ dẫn địa lý được coi là một bộ phận của nhãn hiệu nhằm giúp khách hàng không bị nhầm lẫn và giúp bảo vệ lợi ích của doanh nghiệp. Tương tự như vậy, các vận động viên và người biểu diễn nổi tiếng ở Hoa Kỳ có thể cấp phép hoặc cấm việc gian lận hay sử dụng tên và hình ảnh của mình vì mục đích thương mại sai trái. Dựa trên nhãn hiệu hay các quyền quảng cáo chưa hoàn thiện có liên quan, những người nổi tiếng thường kiếm được nhiều tiền hơn từ việc cho phép dùng tên và hình ảnh của mình hơn là từ những hoạt động dựa vào danh tiếng của họ.

Tương tự như vậy, kiểu dáng mỹ thuật hay kiểu dáng trang trí của các đồ điện, ghế và các vật dụng khác cũng được bảo hộ theo nhiều cách khác nhau. Nhiều kiểu dáng công nghiệp được bảo hộ ở Hoa Kỳ, Nhật Bản, Hàn Quốc như đối với sáng chế về kiểu dáng. Các nước khác đặc biệt là ở châu Âu còn có các loại hình bảo hộ tương tự như bản quyền. Ở Hoa Kỳ, các tác phẩm có kiểu dáng mỹ thuật thuần túy như đồ trang sức hay các mẫu vải có thể áp dụng cho các loại sợi được bảo hộ bằng bản quyền. Ngoài ra, Hoa Kỳ còn bảo hộ theo luật định hai loại hình đặc biệt là các giống cây trồng mới, kiểu thân tàu độc đáo và con chip máy tính. Kiểu dáng chỉ nhằm mục đích chỉ rõ nguồn gốc thương mại có thể được bảo hộ theo luật về nhãn hiệu.

## NHỮNG VẤN ĐỀ VỀ SỞ HỮU TRÍ TUỆ ĐANG NỔI LÊN: TÊN MIỀN TRÊN INTERNET

Nhu cầu về các loại hình sở hữu trí tuệ mới đôi khi nảy sinh và việc chuyển nhượng địa chỉ trên Internet đã đặt ra những vấn đề thực sự khó khăn. Giống như số điện thoại, địa chỉ Internet có dạng cơ bản “123.456.123”. Nếu chỉ có vậy thôi thì đã chẳng có vấn đề gì.

Cho tới nay vẫn chưa có các thư mục hữu dụng nên hầu hết các địa chỉ đều có kiểu kết hợp cả chữ lẫn số như “BBC.uk”, “BBC.com”, hay “yale.edu”. Phần đặc trưng của mỗi địa chỉ (“BBC” hoặc “Yale”) được đăng ký là “tên miền”. Cũng giống như địa chỉ thư báo xác định địa điểm duy nhất trên thực tế, tên miền xác định địa điểm duy nhất trong “không gian mạng”.

Một vài tổ chức quản lý việc đăng ký, gia hạn và chuyển nhượng tên miền tùy theo phần cuối của các địa chỉ gồm chữ và số. Những địa chỉ kết thúc bằng mã quốc gia là “fr” hay “uk” sẽ chịu sự điều chỉnh tương ứng của luật Pháp và luật Anh. Những địa chỉ kết thúc bằng “edu” theo thỏa thuận với Bộ Thương mại Hoa Kỳ sẽ do Educause, một tổ chức phi chính phủ Hoa Kỳ, quản lý. Những địa chỉ kết thúc bằng “com” và một số chữ khác sẽ được truy cập toàn cầu. Những địa chỉ này, cũng theo thỏa thuận với Bộ Thương mại Hoa Kỳ, được điều chỉnh bằng quy định của Công ty Internet chỉ định Tên và Số (ICANN).

Do tên miền thường chứa tên, nhãn hiệu và những thứ tương tự của các công ty hay các danh nhân nên ít người coi tên miền là địa chỉ thuần túy. Khi Internet mới ra đời, người ta đã nhanh chóng biết rằng các tên miền có đuôi “.com” được đăng ký để bán với số phí khổng lồ. Chẳng hạn như một hãng du lịch đăng ký tên miền là “Barcelona.com”, một hành động bị thành phố Barcelona ở Tây Ban Nha lên án và sau đó thành phố tiếp tục khiếu nại lên cấp cao hơn để giành lại tên miền này. Người sở hữu các tên miền có ý định chọn tên miền với mục đích gây liên tưởng trái phép bị kết tội “chiếm dụng không gian mạng trái phép”. Ngay sau đó, người ta phải thiết lập các quy trình nhằm ngăn chặn những việc đăng ký tên miền sai trái hay việc tên miền của mình bị chuyển cho người khác khi khiếu nại lên cấp cao hơn về tính hợp pháp của tên miền.

Tuy nhiên trong những trường hợp dễ dàng nhất thì việc chuyển một tên miền cho người khác cũng tốn rất nhiều thời gian và tiền bạc. Nhiều địa chỉ cũng có thể do cùng một người hay công ty gọi ý tài trợ một cách sai trái. Kinh nghiệm cho thấy rằng hủy bỏ



những tên miền này là chưa đủ nếu như những người khác lại có thể tiếp tục đăng ký tên miền đó. Nhưng duy trì việc đăng ký hàng trăm các địa chỉ giả mạo cũng rất tốn kém.

Những vấn đề này đã được hạn chế bằng cách đưa ra những hình phạt dân sự và hình sự nghiêm khắc đối với những người chiếm dụng không gian mạng trái phép. Tuy nhiên, vẫn còn một số trường hợp chưa xử lý được và chúng ta cần có nhiều biện pháp hơn thì mới ngăn chặn được những hành động gây hại cho người sử dụng máy tính trên toàn thế giới.

## CÓ RẤT NHIỀU VẤN ĐỀ VỀ SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Cho dù những công ước đầu tiên bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ - Công ước Paris về bảo vệ quyền sở hữu công nghiệp và Công ước Berne bảo vệ các tác phẩm văn học và nghệ thuật - đã được ký kết từ những năm 1880 nhưng sự phối hợp giữa các nước trong việc bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ cho tới nay vẫn chưa đầy đủ.

Vấn đề quyền sở hữu trí tuệ lần đầu tiên được đưa ra thảo luận tại các Vòng đàm phán Uruguay của GATT (Hiệp định chung về Thuế quan và Mậu dịch) từ năm 1986 đến 1993 với Hiệp định về Quyền sở hữu trí tuệ liên quan tới thương mại (TRIPS). Hiệp định TRIPS yêu cầu các nước tham gia ký kết tạo điều kiện thuận lợi hơn cho công dân nước mình và công dân nước khác trong việc nắm bắt và thực thi quyền sở hữu trí tuệ cho dù Hiệp định này không quy định về tên miền như đã nêu ở trên.

Các quốc gia ký kết Hiệp định TRIPS cần phải biết rằng nếu luật sở hữu trí tuệ của họ, trên văn bản, có vẻ như ủng hộ phát minh và bảo vệ sở hữu trí tuệ nhưng trên thực tế lại không như vậy thì họ sẽ chẳng thu được gì ngoài những lời chỉ trích giễu cợt. Ngược lại, những biện pháp ít tốn kém nhằm đảm bảo, chuyển giao và thực thi quyền sở hữu trí tuệ sẽ thúc đẩy được phát triển văn hóa, nâng cao mức sống và cải thiện an sinh và y tế cộng đồng.

Mặc dù việc thực thi hiệu quả quyền sở hữu trí tuệ chủ yếu đã đem lại những kết quả kinh tế quan trọng nhưng nó cũng giúp đạt được một số những mục tiêu xã hội khác. Bằng cách tạo ra cơ hội cho các công ty được phần bù đắp những khoản đầu tư trong nghiên cứu, việc thực thi quyền sở hữu trí tuệ có thể giúp loại bỏ những nguy cơ về các loại bệnh hiểm nghèo. Ngoài việc thúc đẩy phát minh ra các công nghệ mới thì luật về nhãn hiệu và bằng sáng chế còn giúp ngăn chặn những tác hại nghiêm trọng do nạn hàng giả gây ra. Chẳng hạn như những người chủ tâm đánh tráo các sản phẩm y tế bằng cách gắn nhãn mác giả có thể không màng tới việc những sản phẩm y tế đó không có tác dụng hay thậm chí có hại cho người sử dụng không hề mấy may nghi ngờ chất lượng của dược phẩm.

Nền văn hóa của các quốc gia cũng bị đe dọa. Những tác phẩm của các họa sỹ, nhà văn, nhạc sỹ và những người sáng tác khác thường được hỗ trợ bằng những cách tương đối độc lập với nhu cầu vốn rủi ro của cá nhân. Tuy nhiên, dù việc này có thực đi chăng nữa thì những tác phẩm này cũng thường không thể cạnh tranh nổi trước việc mua bán bất hợp pháp những bản nhạc, bộ phim hoặc sách báo một cách rẻ mạt hay miễn phí có xuất

xứ từ nước ngoài. Những tác phẩm này sẽ có giá bán cao hơn rất nhiều nếu bản quyền đối với những tác phẩm nói trên được thực thi.

Những ai trên khắp thế giới quan tâm tới việc gìn giữ và phát triển văn hóa cũng như là vấn đề nâng cao chăm sóc y tế và phát triển kinh tế đều nên hiểu rằng việc bảo hộ sở hữu trí tuệ sẽ giúp đạt được những mục tiêu trên như thế nào.

---

Giáo sư Thomas G. Field Jr. đã giúp thành lập Trung tâm Luật Franklin Pierce ở New Hampshire năm 1973. Ông dành nhiều kiến thức của mình trong lĩnh vực sở hữu trí tuệ cho sinh viên theo học từ xa ở nước ngoài. Cuốn sách Nhập môn sở hữu trí tuệ là một trong số những ấn phẩm gần đây nhất của ông. Để biết thêm thông tin hãy truy cập vào địa chỉ: <http://www.piercelaw.edu/tfield/tgf.htm>.

---

### **Tại sao bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ lại quan trọng** **TẠI SAO BẢO VỆ QUYỀN SỞ HỮU TRÍ TUỆ LẠI QUAN TRỌNG**

E. Anthony Wayne

Hiện nay, người ta ngày càng quan tâm tới các vấn đề sở hữu trí tuệ. Nhưng đáng tiếc là vấn đề này lại thường xuyên được đề cập theo chiều hướng nhấn mạnh đến những điều gây tranh cãi và những tranh luận trái ngược nhau. Thực ra có rất nhiều nội dung về bảo vệ sở hữu trí tuệ mà mọi người có thể nhất trí được với nhau.

Để hiểu đầy đủ hơn về vấn đề này, chúng ta cần dành một chút thời gian xem xét quá trình phát triển của quyền sở hữu trí tuệ (IPR) và vai trò của IPR trong việc đạt được những những mục tiêu chung. Sau khi xem xét, chúng ta đi tới một kết luận rằng việc bảo vệ sở hữu trí tuệ đóng một vai trò sống còn trong quá trình phát triển kinh tế, văn hóa, xã hội. Nhưng chỉ bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ không thôi sẽ không thể có được những phát triển về kinh tế, văn hóa, xã hội. Nhưng một quốc gia khó có thể đạt được những mục tiêu phát triển nếu không có sự bảo vệ này.

### **BẢN QUYỀN VÀ VĂN HÓA**

Chúng ta có thể ghi nhận khái niệm về “bản quyền” đã có từ thế kỷ 17 ở nước Anh với luật bảo vệ những tác phẩm sáng tạo của văn sỹ, nghệ sỹ, ca sỹ và sau này là các nhà làm phim và chuyên gia viết phần mềm. Khái niệm này thậm chí còn được trang trọng ghi nhận trong Hiến pháp Hoa Kỳ tại Điều I, Mục 8, Khoản 8 “Quốc hội có quyền ... nhằm thúc đẩy tiến bộ khoa học và nghệ thuật bằng cách đảm bảo quyền tối cao của tác giả và nhà phát minh trong một khoảng thời gian nhất định đối với những tác phẩm và phát minh của họ”.

Ý tưởng cơ bản về bản quyền này rất đơn giản: Các nghệ sỹ và người sáng tác cần phải được hưởng thành quả lao động của mình trong một khoảng thời gian nhất định và sau đó thì những thành quả này sẽ thuộc về toàn thể xã hội. Xã hội được lợi bởi quy định này sẽ khuyến khích sáng tạo và tạo ra những sản phẩm văn hóa phong phú đa dạng cho mọi

người. Thực chất thì chúng ta có thể nói rằng bảo hộ bản quyền là điều cần thiết để đảm bảo sự sáng tạo văn hóa trong xã hội.

Nhưng nếu việc bảo hộ bản quyền là quan trọng trong việc đạt được những thành quả văn hóa thì đương nhiên việc ăn cắp những sản phẩm được bảo hộ bản quyền - tức là việc sao chép trái phép các sản phẩm văn hóa - là mối nguy hại cho lĩnh vực sáng tác trong xã hội chúng ta. Nhiều tổ chức quốc tế như Ngân hàng Thế giới, Tổ chức Sở hữu Trí tuệ Thế giới (WIPO) và thậm chí cả Tổ chức Văn hóa, Khoa học và Giáo dục của Liên Hợp Quốc (UNESCO) đều thừa nhận mối liên hệ này. Thực ra, nếu chúng ta truy cập trang web của UNESCO (<http://www.unesco.org>) thì chúng ta sẽ thấy cả một phần được dành cho vấn đề bản quyền và một danh sách các chương trình và ấn phẩm giải thích rõ hơn cho chúng ta về lợi ích của bản quyền đối với những chính sách văn hóa, khoa học, giáo dục và giúp ta có những phương thức chống lại nạn ăn cắp bản quyền.

Cho dù gần đây báo chí nói nhiều đến việc tải phim và nhạc trên mạng ở các nước phát triển như Hoa Kỳ, nhưng thực ra những vi phạm nghiêm trọng phần lớn lại xảy ra ở các nước đang phát triển. Nhiều giọng ca mới, nhiều tác giả và kịch bản phim đã không thể ra đời đơn giản chỉ vì các nghệ sĩ này không có đủ động lực để chấp nhận mạo hiểm. Họ biết rằng cho dù họ có sản xuất ra sản phẩm gì chẳng nữa thì sản phẩm của họ ngay lập tức sẽ bị sao chép - ăn cắp - và họ không được cung cấp đủ tiền bạc để phát triển tài năng của mình.

Đây không phải là một lập luận trừu tượng: Việc ăn cắp bản quyền diễn ra ở tất cả các châu lục. Một ví dụ điển hình là Hồng Kông, nơi ngành công nghiệp điện ảnh phát triển mạnh đã bị ảnh hưởng ghê gớm bởi nạn ăn cắp bản quyền đến nỗi một vài năm trước đây người ta dự đoán rằng Hồng Kông sẽ không giữ được ngành công nghiệp điện ảnh nữa. Hiện nay, ngành công nghiệp này ở Hồng Kông đang khởi sắc trở lại và khán giả khắp nơi trên thế giới được thưởng thức những bộ phim mới rất hay do chính quyền Hồng Kông đã mạnh tay xử lý nạn ăn cắp bản quyền. Các xưởng phim trong ngành công nghiệp điện ảnh của Băng-la-đét “Dhaliwood” đã đình công vào tháng 3 năm 2004 nhằm phản đối tình trạng ăn cắp bản quyền và yêu cầu chính phủ phải hành động. Những tiến triển tương tự cũng đã diễn ra trong ngành âm nhạc trên thế giới. Các nhạc sĩ Ê-ti-ô-pia đã đình công bảy tháng liền vào năm 2003 nhằm gây áp lực đòi chính phủ phải có những biện pháp chống nạn ăn cắp bản quyền mạnh mẽ hơn. Các nghệ sĩ này đều hiểu rõ tầm quan trọng của việc bảo vệ những tác phẩm của họ trước những kẻ xâm phạm bản quyền.

## BẰNG SÁNG CHẾ VÀ SỰ ĐỔI MỚI

Bằng sáng chế bảo hộ rất nhiều các loại phát minh như kiểu dáng công nghiệp, quy trình sản xuất, sản phẩm công nghệ cao, hợp chất phân tử. Bằng sáng chế cũng được ghi nhận trong Hiến pháp Hoa Kỳ giống như bản quyền. Hiến pháp trao cho Quốc hội quyền thúc đẩy “sự tiến bộ của khoa học và nghệ thuật” bằng cách cho các nhà phát minh được hưởng độc quyền tối cao trong một thời gian nhất định đối với những “phát minh” của họ.

Khái niệm về bằng sáng chế dựa trên cơ sở thỏa hiệp có đi, có lại. Nhà phát minh hay sáng chế có độc quyền tối cao trong việc sử dụng phát minh của mình trong một thời gian nhất định. Để đổi lại, quy định của hầu hết các quốc gia đều yêu cầu nhà phát minh công bố phương pháp tìm ra phát minh để cho mọi người có thể hiểu và học hỏi được từ những phát minh này. Sau khi thời hạn bảo hộ phát minh hết hạn thì bất cứ ai cũng có thể sử dụng hay bán phát minh này. Nhà phát minh được khuyến khích về mặt kinh tế để chấp nhận rủi ro và sáng tạo; xã hội nhận được lợi ích của phát minh và kiến thức của nhà phát minh được ứng dụng trong những lĩnh vực khác.

Người Mỹ luôn tự hào là một dân tộc có nhiều nhà phát minh sáng chế sẵn sàng thử nghiệm những cái mới trong cả ngành công nghiệp lẫn cả trong chính trị. Vì vậy, bằng sáng chế là một phần quan trọng trong lịch sử phát triển của Hoa Kỳ. Mặc dù hầu hết học sinh Mỹ có thể không biết rằng bằng sáng chế được đề cập tới trong Hiến pháp nhưng nhiều học sinh biết qua các bài học rằng một trong những bằng sáng chế đầu tiên được cấp cho máy tĩa hạt bông của Eli Whitney, chiếc máy có ảnh hưởng lớn tới sự phát triển sau này của Hoa Kỳ.

Nếu những gì đã diễn ra ở Mỹ là đúng quy luật thì nó cũng sẽ đúng ở các quốc gia khác, kể cả ở những quốc gia đang phát triển. Việc bảo hộ chặt chẽ sở hữu trí tuệ không những chỉ thúc đẩy sức sáng tạo mà còn tạo ra niềm tin vững chắc vào nền kinh tế đó, đủ để thu hút đầu tư nước ngoài và tăng cường chuyển giao công nghệ. Điều này đã được chứng minh trong một số nghiên cứu về quan hệ giữa sở hữu trí tuệ, đặc biệt là bằng sáng chế, với tốc độ phát triển. Chẳng hạn như một nghiên cứu đáng chú ý của Báo cáo Triển vọng Kinh tế Toàn cầu năm 2002 của Ngân hàng Thế giới đã phát hiện ra rằng “dù cho các quốc gia có mức thu nhập khác nhau nhưng việc bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ luôn gắn liền với phát triển thương mại và đầu tư nước ngoài, nhờ đó mà tốc độ tăng trưởng kinh tế đạt mức cao hơn”. Một ấn bản khác năm 2002 của Ngân hàng Thế giới mang tựa đề “Cầm nang Phát triển, Thương mại và WTO” đã chú dẫn một số nghiên cứu tuy chưa đưa ra được những kết quả rõ ràng nhưng cũng đã chỉ ra rằng việc bảo hộ mạnh mẽ bằng sáng chế có thể: 1) gia tăng thương mại toàn cầu; 2) thu hút thêm được đầu tư trực tiếp nước ngoài; 3) tăng cường việc mua bán công nghệ và do đó có thể tăng năng lực sản xuất trong nước; 4) góp phần thúc đẩy tốc độ tăng trưởng.

Ngày nay, Giooc-đa-ni có thể là một ví dụ điển hình cho những kết quả nghiên cứu trên. Tại quốc gia này, việc gia tăng bảo hộ bằng sáng chế đã đem lại những lợi ích kinh tế hữu hình (xem bài “Giooc-đa-ni hưởng lợi từ việc cải cách việc bảo hộ sở hữu trí tuệ”). Viện Sở hữu Trí tuệ Quốc tế (IIPI) đã công bố một báo cáo đầy đủ vào tháng 8 năm 2004 nghiên cứu việc thành lập ngành công nghiệp công nghệ dược và thuốc chữa bệnh từ cây cỏ có khả năng cạnh tranh toàn cầu của Giooc-đa-ni. Báo cáo phát hiện ra rằng “Kinh tế Giooc-đa-ni đã được hưởng lợi lớn từ việc bảo hộ sở hữu trí tuệ tốt hơn trong thời gian gần đây” theo như công bố của IIPI. Báo cáo nhấn mạnh hệ thống bảo vệ sở hữu trí tuệ nghiêm ngặt hơn, đặc biệt là bảo vệ bằng sáng chế, “đã tăng cường tập trung vào những phát minh dựa trên nghiên cứu cho các công ty dược phẩm của Giooc-đa-ni”.

Điều này đã được thể hiện trong đóng góp tăng đột biến của ngành chăm sóc y tế, từ 2,8% năm 1997 lên tới 3,5% năm 2001, vào GDP của Giooc-đa-ni. Kể từ năm 1997 số

lượng việc làm trong các lĩnh vực y tế tăng thêm 52%. Báo cáo cũng cho thấy “ngành dược phẩm là ngành lớn thứ hai ở Giooc-đa-ni và từ năm 1999 tới 2002 lượng thuốc xuất khẩu của các công ty Giooc-đa-ni tăng thêm 30%”.

## NHÃN HIỆU VÀ BẢO VỆ NGƯỜI TIÊU DÙNG

Nhãn hiệu là một từ, cụm từ, ký hiệu, hay kiểu dáng, hoặc sự kết hợp các từ, cụm từ, ký hiệu hay kiểu dáng nhằm xác định và phân biệt nguồn gốc của hàng hóa do một người sản xuất với hàng hóa do những người khác sản xuất. Vì vậy, nhãn hiệu xác định được người sản xuất ra một mặt hàng và người ta dùng nhãn hiệu để biết được chất lượng của hàng hóa. Nhãn hiệu cũng giúp khách hàng biết địa điểm cung cấp sự trợ giúp khi hàng hóa không đạt chất lượng. Một số loại hình nhãn hiệu đã tồn tại tới vài ngàn năm nay. Du khách tới thăm Vạn Lý Trường Thành ở Trung Quốc vẫn có thể thấy dấu hiệu của người sản xuất để lại trên một số những viên gạch. Dấu hiệu này cho phép các hoàng đế thời đó yên tâm về mặt chất lượng và trong trường hợp cần thiết thì có thể quy kết được trách nhiệm.

Việc đảm bảo chất lượng và quy kết được trách nhiệm đã hoàn toàn bị xóa sổ khi những kẻ làm hàng giả dùng nhãn hiệu và đánh lừa khách hàng bằng những sản phẩm do bọn chúng sản xuất. Khi nghĩ tới hàng giả, nhiều người có thể nghĩ ngay tới đồng hồ Rolex giả, bật lửa Zippo giả hay túi xách Louis Vuitton giả. Việc làm giả những sản phẩm này đã gây ra những tổn thất nghiêm trọng cho các công ty sản xuất hàng xịn và khiến cho chính phủ thất thu thuế. Nhưng việc làm giả nhãn hiệu còn gây ra một hậu quả nghiêm trọng khác, đó là làm ảnh hưởng tới sức khỏe và sự an toàn của cộng đồng.

Hoa Kỳ cũng không thể tránh khỏi nạn làm hàng giả. Trong buổi tường trình trước Ủy ban Pháp luật Thượng viện Hoa Kỳ vào tháng 3 năm 2004, Trợ lý Tổng Chương lý Hoa Kỳ là Christopher Wray đã đưa ra những ví dụ về việc vi phạm nhãn hiệu. Ông nhấn mạnh rằng vào đầu năm 2004, một công dân bang Alabama đã nhận tội 28 lần làm hàng giả và bị buộc tội làm giả nhãn hiệu thuốc diệt côn trùng. Anh ta đã bán thuốc diệt côn trùng giả với nhãn hiệu giả của loại thuốc diệt muỗi và gián tiếp bán thuốc diệt virus West Nile cho các thành phố và doanh nghiệp tư nhân ở một số bang của Hoa Kỳ. Bị cáo đã không đưa ra được tên của thuốc diệt côn trùng, nhà sản xuất và các thành phần hoạt chất. Trong một vụ án khác năm 2002, Bộ Tư pháp Hoa Kỳ đã kết tội một công dân bang California theo cáo trạng của liên bang vì liên quan đến âm mưu bán sữa bột giả cho trẻ sơ sinh. Sau khi bán sữa bột cho trẻ sơ sinh giả cho hàng ngàn trẻ em, những nạn nhân dễ bị tổn thương nhất, bị cáo đã trốn sang Canada năm 1995. Hắn đã bị bắt ở Canada năm 2001 và năm 2002 được đưa về xét xử tại Hoa Kỳ.

Nạn làm hàng giả cũng gây ra nguy cơ đe dọa nghiêm trọng tới an toàn và sức khỏe cộng đồng ở những quốc gia đang phát triển. Một bi kịch khủng khiếp hơn đã diễn ra ở Trung Quốc. Vào tháng 5 năm 2004, hãng tin AP đưa tin từ Bắc Kinh cho biết 47 tên đã bị kết tội bán sữa bột giả cho trẻ sơ sinh và chính quyền cho biết hành động này là nguyên nhân gây ra cái chết của hàng chục trẻ em. Theo bài báo, cuộc khám xét sau đó của cảnh sát đã phát hiện ra hàng ngàn bao đựng sữa bột giả với nhãn mác của 45 loại sữa khác nhau.

Thuốc tân dược giả cũng đã trở thành một vấn nạn nghiêm trọng gây chết người ở khắp nơi trên thế giới, đặc biệt là ở những quốc gia đang phát triển. Không ai biết rõ về điều này hơn Dorothy Akunyili, Giám đốc Cơ quan Quốc gia Kiểm tra và Quản lý Thuốc và Thực phẩm của Nigeria. Câu chuyện của bà được kể chi tiết trên trang nhất tờ Nhật báo Phố Wall vào tháng 5 năm 2004 cứ như thể một câu chuyện xảy ra trong tiểu thuyết. Nhưng đáng tiếc đó lại là chuyện có thật chứ không phải là chuyện giả tưởng. Việc điều tra và chống lại nạn làm thuốc tân dược giả đã khiến bà bị mưu sát và cơ quan bà bị phóng hỏa. Nhưng bà vẫn anh dũng tiếp tục công việc của mình với niềm thôi thúc cá nhân do em gái bà đã chết vì bị tiêm thuốc insulin giả. Cũng giống như nhiều người khác, bà hiểu rõ nguy cơ và hiểm họa của nạn hàng giả.

## SỞ HỮU TRÍ TUỆ VÀ XÃ HỘI

Có một điểm chung xuyên suốt các vấn đề về bản quyền, bằng sáng chế và nhãn hiệu vừa được đề cập ở trên. Việc thúc đẩy sự phát triển văn hóa, tăng cường sức sáng tạo và phát triển kinh tế, bảo vệ sự an toàn và sức khỏe cộng đồng là những mục tiêu chung. Tất cả chúng ta đều muốn sống trong những xã hội tôn vinh và thúc đẩy những giá trị này. Trong khi bàn luận về sở hữu trí tuệ ngày nay, chúng ta cần nhớ tới vai trò của việc bảo hộ sở hữu trí tuệ trong cuộc sống hàng ngày của chúng ta.

Hoa Kỳ hết sức tin tưởng vào giá trị của việc bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ vì những lý do đã nêu trên và nhiều lý do khác và Hoa Kỳ sẵn sàng cộng tác với các quốc gia khác nhằm tăng cường việc bảo hộ sở hữu trí tuệ.

---

E. Anthony Wayne là Trợ lý Ngoại trưởng Hoa Kỳ phụ trách các vấn đề về kinh tế và kinh doanh.

---

### **Giới thiệu khái quát các điều ước quốc tế về quyền sở hữu trí tuệ**

## **GIỚI THIỆU KHÁI QUÁT CÁC ĐIỀU ƯỚC QUỐC TẾ VỀ QUYỀN SỞ HỮU TRÍ TUỆ**

Paul E. Salmon

Việc bảo hộ chặt chẽ quyền sở hữu trí tuệ (IPR) trên thế giới có ý nghĩa sống còn đối với tăng trưởng và phát triển kinh tế của tất cả mọi quốc gia trong tương lai. Vì các điều ước quốc tế về IPR tạo ra cơ sở pháp lý và quy định chung nên những văn bản này đóng vai trò vô cùng quan trọng trong việc bảo vệ chặt chẽ sở hữu trí tuệ, và nhờ vậy sẽ thúc đẩy việc mở rộng kinh tế toàn cầu và phát triển những công nghệ mới.

Tuy nhiên, mãi đến khi vòng đàm phán Uruguay của Hiệp định chung về Thuế quan và Mậu dịch (GATT) sáng lập Tổ chức Thương mại Thế giới (WTO) và ký kết Hiệp định thương mại về Quyền Sở hữu Trí tuệ (TRIPS) năm 1994 thì cộng đồng quốc tế mới có một nguồn thống nhất về các chuẩn mực và nghĩa vụ về quyền sở hữu trí tuệ.

Tầm quan trọng của Hiệp định TRIPS được thể hiện ở ba điểm:

Đây là hiệp định duy nhất đầu tiên thực sự mang tính quốc tế đã đưa ra các chuẩn mực tối thiểu về bảo hộ nhiều hình thức của sở hữu trí tuệ;

Đây là hiệp định quốc tế đầu tiên về sở hữu trí tuệ có những quy định cụ thể về trách nhiệm dân sự, hình sự và bảo vệ biên giới; và

Đây là hiệp định quốc tế đầu tiên về sở hữu trí tuệ được áp dụng để giải quyết tranh chấp. Trên thực tế, TRIPS đặt nền tảng cho một hạ tầng cơ sở vững chắc và hiện đại trong lĩnh vực quyền sở hữu trí tuệ cho cộng đồng quốc tế.

Là một nước tích cực thực hiện Hiệp định TRIPS và tất cả các điều ước quốc tế khác về IPR nêu ra dưới đây, Chính phủ Mỹ khuyến khích các quốc gia khác tham gia và thực thi các điều ước quốc tế này.

## TRIPS

Hiệp định TRIPS có hiệu lực vào năm 1995 trong khuôn khổ Hiệp định Thành lập Tổ chức Thương mại Thế giới. TRIPS đã tổng hợp và xây dựng trên cơ sở các hiệp định quan trọng và mới nhất về sở hữu trí tuệ do Tổ chức Sở hữu Trí tuệ Thế giới (WIPO) thực thi với Công ước Paris về Bảo hộ Tài sản Công nghiệp và Công ước Berne về Bảo hộ các tác phẩm văn học và nghệ thuật – những hiệp định có từ những năm 1880.

Hiệp định TRIPS có vị thế độc nhất trong số các điều ước quốc tế về IPR bởi lẽ việc trở thành thành viên của WTO đồng nghĩa với việc tham gia “trọn gói” các hiệp ước. Nói cách khác, các quốc gia thành viên của WTO không được phép lựa chọn các hiệp ước mà phải tuân thủ tất cả các hiệp ước đa phương của WTO, bao gồm cả TRIPS.

Hiệp định TRIPS áp dụng các nguyên tắc cơ bản trong thương mại quốc tế đối với các quốc gia thành viên về sở hữu trí tuệ, trong đó có quy chế đối xử quốc gia và quy chế tối huệ quốc. TRIPS cũng đề ra các chuẩn mực tối thiểu về mức độ, phạm vi và việc sử dụng bảy hình thức sở hữu trí tuệ - quyền tác giả, nhãn hiệu, xuất xứ địa lý, thiết kế công nghiệp, bằng phát minh sáng chế, thiết kế bố trí mạch điện tử tích hợp và thông tin mật (bí mật thương mại). TRIPS cũng nêu cụ thể những hạn chế và ngoại lệ có thể chấp nhận nhằm hài hòa lợi ích sở hữu trí tuệ với lợi ích trong những lĩnh vực khác, chẳng hạn như sức khỏe cộng đồng và phát triển kinh tế. (Toàn văn Hiệp định TRIPS cũng như phần giải thích các điều khoản của hiệp định có tại trang web của WTO <http://www.wto.org>).

Theo Hiệp định TRIPS, các nước phát triển hoàn toàn thực thi hiệp định này vào ngày 1/1/1996. Các quốc gia đang phát triển và những thành viên đang trong thời kỳ quá độ sang kinh tế thị trường được phép lùi ngày thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ quy định trong TRIPS đến 1/1/2000. Các nước kém phát triển được phép bắt đầu thực hiện các nghĩa vụ của mình vào ngày 1/1/2006, và có khả năng được kéo dài thời kỳ chuyển giao nếu có yêu cầu. Các quốc gia đang phát triển chưa có quy định bảo hộ bằng phát minh sáng chế đối với một số lĩnh vực công nghệ nhất định tính đến thời điểm xin gia nhập thì được phép kéo dài thêm năm năm nữa, tức là đến ngày 1/1/2005, để ban hành quy định bảo hộ như vậy.

Tại Hội nghị Bộ trưởng Thương mại của WTO tại Doha năm 2001, các quốc gia kém phát triển đã được gia hạn thêm 10 năm để thực thi các quy định về bảo hộ bằng phát minh sáng chế và “bí mật thương mại” trong khuôn khổ của TRIPS vì những quy định này có liên quan đến được phẩm.

Tuy nhiên, do Hiệp định TRIPS đã trải qua 10 năm nên không thể bao hàm được một số diễn biến mới, như các vấn đề về Internet và tác quyền kỹ thuật số, công nghệ sinh học tiên tiến, và quá trình nhất thể hóa những chuẩn mực toàn cầu về luật pháp hoặc thông lệ. Hiệp định này mới chỉ đặt nền tảng cho việc bảo hộ IPR ở mức tối thiểu chứ chưa phải tối đa.

Kể từ khi ký kết Hiệp định TRIPS, Tổ chức Sở hữu Trí tuệ Thế giới đã giải quyết nhiều vấn đề tác quyền kỹ thuật số trong các hiệp định về Internet, cụ thể Hiệp định Quyền tác giả của WIPO (WCT) và Hiệp định về Biểu diễn và Ghi âm của WIPO (WPPT).

Dưới đây là phần tóm lược một số hiệp định khác của WIPO bổ sung cho Hiệp định TRIPS, đề cập đến những phát triển công nghệ mới. Toàn văn các hiệp định của WIPO đề cập dưới đây có tại địa chỉ <http://www.wipo.int/>.

## HIỆP ƯỚC VỀ LUẬT NHÃN HIỆU

Hiệp ước về Luật Nhãn hiệu (TLT), được thông qua ngày 27/10/1994, đã có hiệu lực ngày 1/8/1996. Tính đến ngày 1/7/2005, 33 quốc gia, trong đó có Hoa Kỳ, đã tham gia hiệp định. TLT được ban hành để đơn giản hóa các thủ tục xin cấp phép, đăng ký và hải hòa thủ tục đăng ký nhãn hiệu giữa các quốc gia khác nhau. TLT đã hải hòa thủ tục của các cơ quan cấp phép đăng ký nhãn hiệu của các quốc gia khác nhau thông qua việc quy định những yêu cầu tối đa mà một bên tham gia có thể đưa ra.

TLT dành cho nhãn hiệu dịch vụ - dấu hiệu nhận biết đặc thù của các doanh nghiệp cung cấp dịch vụ để phân biệt với hàng hóa - quy chế “bình đẳng” với nhãn hiệu. Trước đây, nhiều nước dành quy chế pháp lý khác nhau cho nhãn hiệu hàng hóa và nhãn hiệu dịch vụ. TLT đã yêu cầu các quốc gia thành viên đăng ký nhãn hiệu dịch vụ và dành quy chế pháp lý tương tự như nhãn hiệu hàng hóa.

Theo quan điểm của những người sở hữu nhãn hiệu, TLT đã tiết kiệm thời gian và tiền bạc cho quá trình chuẩn bị và lập hồ sơ xin đăng ký. Hiệp định này đã đơn giản hóa quy trình gia hạn sau khi đăng ký, thu âm, đổi tên và địa chỉ và quyền hạn của người được ủy quyền. Các quốc gia tham gia TLT có nghĩa vụ cho phép đăng ký đa chủng loại, giúp chủ sở hữu nhãn hiệu xin đăng ký một lần cho nhiều chủng loại hàng hóa và dịch vụ.

Một khía cạnh quan trọng khác của TLT cũng đem lại lợi ích cho chủ sở hữu nhãn hiệu là cấm các cơ quan cấp phép của các quốc gia thành viên yêu cầu xác thực các hồ sơ và chữ ký đối với các đơn thư xin đăng ký nhãn hiệu. Nhiều quốc gia yêu cầu bất kỳ chữ ký nào nộp kèm trong hồ sơ đăng ký nhãn hiệu cũng cần phải công chứng hoặc phải được hợp pháp hóa phù hợp với luật pháp của quốc gia đó. Theo quy định của TLT, trong hầu hết mọi trường hợp, không cần phải tuân thủ các thủ tục này nữa. Khía cạnh này cho phép



người chủ sở hữu nhãn hiệu hoàn tất và nộp hồ sơ xin đăng ký nhãn hiệu nhanh hơn với chi phí thấp hơn.

Một lợi thế nữa của TLT là việc hài hòa thời hạn đăng kí nhãn hiệu ban đầu và gia hạn giữa các quốc gia thành viên: TLT quy định thời hạn đăng kí ban đầu là 10 năm, và có thêm 10 năm gia hạn.

Các đặc điểm chính khác của TLT còn bao gồm việc giới thiệu hệ thống ứng dụng đăng ký mục đích sử dụng (có bằng chứng chứng tỏ các nhãn hiệu này đã sử dụng trước khi đăng ký); hợp lý hóa thủ tục gia hạn; giảm thiểu những yêu cầu hoàn tất ngày nộp đơn đăng ký và đơn giản hóa thủ tục thay đổi tên và sở hữu hồ sơ và đăng ký nhãn hiệu.

Nói tóm lại, TLT nhằm tạo điều kiện thúc đẩy thương mại quốc tế: Điều đó có ý nghĩa vô cùng quan trọng đối với các cá nhân và các doanh nghiệp nhỏ đang tìm kiếm thị trường ở các quốc gia khác. Hiện tại, Ủy ban Thường trực về Nhãn hiệu, Thiết kế công nghiệp và Ký hiệu địa lý WIPO (SCT) đang đàm phán các đề xuất sửa đổi TLT. Ủy ban này kiến nghị Đại hội đồng WIPO tổ chức một hội nghị ngoại giao từ ngày 13-31/3/2006 để xem xét việc thông qua TLT sửa đổi.

#### HIỆP ƯỚC VỀ LUẬT CHỨNG NHẬN PHÁT MINH, SÁNG CHẾ

Hiệp ước về Luật Chứng nhận Phát minh, Sáng chế (PLT) do WIPO thông qua vào tháng 6 năm 2000 đã có hiệu lực ngày 28/4/2005. PLT là kết quả của nhiều năm tiến hành đàm phán đa phương về hài hòa hệ thống chứng nhận phát minh sáng chế trên thế giới. PLT đã hài hòa một số thủ tục đăng ký bằng phát minh sáng chế nhằm giảm thiểu hoặc loại bỏ những thủ tục và nguy cơ bị mất quyền sở hữu. PLT không hài hòa nội dung luật chứng nhận phát minh, sáng chế - tức là luật của mỗi quốc gia quy định các điều kiện bắt buộc để có thể nhận được bằng phát minh, sáng chế ở quốc gia đó. Tuy nhiên, WIPO đang tiến hành thương thảo nhằm hài hòa nội dung luật chứng nhận phát minh, sáng chế.

PLT tạo điều kiện cho những người nộp đơn đăng ký bằng phát minh và chủ sở hữu bằng phát minh được cấp và duy trì bằng phát minh, sáng chế khắp nơi trên thế giới thông qua việc đơn giản hóa và – ở một mức độ rộng rãi – hợp nhất các yêu cầu của quốc gia và quốc tế gắn liền với việc đăng ký và cấp bằng phát minh sáng chế.

PLT:

đơn giản hóa và giảm thiểu các yêu cầu đăng ký cấp bằng phát minh, sáng chế để hạn ngày lập hồ sơ;

giới hạn những yêu cầu về mặt hình thức mà các bên ký kết có thể đưa ra;

nói lỏng những yêu cầu về mặt trình bày đối với nhiều vấn đề mang tính hình thức;

nói lỏng những giới hạn về thời gian mà Văn phòng Tác quyền của một quốc gia có thể đưa ra và phục hồi quyền khi một người xin đăng ký hoặc sở hữu đã không tuân thủ quy định về giới hạn thời gian và việc không tuân thủ đó đã có hậu quả trực tiếp là gây ra mất các quyền lợi; và

quy định việc hiệu chỉnh hoặc bổ sung các yêu cầu ưu tiên và phục hồi quyền ưu tiên.

## HỆ THỐNG HIỆP ƯỚC HỢP TÁC VỀ BẰNG PHÁT MINH SÁNG CHẾ

Hiệp định hợp tác về bằng phát minh sáng chế (PCT) đã bắt đầu manh nha từ năm 1966 khi Ban Điều hành Công ước Paris về Bảo hộ Quyền Sở hữu trí tuệ kêu gọi nghiên cứu tìm cách giảm bớt những gánh nặng có liên quan tới việc lập hồ sơ và được cấp bằng cho cùng một phát minh sáng chế ở các quốc gia khác nhau đối với những người đăng ký và cơ quan cấp bằng phát minh sáng chế. Kết quả là Hiệp định PCT của WIPO đã được ký kết tại Washington, D.C. năm 1970 và có hiệu lực năm 1978. Hiệp định đã được sửa đổi năm 1979, 1984, 2001 và 2004. Tính đến ngày 15/9/2005 đã có 128 bên tham gia ký kết PCT.

Nhờ đơn giản hóa quá trình lập hồ sơ đăng ký bằng phát minh sáng chế nên PCT đã giúp những nhà phát minh được bảo hộ bằng phát minh của họ trên toàn thế giới. Hiệp định này cũng khuyến khích các doanh nghiệp nhỏ và các cá nhân tìm cách bảo hộ bằng phát minh sáng chế của họ ở nước ngoài.

Theo hiệp định này, các công dân của một quốc gia tham gia ký kết chỉ cần lập một hồ sơ đăng ký cấp bằng phát minh duy nhất - thường được gọi là hồ sơ “quốc tế” - và gửi tới Cơ quan cấp bằng phát minh của nước họ hoặc tới WIPO với tư cách là cơ quan tiếp nhận hồ sơ. Như vậy, đơn xin cấp bằng phát minh sáng chế của họ sẽ tự động được gửi tới tất cả 127 quốc gia tham gia PCT.

Hiệp định cho phép những người nộp đơn có thời gian dài hơn – 30 tháng – để cam kết trang trải mọi chi phí dịch thuật, lệ phí hồ sơ trong nước và thực thi ở tất cả mọi quốc gia nơi họ muốn được bảo hộ. Nhờ cho phép người nộp đơn có nhiều thời gian và thông tin hơn để đánh giá thế mạnh trong bằng phát minh sáng chế tương lai của họ và quyết định kế hoạch tiếp thị của mình, thời hạn 30 tháng giúp các ứng viên lựa chọn tốt hơn những quốc gia nơi họ muốn nộp hồ sơ. Đây là một bước tiến quan trọng so với thời hạn ưu tiên 12 tháng đã được quy định trong Công ước Paris đối với những người nộp đơn xin cấp bằng phát minh sáng chế.

Trong khuôn khổ PCT, WIPO đã ấn hành “áp dụng tính quốc tế” cùng với hướng dẫn về việc công nhận phát minh sáng chế. Việc hướng dẫn như vậy có nghĩa là tiến hành nghiên cứu sơ bộ và/hoặc kiểm tra thông qua một “cơ quan quốc tế” - một trong 11 cơ quan cấp bằng phát minh sáng chế hiện đáp ứng tiêu chuẩn tối thiểu về nhân lực và các yêu cầu xử lý hồ sơ khác được WIPO ủy quyền. Việc chỉ dẫn như vậy giúp người nộp đơn quyết định xem có nên tiếp tục nộp hồ sơ xin cấp bằng phát minh, sáng chế tới các cơ quan cấp bằng phát minh, sáng chế ở trong nước hay trong khu vực hay không. Các cơ quan cấp bằng phát minh cũng được hưởng lợi từ quá trình chỉ dẫn này khi quyết định có nên cấp bằng phát minh sáng chế quốc gia hay khu vực dựa theo hồ sơ đăng ký trong khuôn khổ của PCT hay không. Các công trình nghiên cứu ở nước ngoài đã xác định những văn bản liên quan cần thiết giúp các cơ quan cấp bằng phát minh, sáng chế đảm bảo nguồn lực trong quá trình điều tra và nâng cao chất lượng kiểm tra của họ.

## NGHỊ ĐỊNH THƯ MADRID VỀ HỆ THỐNG ĐĂNG KÝ CÁC NHÃN HIỆU QUỐC TẾ

Nghị định thư liên quan tới Hiệp định Madrid về đăng ký các nhãn hiệu quốc tế - Nghị định thư Madrid - đã được thông qua tại thủ đô Tây Ban Nha ngày 27/6/1989, và có hiệu lực ngày 1/12/1995. Nghị định thư này là một trong hai hiệp định tạo nên hệ thống đăng ký nhãn hiệu quốc tế Madrid. Hiệp định đầu tiên - Hiệp định Madrid 1891 - đã quy định đăng ký nhãn hiệu ở một số quốc gia thông qua việc đăng ký nhãn hiệu quốc tế với WIPO tại Geneva.

Nghị định thư Madrid đã ra đời vì một số quốc gia gặp nhiều khó khăn trong quá trình thực hiện Hiệp định Madrid. Điều đó được coi là cải thiện hệ thống đăng ký nhãn hiệu quốc tế. Do đó, ngày càng nhiều chủ sở hữu nhãn hiệu đang sử dụng Nghị định thư Madrid mỗi năm để bảo hộ nhãn hiệu của họ ở nước ngoài. Tính đến ngày 15/9/2005, đã có 66 quốc gia ký kết Nghị định thư Madrid.

Nghị định thư Madrid là một hiệp định về thủ tục lập hồ sơ chứ không phải là hiệp định điều chỉnh về mặt nội dung. Nghị định thư giúp những người sở hữu nhãn hiệu - các cá nhân và doanh nghiệp - bảo vệ được nhãn hiệu của họ một cách hiệu quả cùng một lúc ở nhiều quốc gia thông qua việc lập hồ sơ xin cấp bằng phát minh sáng chế tới một cơ quan duy nhất với một ngôn ngữ, một khoản chi phí và một loại tiền tệ. Hơn nữa, không cần phải lập hồ sơ qua trung gian. Đơn xin cấp bằng phát minh, sáng chế có thể được lập bằng tiếng Anh, tiếng Pháp hoặc Tây Ban Nha.

Việc nộp hồ sơ đăng ký mang tính quốc tế cũng có hiệu quả tương tự như hồ sơ đăng ký nhãn hiệu ở trong nước như đã được người nộp hồ sơ lựa chọn. Khi cơ quan bảo hộ nhãn hiệu ở một quốc gia được lựa chọn đồng ý bảo hộ thì nhãn hiệu đó sẽ được bảo hộ trong toàn hệ thống tương tự như cơ quan này đã đăng ký.

Nghị định thư Madrid cũng đơn giản hóa việc quản lý nhãn hiệu bởi lẽ một thủ tục đơn giản sẽ giúp Cục Quốc tế của WIPO cập nhật được những thay đổi sau này về sở hữu, hoặc tên, hoặc địa chỉ của người sở hữu nhãn hiệu.

Trước khi nghị định thư được ban hành, các yêu cầu hành chính phức tạp đối với việc chuyển giao tài sản bình thường của doanh nghiệp đã gây khó khăn cho những người sở hữu thực hiện việc chuyển nhượng hợp pháp các nhãn hiệu của họ trên thế giới. Nghị định thư đã cho phép người sở hữu đăng ký trên phạm vi quốc tế chỉ bằng một hồ sơ duy nhất, trả tiền một lần trước khi chuyển nhượng một nhãn hiệu ở tất cả mọi quốc gia tham gia ký kết. Việc gia hạn đăng ký cũng chỉ có duy nhất một thủ tục đơn giản. Việc đăng ký trên phạm vi quốc tế có thời hạn 10 năm và thời gian gia hạn mới là 10 năm.

Những người sở hữu nhãn hiệu có thể lựa chọn thêm một số quốc gia nữa nếu họ quyết định tìm cách bảo hộ ở nhiều quốc gia thành viên hơn hoặc nếu có thêm nhiều quốc gia mới gia nhập nghị định thư.

Nếu việc đăng ký cơ bản - hoặc việc đăng ký làm cơ sở cho đăng ký quốc tế - bị hủy vì bất kỳ lý do gì trong năm đầu tiên thì công ước Madrid sẽ tạo điều kiện cho người đăng ký quốc tế chuyển việc đăng ký đó thành một loạt các hồ sơ đăng ký ở các quốc gia

tham gia ký kết như đã lựa chọn. Các đơn đăng ký này sẽ giữ nguyên ngày ưu tiên như đã nêu trong hồ sơ đăng ký quốc tế ban đầu ở mỗi nước. Người sở hữu cũng bảo lưu quyền ở mỗi quốc gia thành viên, ngay cả khi không thực hiện được đăng ký quốc tế.

## HỆ THỐNG KÝ GỬI KIỂU DÁNG CÔNG NGHIỆP QUỐC TẾ LA HAY

Hệ thống La Hay là hệ thống đăng ký quốc tế, cho phép chủ sở hữu bảo hộ các thiết kế công nghiệp của họ với thủ tục và chi phí thấp nhất. Chỉ cần một hồ sơ đăng ký quốc tế được nộp cho Cục Quốc tế của WIPO đã có thể thay thế một loạt các hồ sơ trước đây ở một số quốc gia và/hoặc các tổ chức liên chính phủ tham gia hệ thống La Hay. Việc quản lý đăng ký quốc tế cũng trở nên dễ dàng hơn trong hệ thống này. Ví dụ, chỉ cần một thủ tục là có thể thay đổi tên hoặc địa chỉ của chủ sở hữu, hoặc thay đổi sở hữu đối với một số hoặc tất cả các bên tham gia ký kết đã được lựa chọn.

Tính đến ngày 26/4/2005, Hệ thống La Hay đã có 42 bên tham gia ký kết.

## HIỆP ƯỚC BUDAPEST VỀ CÔNG NHẬN QUỐC TẾ ĐỐI VỚI KÝ GỬI VI SINH VẬT NHẪM HOÀN TẤT THỦ TỤC BẰNG PHÁT MINH SÁNG CHẾ

Hiệp định Budapest về công nhận quốc tế đối với việc ký gửi vi sinh vật nhằm hoàn tất thủ tục bằng phát minh sáng chế đã được ký kết ngày 28/4/1977 và được sửa đổi ngày 26/9/1980. Hiệp định Budapest loại bỏ việc ký gửi vi sinh vật ở mỗi quốc gia nơi người ta đăng ký bảo hộ bằng phát minh sáng chế.

Theo hiệp định này, việc ký gửi một vi sinh vật tại “một cơ quan ký gửi trên phạm vi thế giới” đáp ứng các yêu cầu về ký gửi trong luật về bằng phát minh sáng chế của tất cả các thành viên tham gia hiệp định. “Cơ quan ký gửi trên phạm vi thế giới” có khả năng lưu giữ vật liệu sinh học và đã đề ra các thủ tục đảm bảo việc tuân thủ Hiệp định Budapest. Những thủ tục như vậy bao gồm các yêu cầu giữ nguyên phần ký gửi trong suốt thời gian có hiệu lực của bằng phát minh sáng chế, và các mẫu phẩm sẽ chỉ được chuyển đến những người hoặc chủ thể được phép tiếp nhận.

Việc thành lập một “cơ quan ký gửi trên phạm vi thế giới” đem lại nhiều thuận lợi cho cả người nộp đơn đăng ký bằng phát minh lần quốc gia tham gia ký kết. Những người nộp đơn đăng ký được hưởng lợi vì yêu cầu ký gửi ở nhiều quốc gia nơi họ tìm kiếm sự bảo hộ đã giảm đi rất nhiều. Vì việc ký gửi duy nhất ở bất kỳ “một cơ quan ký gửi trên phạm vi thế giới” nào cũng sẽ đảm bảo yêu cầu bảo mật ở tất cả mọi quốc gia thành viên nên chi phí mà người đăng ký bằng phát minh phải trả sẽ thấp hơn rất nhiều. Sử dụng một cơ quan duy nhất làm nơi ký gửi sẽ tăng cường độ an toàn của ký gửi và tạo cơ chế phân bổ ký gửi. Các quốc gia tham gia ký kết được hưởng lợi vì họ có thể dựa vào các tiêu chuẩn thống nhất của hiệp định để đảm bảo việc ký gửi hiệu quả. Họ không cần phải tự xây dựng một cơ quan ký gửi “được công nhận” để đáp ứng các yêu cầu bảo mật bằng phát minh sáng chế quốc gia.

Tính đến tháng 5 năm 2005, đã có 60 cơ quan cấp bằng phát minh sáng chế tuân thủ các điều kiện của Hiệp định Budapest và có 35 “cơ quan ký gửi” ở 22 quốc gia khác nhau.

## CÔNG ƯỚC QUỐC TẾ VỀ BẢO HỘ CÁC GIỐNG CÂY MỚI

Công ước quốc tế về bảo hộ các giống cây mới (UPOV) đã thiết lập một hệ thống tài sản trí tuệ đã được quốc tế công nhận nhằm bảo vệ các giống cây mới. Công ước UPOV khuyến khích và dành phần thưởng cho những người nhân giống cây mới một cách khéo léo và sáng tạo. Bất cứ ai đưa ra giống cây mới có thể kháng bệnh, kháng hạn, kháng rét hoặc đơn giản đẹp hơn về mặt thẩm mỹ cũng đều là một nhà phát minh tương tự như ai đó đã cải thiện máy móc của xe hơi hoặc tìm ra loại thuốc mới. Sự khác biệt duy nhất là những người nhân giống cây làm việc với những sinh thể chứ không phải các chất vô tri vô giác.

Quá trình tạo ra một loại cây mới thường rất lâu và tốn kém. Tuy nhiên, việc tái tạo lại một giống cây đã có lại có thể nhanh và tương đối dễ dàng. Do đó, hệ thống bảo hộ tài sản trí tuệ hữu hiệu cần phải khuyến khích cho những đổi mới, sáng tạo bằng cách cho phép các nhà đầu tư hoàn vốn đầu tư và đồng thời truyền bá những kiến thức về phát minh đó cho những người khác để họ có thể hoàn thiện tốt hơn. Hệ thống UPOV đề ra ba nguyên tắc pháp lý cơ bản về bảo hộ nhằm khuyến khích những người nhân giống tăng cường óc sáng tạo của họ bằng cách trao cho họ độc quyền sở hữu phát minh về loại cây của họ trong khi vẫn khuyến khích tìm ra các loài cây mới.

Trong khuôn khổ hệ thống UPOV thiết lập năm 1991 – một trong những hiệp định được ký kết gần đây nhất – những đặc quyền dành cho nhà phát minh (thường được gọi là “quyền của nhà gây giống”) đòi hỏi một bên khác ngoài chủ sở hữu các đặc quyền đó được ủy quyền:

tạo ra hoặc tái tạo một sản phẩm đã được bảo hộ;

sử dụng sản phẩm đó để nhân rộng, và

bán hoặc tiếp thị, xuất khẩu, nhập khẩu hoặc dự trữ sản phẩm đã được bảo hộ.

Để hưởng độc quyền, người gây giống phải phát minh ra một loại cây mới hoàn toàn mới, đặc thù, thống nhất và ổn định. Tuy nhiên, theo Công ước UPOV, một người nhân giống cây nhìn chung không cần có ủy quyền từ những người nhân giống cây khác khi sử dụng các giống cây đã được bảo hộ để tiến hành các hoạt động không vì mục đích thương mại hoặc thí nghiệm nhằm tìm ra các loại cây mới. Công ước UPOV cũng cho phép mỗi quốc gia thành viên hạn chế độc quyền của người nhân giống đối với bất kỳ một loại cây nào có thể cho phép người nông dân sử dụng một phần thu hoạch của họ để trồng trên mảnh đất của họ sau này. Tuy nhiên, những hạn chế như vậy cần phải nằm trong giới hạn cho phép và cần phải bảo vệ các quyền lợi hợp pháp của người nhân giống.

Các quốc gia thành viên tổ chức hội nghị của Hội đồng chấp hành – cơ quan thường trực của công ước - hai năm một lần. Các cơ quan khác của UPOV bao gồm Ủy ban Hiệp thương, Ủy ban Hành chính và Pháp luật, Ủy ban Kỹ thuật, gồm nhiều nhóm làm việc kỹ thuật (TWP) trong các lĩnh vực khác nhau của ngành nông nghiệp. TWP họp định kỳ để chia sẻ và thảo luận những nhận xét và tiến bộ đạt được trong các lĩnh vực của nông nghiệp. Điều này giúp họ chuẩn hóa các tiêu chuẩn kiểm tra ở các quốc gia thành viên. Các cuộc họp của TWP đem lại lợi ích cho những người nhân giống vì các tiêu chuẩn

càng thống nhất thì càng tăng cường tính nhất quán trong quá trình lập hồ sơ đăng ký ở nhiều quốc gia khác nhau.

Tính đến ngày 29/6/2005, đã có 59 quốc gia tham gia Công ước UPOV. Dự kiến trong vài năm tới sẽ có thêm nhiều quốc gia tham gia ký kết UPOV

Thông tin tham khảo thêm về UPOV có tại địa chỉ <http://www.upov.int>

## KẾT LUẬN

Trong kỷ nguyên thông tin, với tốc độ tiến bộ công nghệ ngày càng nhanh thì chỉ thực thi Hiệp định TRIPS không thôi vẫn chưa đủ tạo lập một hệ thống sở hữu trí tuệ vững chắc. Cho dù tới thời điểm này TRIPS là hiệp định đầu tiên quy định đầy đủ về quyền sở hữu trí tuệ nhưng hiệp định này cũng đã ra đời được một thập kỷ và hiện cho thấy đây là một hiệp định “ra đời đúng lúc cấp bách”. Những tiến bộ công nghệ trong ngành thông tin, sinh học và các ngành khác đòi hỏi chúng ta phải chỉnh sửa những bộ luật quốc tế và quốc gia về bảo hộ sở hữu trí tuệ. Rất may là WIPO đã đi đầu trong việc đưa ra những chuẩn mực quốc tế mới nhằm đáp ứng những thách thức này.

WIPO cũng đã nêu ra cách đơn giản hóa và hợp lý hóa những thủ tục tìm kiếm, giữ gìn và duy trì các quyền sở hữu trí tuệ ở nhiều quốc gia. Thông qua “Dịch vụ Bảo hộ Toàn cầu” và các hiệp ước mang tính dung hòa, WIPO đã giúp các nhà sáng chế và các Cục Sở hữu trí tuệ Quốc gia tiết kiệm được rất nhiều thời gian và sức lực. WIPO cũng luôn sẵn sàng hỗ trợ kỹ thuật cao cấp cho việc thiết lập và nâng cấp hệ thống IPR toàn cầu. Các quốc gia nên tham vấn cả WTO lẫn WIPO khi xây dựng hệ thống IPR của riêng mình.

---

Paul E. Salmon là luật sư chuyên về bằng sáng chế của Phòng Hợp tác Quốc tế, Cục Nhân hiệu và Bằng sáng chế Hoa Kỳ. Ông Salmon đồng thời là Tùy viên về Sở hữu trí tuệ tại Geneva, Thụy Sĩ đại diện cho Chính phủ Hoa Kỳ trong các cuộc họp của WIPO và WTO. Ông thường xuyên giảng bài với chủ đề về luật quốc tế đối với bằng sáng chế.

---

### **Các chương trình hỗ trợ kỹ thuật và đào tạo về sở hữu trí tuệ**

## **CÁC CHƯƠNG TRÌNH HỖ TRỢ KỸ THUẬT VÀ ĐÀO TẠO VỀ SỞ HỮU TRÍ TUỆ**

Allison Areias

Những quốc gia có hệ thống bảo hộ sở hữu trí tuệ hiệu quả đã được hưởng lợi từ việc bảo hộ sở hữu trí tuệ của họ và tạo ra được một môi trường hấp dẫn đối với đầu tư nước ngoài. Nhưng nhiều quốc gia gặp những khó khăn lớn trong việc bảo hộ sở hữu trí tuệ, ví dụ như người dân không có ý thức về sở hữu trí tuệ, luật pháp không đầy đủ, cơ chế thực thi luật không hiệu quả và nhiều quốc gia không có đủ nguồn lực để giải quyết những khó khăn này.

Chính phủ Hoa Kỳ và các ngành công nghiệp tư nhân dựa trên sở hữu trí tuệ của Hoa Kỳ tổ chức những khóa đào tạo dài hạn cho quan chức và công dân nước ngoài. Trong năm 2003 và đầu năm 2004, những đào tạo viên Hoa Kỳ đã tổ chức 295 chương trình, từ chương trình đào tạo pháp lý được tổ chức ở Phi-lip-pin cho tới kỹ thuật điều tra và truy tố được tổ chức tại Ai Cập. Những đào tạo viên về sở hữu trí tuệ của Chính phủ Hoa Kỳ là nhân viên của Cục Nhân hiệu và Bằng sáng chế, Chương trình Phát triển Luật Thương mại của Bộ Thương mại, Bộ Tư pháp, các Cục Hải quan và Bảo vệ Biên giới và Cục Nhập cư và Thực thi Hải quan thuộc Bộ An ninh nội địa, Văn phòng Bản quyền thuộc Thư viện Quốc hội. Bộ Ngoại giao Hoa Kỳ tài trợ cho nhiều chương trình đào tạo thông qua Cơ quan Phát triển Quốc tế (USAID), Cục Thi hành luật và ma túy quốc tế hay Cục Văn hoá-Giáo dục. Chẳng hạn như các chương trình này gồm các khóa đào tạo về truy tố xét xử do Bộ Tư pháp phụ trách với những chỉ dẫn thực tế về việc làm thế nào để xét xử một vụ án vi phạm quyền sở hữu trí tuệ và đào tạo về những vấn đề tác nghiệp do Bộ An ninh Nội địa phụ trách nhằm trợ giúp các nhân viên hải quan nâng cao khả năng phát hiện và thu giữ hàng giả tại cảng biển và cửa khẩu biên giới.

Các đại sứ quán Mỹ ở nước ngoài cũng cung cấp và tổ chức những chương trình đào tạo về sở hữu trí tuệ và các hoạt động trợ giúp nhằm nâng cao ý thức của công chúng. Bộ Ngoại giao Hoa Kỳ đầu tư rất nhiều cho việc nâng cao kiến thức thiết yếu về sở hữu trí tuệ cho nhân viên ngoại giao của Bộ hoạt động ở nước ngoài, từ đó họ có thể hỗ trợ công tác đào tạo của chúng tôi và nắm bắt xử lý các vấn đề sở hữu trí tuệ thông qua các kênh ngoại giao.

Khu vực kinh tế tư nhân của Hoa Kỳ cũng rất năng động. Hiệp hội Công nghiệp Ghi âm Hoa Kỳ, Hiệp hội Điện ảnh Hoa Kỳ, Liên minh Phần mềm Kinh doanh, Tổ chức Nghiên cứu và Sản xuất Dược phẩm Hoa Kỳ, Viện Sở hữu Trí tuệ Quốc tế, Liên minh Chống hàng giả Quốc tế, các công ty thành viên và các cộng tác viên đều cung cấp các khóa đào tạo trên toàn thế giới. Chẳng hạn như vào tháng 12 năm 2004, Viện Sở hữu Trí tuệ Quốc tế kết hợp cùng với Cục Nhân hiệu và Bằng sáng chế Hoa Kỳ tổ chức một hội nghị chuyên đề kéo dài ba ngày ở Tây Phi cho hơn 70 người, trong đó bao gồm các thẩm phán, luật sư, chuyên gia y tế công cộng và doanh nhân của Nigeria, Gambia, Senegal, Ghana và Burundi. Những người tham gia hội thảo đã được học về vai trò của sở hữu trí tuệ đối với việc phát triển kinh tế ở khu vực Tây Phi, vấn nạn thuốc giả trong khu vực và sở hữu trí tuệ sẽ hỗ trợ ngành công nghiệp điện ảnh và thu âm ở các quốc gia này như thế nào.

Các chương trình đào tạo tập trung vào tất cả những khía cạnh của việc thực thi quyền sở hữu trí tuệ, sự phối hợp giữa chính phủ các nước và tầm quan trọng của sự hợp tác chặt chẽ giữa cảnh sát, quan chức phụ trách sở hữu trí tuệ, cơ quan tư pháp và những người đang nắm quyền sở hữu trí tuệ. Việc tập trung đào tạo nội dung thực thi quyền sở hữu trí tuệ đối với xu hướng và tuyến đường buôn lậu cũng rất thiết yếu, đặc biệt là ở những nơi biên giới không được kiểm soát chặt chẽ khiến cho việc buôn lậu hàng giả và hàng ăn cắp bản quyền trên phạm vi quốc tế trở nên dễ dàng. Cùng với việc thương mại hóa Internet và nạn ăn cắp trên Internet đang gia tăng, những đào tạo viên Hoa Kỳ cũng giúp các quốc gia xây dựng khuôn khổ pháp lý cần thiết nhằm giải quyết vấn đề mới nảy sinh này.

Chương trình đào tạo của các doanh nghiệp và Chính phủ Hoa Kỳ được đưa lên địa chỉ <http://www.training.ipr.gov/>. Địa chỉ này cung cấp thông tin mô tả ngắn gọn về các chương trình đào tạo và thông tin liên hệ của các giảng viên. Mặc dù phần nhiều các chương trình này là dành cho quan chức chính phủ nhưng một số chương trình được cung cấp miễn phí cho công chúng.

Để biết thêm thông tin về các khóa đào tạo sở hữu trí tuệ, xin liên hệ Văn phòng Thực thi Sở hữu Trí tuệ Quốc tế, Bộ Ngoại giao Hoa Kỳ theo số điện thoại (202) 647-3251 hoặc địa chỉ EB/TPP/IPE, Phòng 3638, số 2201 phố C, Washington, D.C., 20520.

---

Allison Areias là nhân viên ngoại giao Hoa Kỳ công tác tại Phòng Thực thi Sở hữu trí tuệ Quốc tế, Cục Kinh tế, Bộ Ngoại giao.

---

### **Gioócdani hưởng lợi từ cải cách quyền sở hữu trí tuệ** **GIOÓCDANI HƯỞNG LỢI TỪ CẢI CÁCH QUYỀN SỞ HỮU TRÍ TUỆ**

Jeanne Holden

Bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ (QSHTT) có thể sẽ là một công cụ quan trọng để thúc đẩy tăng trưởng kinh tế. Ví dụ, ở Gioócdani, những cuộc cải cách gần đây trong lĩnh vực QSHTT đã đem lại rất nhiều lợi ích cho nền kinh tế của quốc gia này nói chung và cho ngành dược phẩm nói riêng. Ngành dược phẩm của Gioócdani đã giành được thị trường xuất khẩu mới và bắt đầu tham gia nghiên cứu sáng tạo, đổi mới. Các lĩnh vực y tế mới như nghiên cứu lâm sàng đã bắt đầu vươn lên và số lượng công ăn việc làm trong ngành y tế cũng đã tăng lên.

Gioócdani trở thành thành viên thứ 136 gia nhập Tổ chức Thương mại Thế giới (WTO) năm 2000. Năm 2001, Gioócdani đã ký hiệp định tự do thương mại (FTA) với Hoa Kỳ - hiệp định tự do thương mại đầu tiên giữa Hoa Kỳ với một đối tác thương mại Ả-rập. Thông qua các thỏa thuận như vậy, chính phủ Vương quốc Gioócdani đã tiếp tục quá trình cải cách kinh tế toàn diện vốn đã được khởi động từ 10 năm trước đó. Trên thực tế, Gioócdani đã thông qua nhiều luật mới nhằm tăng cường bảo hộ QSHTT trước khi gia nhập WTO. Theo David Hale, đại biện lâm thời Đại sứ quán Hoa Kỳ tại Amman, Gioócdani, "Chính phủ Gioócdani đã triển khai một chương trình cải cách đầy táo bạo đưa đất nước từ chỗ hoàn toàn phụ thuộc vào viện trợ nước ngoài sang tự chủ trong kỷ nguyên thương mại tự do toàn cầu. Tất cả các hiệp định thương mại, cải cách pháp lý và một cơ chế bảo hộ QSHTT đều nằm trong khuôn khổ của chiến lược đó".

Các đạo luật phù hợp với Hiệp định về các khía cạnh có liên quan tới thương mại của QSHTT (TRIPS) của WTO hiện đã bảo vệ các bí quyết thương mại, giống cây trồng và thiết kế bộ xử lý bán dẫn ở Gioócdani. Việc đăng ký quyền tác giả, bằng phát minh sáng chế và nhãn hiệu bây giờ đã trở thành yêu cầu bắt buộc. Quyền tác giả được đăng ký tại Thư viện Quốc gia, bằng phát minh sáng chế được đăng ký tại Cục Bảo vệ Tác quyền và Nhãn hiệu. Cả hai cơ quan nêu trên đều thuộc Bộ Công nghiệp và Thương mại. Gioócdani đã ký Hiệp định Hợp tác về Bằng phát minh sáng chế và nghị định thư có liên quan



tới Hiệp định Madrid về Đăng ký Nhân hiệu, song đến đầu năm 2005 vẫn chưa phê chuẩn. Gioóc-đa-ni cũng đã tham gia các hiệp định của Tổ chức Quyền sở hữu trí tuệ Thế giới (WIPO) về bản quyền tác giả, biểu diễn và ghi âm (WPPT).

Ngành dược phẩm của Gioóc-đa-ni cũng đã tuân thủ đạo luật mới về bằng phát minh sáng chế phù hợp với TRIPS. Ngoài ra, cùng với việc ký FTA với Hoa Kỳ, Gioóc-đa-ni thậm chí còn cam kết mạnh mẽ hơn trong việc thực thi QSHTT, đặc biệt trong ngành dược phẩm. Theo Greg Lawless, tùy viên kinh tế và thương mại Đại sứ quán Hoa Kỳ tại Amman, việc thực thi QSHTT tại Gioóc-đa-ni đã có nhiều tiến bộ. Ông cho rằng "Các cơ chế thực thi và thủ tục pháp lý có hiệu lực, mặc dù chưa hoàn thiện, song đang được cải thiện nhiều hơn nữa". Mặc dù trước mắt vẫn còn nhiều thách thức to lớn, song những biện pháp thực thi của Gioóc-đa-ni nhằm chống lại tình trạng băng đĩa hình và phần mềm lậu ngày càng gia tăng về số lượng và tăng cường năng lực tập trung giải quyết nhiều lĩnh vực còn gặp khó khăn.

Theo Hiệp hội Sản xuất Dược phẩm Hoa Kỳ (PhRMA), hiệp định Thương mại Tự do Gioóc-đa-ni – Hoa Kỳ đã giúp thị trường Gioóc-đa-ni trở nên hấp dẫn hơn đối với nghiên cứu và triển khai dược phẩm cũng như bán sản phẩm và ký kết thỏa thuận cấp phép. Những lợi ích do hiệp định tự do thương mại Gioóc-đa-ni – Hoa Kỳ đem lại cho ngành dược phẩm của nước này còn bao gồm mở rộng việc bảo hộ dữ liệu, loại bỏ tình trạng không cấp phép cho những phát minh trong công nghệ sinh học và giới hạn cấp phép bắt buộc.

Tháng 10 năm 2001, PhRMA đã mở văn phòng phụ trách khu vực Trung Đông và Bắc Phi tại Amman. Đây là lần đầu tiên PhRMA hiện diện tại khu vực. Theo Susan Finston, Phó Chủ tịch PhRMA, những cam kết tự do thương mại và chuẩn mực kinh doanh của Gioóc-đa-ni là những nhân tố có tính quyết định trong quyết định nêu trên. Bà nói rằng "Gioóc-đa-ni là nơi chúng tôi có thể mở văn phòng đại diện, giấy phép và tất cả mọi giấy tờ cần thiết khác về cơ sở vật chất và pháp lý trong vòng dưới 45 ngày".

Nhiều thành viên của PhRMA, bao gồm American Home Products, Astra-Zeneca, Sanofi-Aventis, Bristol-Myers Squibb, Eli Lilly, GlaxoSmithKline, Janssen-Cilag, Merck Sharp & Dohme, Novartis, Organon, Roche, Pfizer, và Schering-Plough, đã bắt đầu hoặc mở rộng các hoạt động thương mại tại Amman.

Một vài thành viên của PhRMA đang tiến hành thử nghiệm lâm sàng và ký kết hiệp định cùng tiếp thị và/hoặc cấp phép với các công ty của Gioóc-đa-ni. Theo Viện Sở hữu Trí tuệ Quốc tế (IIPI) – một tổ chức phát triển kinh tế và nghiên cứu phi lợi nhuận có trụ sở tại Washington, D.C., Bristol-Myers Squibb đã khởi động chương trình nghiên cứu kéo dài ba năm về những nhân tố gây nguy hại cho hệ tim mạch trên 5000 bệnh nhân tại Gioóc-đa-ni năm 2001. Hơn nữa, PhRMA đã cho biết chỉ riêng trong năm 2004, các công ty thành viên của Hiệp hội đã tiến hành 19 thử nghiệm lâm sàng tại Gioóc-đa-ni về các bệnh như ung thư, loãng xương, tiểu đường và tim mạch.

Hy vọng thông qua các cuộc thử nghiệm lâm sàng như trên sẽ có thêm nhiều dược phẩm mới cuối cùng cũng sẽ được cung cấp cho người dân Gioóc-đa-ni. Việc nhanh chóng đưa

các sản phẩm mới tới người tiêu dùng cũng đem lại nhiều lợi ích cho ngành du lịch dưỡng bệnh của Gioóc-đa-ni (đây là thuật ngữ chỉ những người đi du lịch đến khu vực hay những quốc gia khác để tìm các giải pháp chăm sóc sức khỏe). Theo báo cáo gần đây của IPI, du lịch dưỡng bệnh đóng góp 2/3 tổng doanh thu của ngành công nghiệp không khói ở Gioóc-đa-ni. Báo cáo tháng 10 năm 2004 mang tên Xây dựng Ngành Dược phẩm và Công nghệ sinh học có khả năng cạnh tranh toàn cầu tại Gioóc-đa-ni nhấn mạnh rằng thử nghiệm lâm sàng đang giúp tăng cường kỹ năng của bác sỹ chăm sóc và điều trị, nhờ đó càng thúc đẩy tăng trưởng kinh tế trong ngành du lịch dưỡng bệnh. Báo cáo cho biết một điều tra tiến hành trên người bệnh gần đây đã xác định chuyên môn của các bác sỹ điều trị là lý do chính khiến các du khách dưỡng bệnh tìm đến Gioóc-đa-ni.

IPI đã cùng Chương trình Thành tựu và Sáng kiến Thân thiện với Thị trường (AMIR) – một dự án do Cơ quan Phát triển Quốc tế Hoa Kỳ (USAID) tài trợ – viết báo cáo này. Theo Đại sứ quán Hoa Kỳ tại Amman, trong năm năm qua, USAID đã cung cấp tương đối nhiều viện trợ kỹ thuật cho cả thông tin thuộc sở hữu của công chúng lẫn tư nhân ở Gioóc-đa-ni nhằm cải thiện QSHTT, trong đó có hỗ trợ dự thảo luật và các quy định khác.

Theo yêu cầu của Chính phủ Gioóc-đa-ni, USAID cũng đang hỗ trợ kỹ thuật để cải thiện môi trường pháp quy liên quan tới nhãn hiệu và bằng phát minh sáng chế. USAID tiếp tục hỗ trợ Gioóc-đa-ni thực thi các luật QSHTT mới thông qua hợp tác với Hiệp hội QSHTT Gioóc-đa-ni (JIPA). JIPA hiện đang tổ chức các chương trình đào tạo cho Thư viện Quốc gia, hải quan và khu vực tư nhân.

Bản báo cáo cho biết "việc bảo hộ mạnh mẽ hơn QSHTT đang giúp Gioóc-đa-ni trở thành nền kinh tế tri thức dẫn đầu khu vực". Kể từ khi thực hiện cơ chế bảo hộ QSHTT chặt chẽ hơn, tốc độ tăng trưởng trong ngành dược phẩm và công nghệ sinh-y học của Gioóc-đa-ni. Tỷ trọng của ngành y tế trong GDP của Gioóc-đa-ni đã tăng từ 2,8% năm 1997 lên tới 3,5% năm 2001, và công ăn việc làm trong ngành y tế cũng tăng 52% từ năm 1997 đến nay.

Theo báo cáo của IPI, ngành dược phẩm chủ yếu dựa vào nghiên cứu trên thế giới đã góp phần quan trọng trong việc tăng công ăn việc làm trực tiếp tại Gioóc-đa-ni kể từ năm 2000. Pfizer cho biết họ đã tăng gấp đôi số nhân công tại nước này. Sanofi-Aventis và Novartis đã tăng gấp ba lực lượng lao động của họ tại Gioóc-đa-ni trong khi số nhân công của Merck tại nước này đã tăng 500%. Báo cáo của IPI cho biết sự hiện diện ngày càng nhiều của các tập đoàn đa quốc gia đã làm gia tăng giá trị cho xã hội Gioóc-đa-ni thông qua các hoạt động như tiếp thị và phân phối, đào tạo lực lượng bán hàng, đào tạo các chuyên gia chăm sóc sức khỏe và công chúng nói chung. Ví dụ, Merck đã tổ chức khoảng 75 chương trình giáo dục và các hội thảo chuyên môn tại Gioóc-đa-ni trong năm 2001.

Báo cáo của IPI cho thấy các công ty dược phẩm generic của Gioóc-đa-ni cũng được hưởng lợi nhờ luật sở hữu trí tuệ kiên quyết hơn, trong đó xuất khẩu thuốc của các công ty dược của Gioóc-đa-ni đã tăng 30% từ năm 1999 đến 2002. Theo ước tính của Đại sứ quán Hoa Kỳ tại Amman, xuất khẩu dược phẩm của Gioóc-đa-ni trong năm 2004 sẽ đạt 200 triệu đô-la. Nếu tính tổng sản xuất trong nước, sản lượng của các công ty dược phẩm

sẽ đạt trên 300 triệu đô-la. Lawless cho biết "Đây là một bước tiến quan trọng so với năm 2003 khi tốc độ tăng trưởng kinh tế bị ảnh hưởng bởi các cuộc xung đột trong khu vực".

Kinh nghiệm của Gioóc-đa-ni cho thấy việc bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ có thể sẽ là một công cụ quan trọng để thúc đẩy tăng trưởng kinh tế. Susan Finston nhấn mạnh rằng "Quy mô thị trường, dân số và địa lý: Tất cả đều không phải là do số phận. Số phận tùy thuộc vào ý chí chính trị của các chính phủ dám vượt qua những thử thách lớn lao trong quá trình cải cách kinh tế".

---

Jeanne Holden là phóng viên nghiệp dư chuyên các vấn đề kinh tế và quyền sở hữu trí tuệ. Bà đã làm phóng viên kiêm biên tập viên cho Chương trình Thông tin Quốc tế, Bộ Ngoại giao Hoa Kỳ 17 năm.

---

Thông điệp của Thành Long: Hàng giả - Lợi bất cập hại

**THÔNG ĐIỆP CỦA THÀNH LONG: HÀNG GIẢ - LỢI BẤT CẬP HẠI**

Làm hàng giả là một nghề có tốc độ tăng trưởng mạnh, với thị phần toàn cầu đạt 500 tỉ đô-la. Những nguồn tin của ngành công nghiệp ước tính việc sản xuất hàng giả trên toàn thế giới trong 10 năm qua đã tăng 1700%. Nhưng khía cạnh đáng ngạc nhiên nhất trong tốc độ tăng trưởng này lại không phải là con số mà là sự đa dạng của các ngành vốn đã trở thành điểm nóng đối với hàng giả.

Hiện nay, việc làm hàng giả không chỉ còn đơn thuần là sản xuất những đĩa DVD – có cả những bộ phim của tôi – và những chiếc túi xách nữa. Hàng giả ngày càng tràn lan trong những ngành như thực phẩm, y tế, đồ chơi, thậm chí cả xe hơi và máy bay. Chỉ riêng những điều đó cũng đã đủ gây hiểm họa cho sự an toàn của chúng ta và khiến chúng ta phải kinh hãi khi suy nghĩ về nó.

Tôi đã kinh sợ khi phát hiện thấy có sữa bột giả. Ai cũng biết các cháu bé rất dễ bị tổn thương và cần phải được bảo vệ. Những tên tội phạm thậm chí còn sử dụng bột sữa giả để bóc lột công chúng nhằm trục lợi: Bán sữa bột giả còn mua sữa bột thật ở trong nước. Khi những kẻ làm giả bị bắt, chúng cần phải được trừng trị nghiêm khắc và làm gương cho những kẻ gây tội ác tương tự.

Đó là lý do tại sao tôi tham gia chiến dịch toàn cầu mang tên “Hàng giả - Lợi bất cập hại” do Hiệp hội Nhân hiệu Quốc tế (INTA) với hy vọng nâng cao nhận thức khắp nơi trên thế giới về mức độ thâm nhập của hàng giả và hiểm họa của chúng đối với tất cả mọi quốc gia. Các bạn cũng có thể tham gia bằng cách khước từ mua hàng giả - bởi lẽ hàng giả khiến tất cả chúng ta bị tổn hại nhiều hơn.

---

**RA TAY HÀNH ĐỘNG:** Các quốc gia đang chống vi phạm quyền sở hữu trí tuệ như thế nào

## NHÓM CÁC NGHỆ SỸ BIỂU DIỄN THẮNG KIẾN TẠI TÒA ÁN CỦA BỈ

Một tòa án tại Brúc-xen đã ra phán quyết xử một nhà cung cấp dịch vụ Internet (ISP) trong một vụ kiện do SABAM - một tổ chức của Bỉ có trách nhiệm thu tiền bản quyền cho các nghệ sĩ biểu diễn - đệ đơn. SABAM cho rằng đây là phán quyết thành công đầu tiên trong lĩnh vực này tại châu Âu. Phán quyết ngày 30/11/2004 yêu cầu Tiscali - một nhà cung cấp dịch vụ Internet quy mô nhỏ nhưng được nhiều người biết đến - chặn những dịch vụ mạng cho phép những người truy cập mạng tải nhạc đã có bản quyền. Thẩm phán đã không quy trách nhiệm cho ban giám đốc của Tiscali đối với hoạt động do những người truy cập trang web của họ gây ra mà chỉ nêu rõ rằng Tiscali phải có trách nhiệm chấm dứt tình trạng vi phạm bản quyền như vậy.

SABAM cho rằng mục đích của họ là chấm dứt tình trạng buôn bán dữ liệu từ ổ cứng của người sử dụng khi truy cập mạng, một hệ thống các trang web có nhiều người truy cập sử dụng để hỗ trợ tải nhạc. Những người ủng hộ những người truy cập Internet và những người kinh doanh âm nhạc cho rằng việc tuân thủ phán quyết đó về mặt kỹ thuật là không thể được. Họ đã ví điều đó với việc cấm lưu hành công nghệ in đĩa CD vì công nghệ này có thể được lạm dụng để sao chép bất hợp pháp các nhạc phẩm. Những nguồn tin tại Universal Music tại Brúc-xen, một công ty bị nạn đánh cắp bản quyền trên Internet gây thiệt hại nặng nề, đã khẳng định rằng hiện đã có công nghệ lọc và do đó các công ty cung cấp dịch vụ Internet có thể lọc việc truyền dữ liệu qua hệ thống của họ.

Universal Music ước tính tới 85% thiết bị ghi kỹ thuật số bán ở Bỉ được dùng để phục vụ việc tải xuống những tài sản trí tuệ đã được bảo hộ, có thể là âm nhạc, vi-đê-ô, phim hoặc phần mềm. Hội Liên hiệp chống đánh cắp bản quyền của Bỉ với sự giúp đỡ của Hiệp hội Phim ảnh Hoa Kỳ đã ước tính có tới 250.000 bộ phim hoặc vi-đê-ô có bản quyền được tải xuống mỗi ngày ở Bỉ.

## BURKINA FASO TẬP TRUNG GIẢI QUYẾT NẠN VI PHẠM BẢN QUYỀN

Ngành công nghiệp âm nhạc đầy năng động và quan trọng của Burkina Faso đang lao đao trước tình trạng nhập khẩu ồ ạt những tác phẩm âm nhạc vi phạm bản quyền rẻ tiền. Do đó, nước này hiện đang chống lại tình trạng trên. Mùa thu năm 2004, Bộ Văn hóa, Nghệ thuật và Du lịch cùng với Cục Bản quyền đã tổ chức một cuộc hội thảo kéo dài ba ngày để thảo luận các chiến lược chống lại nạn ăn cắp bản quyền đối với hơn 10 triệu băng cát-xét lậu nhập vào Burkina Faso mỗi năm. 80% trong số đó xuất phát từ các quốc gia láng giềng. Cuộc hội thảo đã kết thúc với việc đốt cháy 17.000 băng và đĩa CD lậu do Cục Bản quyền và đội hiến binh tại Ouagadougou và Bobo-Dioulasso bắt giữ.

Trước khi các phóng viên đưa tin về hội thảo này, Mahamoudou Ouedraogo, Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Nghệ thuật và Du lịch, đã ví nạn ăn cắp bản quyền như căn bệnh “ung thư” đối với Burkina Faso và kiên quyết khẳng định những kẻ ăn cắp bản quyền phải bị truy tố vì những tội do chúng gây ra. Tổng Cục trưởng Cục Đăng ký Tác quyền sau đó đã nêu khái quát chiến lược chống ăn cắp bản quyền tại Burkina Faso. Chiến lược này bao gồm thiết lập một cơ quan chống ăn cắp bản quyền độc lập; cùng các quốc gia láng giềng ban

hành một chính sách chung để thắt chặt an ninh biên giới chống lại hàng lậu; thiết lập một tòa án tiểu khu vực phụ trách lĩnh vực quyền tác giả; đào tạo các thẩm phán, hiến binh, cảnh sát và hải quan về quyền sở hữu trí tuệ; và áp dụng mức truy tố hình sự đối với những kẻ đánh cắp bản quyền và bán hàng lậu. Ở Burkina Faso, ước tính có khoảng 100.000 những kẻ như vậy. Phần lớn trong số họ là những kẻ bán rong.

## HỖ TRỢ QUYỀN SỞ HỮU TRÍ TUỆ NHỜ TĂNG CƯỜNG HỢP TÁC GIỮA CHÍNH PHỦ VỚI CÁC TỔ CHỨC PHI CHÍNH PHỦ TẠI ESTONIA

Ngày 27 tháng 12 năm 2004, Cục Cảnh sát, Cục Thuế và Hải quan Estonia đã ký một hiệp định hợp tác, cho phép họ cải thiện cơ chế bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ thông qua việc trao đổi thông tin, điều tra và các thủ tục khác. Hai cơ quan nêu trên cũng đang phối hợp chặt chẽ hơn với tổ chức phi chính phủ hàng đầu của Estonia - Tổ chức Bảo hộ Quyền tác giả Estonia (EOCP) - thu thập tin tức và đảm bảo những bằng chứng đối với các vụ vi phạm quyền sở hữu trí tuệ cụ thể.

EOCP và các tổ chức phi chính phủ (NGO) khác của Estonia cũng độc lập tiến hành nâng cao nhận thức của thế hệ trẻ về tầm quan trọng của IPR. Theo giám đốc điều hành EOCP, Ilmar Harg, tình trạng đánh cắp bản quyền trên Internet là một vấn đề nhức nhối hơn nhiều so với những đĩa CD lậu ở Estonia. Trung bình có khoảng 50 trang web bị đóng cửa mỗi tháng vì những nội dung đánh cắp bản quyền. Tháng 11 năm 2004, các NGO đã tổ chức một chiến dịch truyền thông trên các tờ báo hàng đầu của Estonia nhằm lý giải tính chất hình sự của tình trạng vi phạm IPR trên mạng Internet. Các tài liệu sử dụng trong chiến dịch cho biết bắt đầu từ năm 2005, cảnh sát Estonia sẽ tăng cường điều tra và truy tố những trường hợp đánh cắp bản quyền trên mạng Internet và nhấn mạnh rằng Bộ luật Hình sự của Estonia phạt tù đến 3 năm đối với những kẻ đánh cắp bản quyền trên mạng Internet.

Câu lạc bộ Máy tính Estonia - một tổ chức phi chính phủ khác có hơn 4.500 thành viên tại địa phương - đang sử dụng nguồn vốn hỗ trợ của Đại sứ quán Hoa Kỳ nhằm tổ chức một số hội thảo về IPR và các lễ hội mạng nội bộ (LAN) cho những thanh niên sử dụng máy tính. Các hội thảo đó sẽ được tổ chức trên cơ sở cùng phối hợp với EOCP và Liên minh Phần mềm Doanh nghiệp.

## TAI ÁN ĐỘ, MỘT CÔNG TY LUẬT CHỐNG LẠI NẠN ĂN CẮP BẢN QUYỀN BẰNG MỘT CHIẾN LƯỢC MỚI

Chiến lược chống vi phạm bản quyền ở Ấn Độ của Công ty Luật Krishna & Saurastri có trụ sở tại Ấn Độ là sử dụng hệ thống luật pháp để gây phiền nhiễu cho bất kỳ nhà sản xuất nội dung đánh cắp bản quyền bằng cách áp dụng chiến thuật tìm kiếm và tịch thu hàng giả và liên tục khởi kiện dân sự và hình sự.

Theo Sunil Krishna của Công ty Luật Krishna & Saurastri, chiến lược của họ là chống lại tình trạng vi phạm bản quyền trong ngành dược, phần mềm và âm nhạc. Chính do tình trạng “thờ ơ của cảnh sát địa phương khi theo giải quyết” các vụ kiện về hàng giả nên công ty luật của ông đã phải sử dụng chỉ thị mang tên “Trụ cột Anton” cùng các biện

pháp khác để chống lại nạn ăn cắp bản quyền. Chỉ thị “Trụ cột Anton” cho phép người quản lý tài sản đang tranh tụng của tìm và tịch thu tài sản bị tình nghi là làm giả để tạm giữ mà không cần phải thông báo trước cho kẻ bị quy kết là thủ phạm. Tòa án cũng ra lệnh cho cảnh sát bảo vệ người quản lý hàng hóa đang tranh tụng. Krishna cho rằng phương pháp này đã được áp dụng rất thành công chống lại phạm mềm lậu.

Theo Krishna, sau khi bắt giữ, ông có thể yêu cầu tòa ra lệnh cấm hoạt động đối với kẻ bị quy kết là thủ phạm. Điều đó sẽ giúp ngăn chặn việc sản xuất thêm và/hoặc buôn bán hàng giả. Việc vi phạm lệnh cấm của tòa sẽ bị trừng phạt ít nhất là sáu tháng tù giam và tối đa là ba năm tù giam. Krishna cho rằng mức án đó có ý nghĩa răn đe đối với các hoạt động làm giả trong tương lai.

Vị luật sư này đã nêu hai trường hợp trong đó cả luật dân sự và luật hình sự đều được sử dụng thành công để loại bỏ một dượng phạm giả. Krishna cho biết quá trình này rất mất thời gian và liên quan tới hàng trăm vụ kiện những kẻ sản xuất hàng giả. Tin rằng đây là một chiến lược thành công “đảm bảo” những kẻ sản xuất hoặc buôn bán hàng bất hợp pháp phải vĩnh viễn đóng cửa hàng, Krishna cho biết chi phí áp dụng biện pháp này tương đương dưới 5% doanh thu hợp pháp của công ty có hàng hóa bị nhái.

Krishna cho rằng Chính phủ Ấn Độ đã có một số thay đổi và tạo điều kiện dễ dàng hơn cho công việc của ông. Ông ủng hộ đào tạo liên tục về nạn đánh cắp bản quyền các cán bộ thực thi pháp luật. Ông kiến nghị Hải quan Ấn Độ cần phải được trao quyền hủy hàng giả - điều mà hiện nay họ không thể làm. Ông cũng kiến nghị hàng lậu từ bên ngoài vào hoặc xuất phát từ Ấn Độ sẽ bị xử lý theo Luật Chống Buôn lậu và Bảo đảm Ngoại hối. Đạo luật này xử phạt một năm tù không cho phép bảo lãnh đối với bất kỳ hoạt động xuất nhập khẩu bất hợp pháp nào.

## CÁC QUY ĐỊNH VỀ ĐĨA QUANG GIỜ ĐÃ THÀNH LUẬT Ở INDONESIA

Cựu Tổng thống Indonesia Megawati Soekarnoputri đã ký các quy định đầu tiên về đĩa quang ở Indonesia vào ngày 5/10/2004. Các quy định vốn đã được mong chờ từ lâu yêu cầu các nhà sản xuất đăng ký các cơ sở sản xuất của họ, ghi chép và báo cáo hồ sơ sản xuất và mở cửa nhà máy cho cảnh sát và/hoặc các điều tra viên bất ngờ kiểm tra, v.v... Bộ trưởng Công nghiệp và Thương mại lúc đó là Rini Soewandi đã ký các thông tư hướng dẫn vào ngày 19 tháng 10 – ngày cuối cùng trong nhiệm kỳ của bà. Lường trước Tổng thống Susilo Bambang Yudhoyono sắp nhậm chức sẽ quyết định tách Bộ Công nghiệp và Thương mại thành hai bộ riêng biệt nên Soewandi đã ban hành hai thông tư hướng dẫn thực hiện riêng rẽ, phân chia các lĩnh vực và trách nhiệm giữa hai bộ trong tương lai.

Theo một tư vấn của Hiệp hội Phim ảnh Indonesia tại địa phương hiện phối hợp với các quan chức của Indonesia nhằm soạn thảo các quy định mới, yêu cầu các công ty có cơ sở sản xuất đĩa quang hiện nay và trong tương lai phải:  
Đăng ký từng cơ sở sản xuất, năng lực sản xuất tại mỗi cơ sở và tên các vị quản lý tại mỗi cơ sở sản xuất với Bộ Công nghiệp.

Treo các biểu tượng của công ty ngay bên ngoài nhà máy để công chúng có thể dễ dàng nhìn thấy.

Sử dụng và chỉ giữ những khuôn sản xuất có mã xác định nguồn gốc (SID) đã được chính phủ thông qua.

Ghi chép các hóa đơn đặt hàng, số lượng polycarbonate (chất liệu để sản xuất đĩa) đã mua, số lượng đĩa đã được sản xuất, mẫu từng loại đĩa được sản xuất và các thỏa thuận về tác quyền.

Đăng ký với một tổ chức được quốc tế công nhận quy định mã SID, chẳng hạn như Hội Liên hiệp Quốc tế Ngành sản xuất máy hát (IFPI).

Các quy định này đã nêu khả năng phạt hành chính, cụ thể là xóa bỏ đăng ký của một nhà sản xuất. Kể từ khi các quy định về đĩa quang trở thành luật bản quyền ở Indonesia nên người ta đã kêu gọi trừng phạt hình sự tới năm năm tù giam. Các quy định mới có hiệu lực vào ngày 18/4/2005.

## PARAGUAY: TÌNH HÌNH ÁP DỤNG VÀ THỰC THI LUẬT PHÁP ĐỂ BẢO VỆ QUYỀN SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Năm 2004, Paraguay đã ban hành luật và triển khai những biện pháp cứng rắn nhằm tăng cường bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ. Ví dụ, chính phủ đã phối hợp với khu vực tư nhân và ủng hộ hai dự thảo luật, trong đó tăng cường các mức hình phạt đối với các trường hợp vi phạm quyền sở hữu trí tuệ, một cho nạn ăn cắp bản quyền và một cho nạn làm hàng giả. Các dự luật đã tăng mức hình phạt lên từ năm năm trở lên và không đề cập đến các trường hợp vi phạm nhẹ được phép bảo lãnh thay cho án tù.

Đơn vị chuyên môn hóa về công nghệ ở Paraguay được thành lập với vai trò là cơ quan tình báo và tổ chức hỗ trợ cho việc thực thi quyền sở hữu trí tuệ, đã trở thành đơn vị trực thuộc Bộ Công nghiệp và Thương mại (Bộ CNTM), tập trung hoạt động trong lĩnh vực hàng giả hàng nhái và ăn cắp bản quyền. Đơn vị này đã rất có công trong việc thực thi luật pháp, thường là phối hợp hoạt động với các tổ chức tư nhân. Bộ Thương mại và Công nghiệp đã tăng cường hợp tác với Cục Hải quan và kết quả là sau khi kiểm tra hồ sơ đăng kí kinh doanh, đã có 56 công ty nhập khẩu bị đóng cửa và 73 giấy phép nhập khẩu bị bãi bỏ.

Theo một báo cáo của Bộ CNTM vào tháng 2 năm 2005 thì từ giữa tháng 12 năm 2003 đến tháng 1 năm 2004, trong chiến dịch được triển khai, chính phủ đã tịch thu được 11 triệu đĩa CD lậu và 1.600 thiết bị ghi âm; kiểm tra đột xuất năm nhà máy bị tình nghi sản xuất thuốc lá lậu, năm xí nghiệp in bị tình nghi sản xuất bao bì thuốc lá giả, và các cơ sở tàng trữ những sản phẩm đó; sau 15 cuộc đột kích thu giữ rất nhiều hàng giả hàng nhái như ti-vi, búp bê, điện thoại di động; khám xét được 10 công ty cấp dính lú tới các vụ ăn cắp tín hiệu cáp; kiểm tra được 11 gian hàng tại Chợ số 4 khu vực Asunci và thu giữ hàng nghìn đĩa CD, DVD giả; đồng thời khám phá được năm tổ chức tội phạm chuyên nhập khẩu đĩa CD để sản xuất băng đĩa lậu.

Tháng 8 năm 2004, Bộ CNTM đã kí kết hiệp định hợp tác với công ty Thể thao Mỹ Latinh Fox nhằm chấm dứt tình trạng đánh cắp bản quyền các chương trình của hãng này.

Là hiệp định đầu tiên được kí kết với Fox ở Mỹ La tinh, hiệp định này cho phép công ty Fox và Bộ CNTM có thể sử dụng các quy định về phương tiện truyền thông của Paraguay (CONATEL) để thu hồi giấy phép hoạt động của những công ty cung cấp các tín hiệu cáp ăn cắp; biện pháp này được coi là hiệu quả hơn so với việc đơn thuần trông chờ vào phán quyết từ tòa án. Kể từ khi hiệp định này được kí kết, đã có bốn công ty cáp truyền hình phải kí thỏa thuận với Fox và cam kết ngừng các hành vi ăn cắp tín hiệu truyền hình của mình.

## HÀN QUỐC: TRIỂN KHAI CÁC BIỆN PHÁP BẢO HỘ QUYỀN GHI NHẠC TRÊN INTERNET

Tháng 1 năm 2005, các tin tức về nỗ lực mới của Chính phủ Hàn Quốc trong việc bảo hộ quyền ghi nhạc đã thu hút được sự chú ý của đông đảo người dân. Sự sụt giảm đáng kể doanh thu ngành âm nhạc của cả các công ty trong nước và nước ngoài ở Hàn Quốc đã buộc chính phủ phải sửa đổi Luật Bản quyền của nước này, theo đó quy định bất kì ai muốn tải nhạc từ Internet cũng phải xin phép người giữ bản quyền. Trong một nỗ lực nhằm bảo tồn “triển vọng văn hóa” của Hàn Quốc, đặc biệt là “Làn sóng Hàn Quốc” trong lĩnh vực nhạc trẻ, phim kịch đang dâng trào tại châu Á, chính phủ đã rất cố gắng phổ biến các điều luật mới để nâng cao ý thức của người dân.

Bộ Văn hóa và Du lịch đã tải nhiều thông tin lên trang web của mình nhằm cung cấp và giáo dục người dân về các quy định mới - những quy định sẽ có hiệu lực từ ngày 17/1/2005. Trang web đã khẳng định dứt khoát rằng chỉ có các diễn viên và các công ty ghi âm mới được quyền truyền phát sản phẩm của mình qua mạng Internet và các mạng viễn thông khác. Nếu người sử dụng muốn chuyển, phát các tác phẩm đó qua Internet, họ phải xin phép sự đồng ý của chủ sở hữu bản quyền. Trang web đồng thời cũng liệt kê một loạt những hành vi bị coi là phạm pháp ở Hàn Quốc, bao gồm các hành vi tải nhạc và những tác phẩm được cấp bản quyền lên các website, các trang web cá nhân, nhật ký mạng và các hành vi tải nhạc lên với mục đích chia sẻ thông tin với các website, các trang web cá nhân.... Chiến dịch của chính phủ dường như đã rất hiệu quả: Nhiều công ty ghi âm đã báo cáo rằng gần đây họ đã nhận được thư hỏi hàng của rất nhiều dịch vụ âm nhạc trực tuyến nhỏ hơn đề cập đến việc kí kết hợp đồng.

Ngoài ra, còn có ba nghị sĩ Quốc hội đề xuất dự thảo xem xét và sửa đổi thêm Luật Bản quyền của Hàn Quốc. Theo đó, các nhà sản xuất và các diễn viên sẽ được trao thêm một số quyền lợi nữa, bao gồm quyền rao bán sản phẩm của mình. Bộ Văn hóa và Cục Trò chơi và Âm nhạc đã đệ trình Dự thảo mới về Xúc tiến Âm nhạc, theo đó sẽ tăng cường bảo hộ cho lĩnh vực ghi âm, đồng thời cho phép Bộ thành lập đội điều tra và giải quyết các trường hợp liên quan tới việc ghi âm bất hợp pháp.

## CUỘC KIỂM TRA ĐỘT XUẤT LỚN NHẤT TỪ TRƯỚC TỚI NAY CỦA SRI LANKA ĐÃ KHÁM PHÁ ĐƯỢC MỘT XÍ NGHIỆP IN ĐĨA PHẠM PHÁP

Mặc dù đĩa CD và DVD giả được bày bán tràn lan ở Sri Lanka, chính phủ nước này vẫn cho rằng những chiếc đĩa đó có nguồn gốc từ các nước châu Á khác. Nhưng sau đó, đêm ngày 9/10/2004, cảnh sát điều tra tội phạm Sri Lanka đã đột kích và khám phá được một



xí nghiệp sản xuất đĩa CD có tên là Công ty TNHH Optical Media đã im hơi lặng tiếng từ rất lâu. Đặt dưới sự sở hữu và quản lý của một nhóm người Malaysia, công ty này hoạt động từ đầu năm 2004, và thật trớ trêu lại được Ủy ban Đầu tư – một cơ quan xúc tiến đầu tư nước ngoài của Sri Lanka cấp phép hoạt động. Cảnh sát cũng đã tiến hành đột kích một cửa hàng chính ở Colombo và thu giữ một số lượng lớn băng đĩa hình. Sau khi nhận được tin về các cuộc kiểm tra đột xuất của cảnh sát, đa số các cửa hàng bán băng đĩa lậu đã ngừng bày bán sản phẩm nhãn hiệu Đại bàng do công ty Optical Media sản xuất.

Công ty này đã làm giả nhiều phần mềm, đĩa phim, ca nhạc và sản xuất nhiều đĩa CD bằng chất liệu polycarbonate, cho phép có thể tính toán số lượng các đĩa CD và DVD giả. Có người đã báo với cảnh sát rằng công ty này đã cho xe tải chuyên đi khoảng 175.000 chiếc đĩa CD và một số tem nhãn trước đêm cảnh sát tiến hành đột kích. Theo các quan chức thì căn cứ vào một số lượng lớn các đĩa lậu và sự xuất hiện của hàng trăm đĩa Microsoft Trung Quốc có thể kết luận rằng cơ sở này đã sản xuất đĩa bất hợp pháp phục vụ cho xuất khẩu cũng như tiêu dùng trong nước.

Theo báo cáo của Đại sứ quán Hoa Kỳ tại Colombo, Tổ chức Thực thi Quyền Sở hữu Trí tuệ nhà nước/tư nhân của họ đã rất cố gắng trong việc phối hợp những hỗ trợ từ phía tư nhân, trong đó có Microsoft nhằm giúp chính phủ Sri Lanka tiếp tục triển khai chiến dịch của mình.

#### ĐÀI LOAN CỨNG CỐ LUẬT BẢN QUYỀN

Vào ngày 24/8/2004, Quốc hội Đài Loan đã thông qua một dự luật, theo đó sẽ thắt chặt hơn nữa những điều luật đã được ban bố năm 2003. Dự luật mới này quy định bất kì hành động nào sử dụng công nghệ hay tài liệu nhằm ngăn cản “các biện pháp chống ăn cắp bản quyền” đều bị coi là phạm tội và có thể chịu hình phạt lên đến một năm tù hoặc có thể phải nộp phạt tới 8000 đô-la Mỹ. Đồng thời dự luật này cũng cho phép Cục Hải quan tịch thu hàng hóa bị tình nghi và tạm thời trì hoãn xác định nguồn gốc của chúng. Tuy nhiên, những người có quyền lợi vẫn phải tiến hành những biện pháp để tịch thu hàng hóa hoặc/và khiếu kiện dân sự hay hình sự để bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ của họ trong vòng ba ngày, nếu không nhân viên Hải quan buộc trao trả hàng hóa.

Luật năm 2003 đã không đề cập tới những vi phạm nhẹ trong lĩnh vực làm hàng giả, để tòa án có thể cho phép bị đơn nộp tiền bảo lãnh thay cho ngồi tù. Đa số những kẻ vi phạm đều coi khoản nộp phạt tối thiểu này là điều dễ hiểu bào chữa cho việc làm ăn phi pháp. Đạo luật mới quy định bất kì kẻ nào dính líu tới việc tiêu thụ, thuê băng đĩa giả đều chịu hình phạt tù từ sáu tháng đến năm năm, đồng thời phải nộp phạt từ 16.100 đến 161.000 đô-la Mỹ.

---

#### **Cách tiếp cận của Hoa Kỳ: Nguồn gen, tri thức truyền thống và văn hóa dân gian** **CÁCH TIẾP CẬN CỦA HOA KỲ: NGUỒN GIEN, TRI THỨC TRUYỀN THỐNG** **VÀ VĂN HÓA DÂN GIAN**

Jeanne Holden

Một cơ quan Hoa Kỳ thỏa thuận hợp tác với một tổ chức nghiên cứu của Brazil để nghiên cứu các loại cây thuốc ở đất nước này để sáng chế ra thuốc chống ung thư.

Một nhóm bộ tộc người Mỹ bản địa đã tạo ra một cơ sở dữ liệu kỹ thuật số để ghi lại tất cả tri thức văn hóa, lịch sử, phong tục tập quán và văn hóa nghệ thuật của cộng đồng họ.

Một tập đoàn của Hoa Kỳ, tập đoàn tìm kiếm các vi sinh vật ở Công viên Quốc gia Đá vàng, đang bước đầu ký kết thỏa thuận phát triển và nghiên cứu với Chính phủ Hoa Kỳ. Trong thỏa thuận này, hai bên sẽ cùng nhau chia sẻ những lợi ích thương mại của công trình nghiên cứu đó.

Mặc dầu các sự kiện này có vẻ không liên quan đến nhau nhưng chúng lại đều có điểm chung: tất cả đều là những cơ chế nhằm vào việc bảo hộ các nguồn gen, tri thức truyền thống và văn hóa dân gian. Ba thành tố này thường bện chặt vào nhau trong đời sống hàng ngày ở các cộng đồng. Ví dụ, một bài thuốc chữa trị vết thương truyền thống có thể liên quan đến một cây thuốc được sử dụng theo một công thức lưu truyền qua nhiều thế hệ và dần dần trở thành một phần của nghi lễ văn hóa.

Theo bà Linda Lourie, luật sư tại Vụ Quan hệ Quốc tế, Cơ quan cấp nhãn hiệu và bằng phát minh sáng chế Hoa Kỳ (USPTO) thì người Mỹ tôn trọng và thừa nhận tầm quan trọng của việc bảo vệ các nguồn gen, tri thức truyền thống và các hình thức thể hiện văn hóa dân gian bằng việc quy định việc chia sẻ quyền lợi cân bằng, xóa bỏ các bằng sáng chế được cấp nhằm, hạn chế sự mai một của tri thức truyền thống, và bảo tồn văn hóa dân gian.

Là một nước gồm nhiều người dân từ khắp các châu lục, đồng thời với hơn 560 bộ lạc da đỏ, chính quyền Mỹ đã phải xử lý rất nhiều mối lo liên quan đến những vấn đề thường rất phức tạp này. Bà Lourie nhấn mạnh rằng: “Chúng tôi xử lý những vấn đề này bằng các biện pháp của quốc gia”. Có một số giải pháp dùng tới Luật Bảo hộ Sở hữu Trí tuệ hiện thời của Hoa Kỳ, trong khi những giải pháp khác thì không. Ví dụ, các doanh nghiệp của người da đỏ áp dụng các luật bảo hộ sở hữu trí tuệ đã được hình thành, trong khi các hình thức thể hiện văn hóa dân gian của người da đỏ lại được bảo hộ bằng các luật, chương trình hay thậm chí là bảo tàng khác.

Trên trường quốc tế, Hoa Kỳ là nước đứng đầu trong việc phát triển các thỏa thuận cùng có lợi với các nước khác liên quan đến nguồn gen của những nước này. Bà Lourie nói rằng: “Chúng tôi kiên quyết hướng thế giới tới việc đàm phán các loại thỏa thuận này, và chúng tôi chắc chắn sẽ khuyến khích các nước khác làm như vậy”.

Bà Lourie cũng cho rằng, Hoa Kỳ rất nhiệt tình chia sẻ kinh nghiệm của mình với các nước khác trên các diễn đàn quốc tế. Nhưng bà cũng cảnh báo rằng: “Mỗi nước có các vấn đề cần phải giải quyết theo các cách riêng. Do đó các nước không nên áp dụng nguyên si cách giải quyết của Hoa Kỳ trong việc giải quyết các vấn đề của nước mình”.

**VẬY NHỮNG VẤN ĐỀ ĐÓ LÀ GÌ?**

Năm 1993, Công ước về Đa dạng Sinh học (CBD) đã có hiệu lực. Công ước này thể hiện sự cam kết giữa các quốc gia nhằm giữ gìn sự đa dạng sinh học, sử dụng các nguồn lực sinh học một cách lâu bền và chia sẻ và cân bằng lợi ích trong việc khai thác các quỹ gen. Đề cập đến vấn đề bảo hộ tri thức truyền thống, văn hóa dân gian và các nguồn gen, Điều 8 (j) của Công ước này kêu gọi các nước liên kết để “tôn trọng, bảo tồn và duy trì tri thức, sáng chế và phong tục, tập quán của các cộng đồng trong nước và bản xứ” và đề thúc đẩy việc ứng dụng hơn nữa các tri thức truyền thống, với sự cho phép của các cộng đồng nắm giữ tri thức.

Kể từ năm 1993, cộng đồng quốc tế đã và đang quyết tâm để hiểu và thực hiện tốt hơn điều 8 (j) cùng với các điều khoản khác của Công ước trên, trong khuôn khổ của Tổ chức Thương mại Thế giới (WTO) và Tổ chức Sở hữu Trí tuệ Thế giới (WIPO). Trong những cuộc họp này, một số nước đang phát triển đã ủng hộ việc tạo ra các công cụ pháp lý mới để bảo vệ các tri thức này trong WIPO. Các nước thành viên của WIPO cũng ủng hộ bằng việc thiết lập một ủy ban liên chính phủ được coi như là một diễn đàn quốc tế để thảo luận mối quan hệ giữa sở hữu trí tuệ và các nguồn gen, tri thức truyền thống và văn hóa dân gian.

Nhưng ba thuật ngữ này có nghĩa là gì? Cho tới nay các khái niệm này vẫn chưa được hiểu một cách thống nhất. “Các nguồn gen” được định nghĩa trong điều 2 của Công ước Đa dạng sinh học là “phần tử gen mang lại giá trị thực tế hoặc tiềm năng”. Phần tử gen được coi là bất kỳ loại vật chất nào của cây trồng, động vật, vi khuẩn hoặc từ bất kỳ loại vật thể nào chứa đựng chức năng di truyền.

Theo Cục Quốc tế của WIPO, “tri thức truyền thống” được hiểu là các hệ thống tri thức, các sản phẩm sáng tạo, sáng kiến và các hình thức thể hiện văn hóa dân gian được lưu truyền từ thế hệ này sang thế hệ khác, thường thuộc về hoặc gắn liền với một nhóm người cụ thể hoặc một vùng lãnh thổ cụ thể nơi nhóm người đó sinh sống. Theo định nghĩa này, một vài dạng của tri thức truyền thống đã tồn tại trong một thời gian dài. Tuy nhiên, những tri thức này luôn được phát triển thường xuyên để thích nghi với môi trường luôn thay đổi. Tri thức truyền thống có thể là sự hiểu biết các yếu tố tự nhiên như các lớp khoáng chất, vị trí của cá hồi, chức năng chữa bệnh của các cây trồng trong nước, tập quán quản lý đất đai hoặc kỹ thuật nông nghiệp.

Thuật ngữ “các hình thức thể hiện văn hóa dân gian” được định nghĩa bởi WIPO tùy theo các mục đích thảo luận. Theo tổ chức này, thuật ngữ “các hình thức thể hiện văn hóa dân gian” đề cập đến các sản phẩm chứa yếu tố đặc trưng của “di sản nghệ thuật truyền thống” được phát triển và duy trì bởi một cộng đồng hoặc bởi các cá nhân phản ánh sự biểu thị nghệ thuật truyền thống của cộng đồng đó. Các hình thức thể hiện văn hóa dân gian này có thể dưới dạng ngôn ngữ (như truyện dân gian); âm nhạc (như các bài hát dân gian, âm nhạc truyền thống, kịch hoặc tuồng); hoặc các dạng hữu hình khác (như các tác phẩm hội họa, điêu khắc, nghệ thuật tạo hình, sản phẩm thủ công mỹ nghệ, đồ mây, may vá, vải vóc, thảm, trang phục, dụng cụ âm nhạc và các loại hình kiến trúc khác), và các tài sản văn hóa vật thể khác.

Cộng đồng nắm giữ tri thức Hoa Kỳ và một số nước khác lo ngại rằng: những tri thức này sẽ bị mất đi; thiếu sự tôn trọng các tri thức truyền thống; mai một dần các tri thức truyền thống, bao gồm việc sử dụng mà không chia sẻ các lợi ích hoặc chiếm đoạt, khai thác sử dụng trái phép; nảy sinh nhu cầu bảo tồn và thúc đẩy việc áp dụng các tri thức truyền thống. Các cộng đồng bản địa có rất nhiều mối quan tâm giống nhau liên quan đến các hình thức thể hiện văn hóa truyền thống của họ.

Những người nắm giữ nguồn gen trên toàn thế giới cũng tập trung phần lớn vào các vấn đề “bảo vệ”, “bảo tồn” và “công bằng”, mặc dù những từ này thậm chí đến nay vẫn không được định nghĩa đồng nhất.

Người ta kêu gọi là cần phải có các công cụ pháp lý hữu hiệu mang tầm quốc tế để bảo vệ các tri thức truyền thống này, nhưng rất nhiều câu hỏi đặt ra chưa được trả lời. Ai sẽ là người hưởng lợi của việc bảo hộ nguồn gen, tri thức truyền thống và văn hóa? Không nước nào, không một tổ chức liên chính phủ quốc tế hay cá nhân nào có thể xác định được người có thể hưởng lợi từ những biện pháp bảo hộ này. Cũng vậy, không ai có thể xác định được quy mô của những kiểu bảo hộ như vậy, cái gì sẽ tạo nên việc “sử dụng hợp lý” hoặc các diễn đạt hạn chế khác, hay những cơ chế hiệu lực nào sẽ được áp dụng. Hoặc làm thế nào để chuyển quyền sử dụng các nguồn gen, tri thức truyền thống, hoặc văn hóa từ nước cũ đến nước mới? Như vậy thì sự pha trộn về truyền thống giữa các nước sẽ được bảo vệ như thế nào? Thế còn các truyền thống hoặc tri thức được chuyển giao giữa các biên giới hoặc lục địa hoặc trở thành các tập quán toàn cầu?

Một số nước muốn ngăn chặn nước khác sử dụng các tri thức truyền thống của mình trong khi một số nước khác lại muốn thương mại hóa hoặc kiếm lợi từ điều đó. Làm sao chúng ta có một cơ chế có thể chứa đựng tất cả các nhu cầu này? Và các vấn đề thậm chí phức tạp hơn, khi chúng ta không có những thỏa thuận đối với việc bù trừ các tổn thất thực tế do việc áp dụng các biện pháp bảo hộ mới.

Theo Eric Wilson, một nhà phân tích chương trình quốc tế tại Bộ Nội vụ Hoa Kỳ thì ở Mỹ, các doanh nghiệp của các bộ lạc có thể làm lợi cho bản thân họ bằng Luật về quyền sở hữu trí tuệ của Mỹ. Ví dụ, bộ lạc Choctaw ở Mississippi tổ chức các cuộc hội thảo hàng năm cho chính quyền của bộ lạc và những người quản lý công nghiệp của bộ lạc về sở hữu trí tuệ. Ông Wilson giải thích rằng, nhóm này được sử dụng trong các doanh nghiệp sản xuất và nhóm muốn làm lợi cho mình từ các luật quyền sở hữu trí tuệ liên quan.

Ông Wilson nhấn mạnh rằng, các luật hiện thời về bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ không đủ xoa dịu những lo lắng của cộng đồng bản địa và chỉ riêng những luật này thì không thể hi vọng làm gì được. “Các giá trị bản xứ” như họ thỉnh thoảng gọi như thế, là khá rộng lớn và khác nhau giữa các cộng đồng, với một ít quyền lợi thuộc về toàn bộ một bộ lạc, một thị tộc (phe cánh) hoặc một cá nhân.

Để bảo hộ được quyền sở hữu trí tuệ, ông Wilson gợi ý rằng người ta cần phải có một số giải pháp xuất phát từ bản thân các cộng đồng bản xứ. Ông nói rằng điều này sẽ dễ dàng hơn cho các chính quyền dân tộc thừa nhận tính hợp pháp cho luật của họ.

## TRI THỨC TRUYỀN THỐNG

Bà Linda Lourie cho rằng, để trả lời cho những cộng đồng nắm tri thức, người ta cần phải đảm bảo rằng các bằng sáng chế không được cấp trên các sản phẩm hoặc các quá trình đã được biết đến, bao gồm cả những cái mà được coi là tri thức truyền thống.

Một bằng sáng chế là việc một chính phủ cấp phép cho người phát minh ra nó quyền cấm người khác xuyên tạc, sử dụng hoặc bán sáng chế đó. Để được bảo hộ quyền sáng chế của mình ở khắp các nước, một sáng chế phải hoàn toàn mới, phải hữu ích và phải không được mở rộng không đáng kể từ cái đã được biết đến. Một số người sở hữu tri thức truyền thống lo sợ rằng những người khác sẽ có được các bằng sáng chế dựa trên những tri thức đã có từ lâu đời và hưởng lợi từ các tri thức này. Nhưng một người cố gắng phát minh dựa trên những tri thức truyền thống rất có thể không đáp ứng được 3 yêu cầu cần thiết này. Bà Lourie cho rằng: “Tri thức truyền thống là một cái đã được biết đến, vì thế nếu nó được sử dụng như tài liệu, nó không còn là mới nữa”.

Theo Luật về quyền sáng chế của Mỹ, (Điều số 35 Luật về quyền sáng chế Hoa Kỳ, Mục 102), nếu một sáng chế a) đã được biết đến hoặc được sử dụng bởi những người khác ở Hoa Kỳ, hoặc được cấp bằng sáng chế hoặc được sử dụng để xuất bản ở nước này hay một nước khác trước khi được nộp đơn xin cấp bằng sáng chế, hoặc b) được cấp bằng sáng chế hoặc được đăng trên tài liệu ở nước này hoặc nước ngoài hoặc được sử dụng rộng rãi hoặc được bán ở nước này, nhiều hơn một năm trước ngày nộp đơn xin cấp bằng sáng chế ở Hoa Kỳ, thì nó không đủ điều kiện để được cấp bằng sáng chế.

Tuy nhiên, bà Lourie giải thích: “nếu những nhà giám định bằng sáng chế trong Virginia không biết về các tập quán truyền thống ở nước ngoài, họ không thể bảo hộ được”.

Thiếu thông tin về một phương thuốc chữa bệnh truyền thống đã dẫn tới một sự nhầm lẫn vào năm 1995 khi Hoa Kỳ cấp bằng sáng chế cho người Ấn Độ ở trường Đại học Trung tâm Y tế Mississippi do việc sử dụng củ nghệ để chữa lành vết thương. Củ nghệ đã được sử dụng lâu dài ở Ấn Độ để chữa lành vết thương, và điều này đã được lưu lại làm tư liệu cho các báo chí xuất bản tại Ấn Độ. Ủy ban về Nghiên cứu công nghiệp và khoa học của Ấn Độ đã yêu cầu kiểm tra lại bằng sáng chế và Phòng Nhân hiệu và sáng chế của Hoa Kỳ đã hủy bỏ bằng sáng chế vì thiếu sự mới lạ. Khả năng bên thứ ba có quyền yêu cầu kiểm tra lại và cuối cùng là việc rút bỏ những lời phán quyết khi phát hiện ra lỗi chứng tỏ rằng hệ thống cấp bằng sáng chế hiện thời đã và đang hoàn thiện tốt hơn cách thức làm việc của mình.

Theo bà Lourie thì có thể người ta chưa đánh giá đúng tầm quan trọng của việc xuất bản tri thức truyền thống và mang các tri thức đó đến tay các nhà giám định bằng sáng chế trên toàn thế giới. Bà nói “Liệu các tri thức truyền thống có được ghi lại, liệu kiến thức đó có thể không phải là đề tài của một bằng sáng chế, thậm chí liệu nó không được biết đến rộng rãi ở một nước công nghiệp”.

Hoa Kỳ đang khuyến khích các nước khác tạo cơ sở dữ liệu để đăng tải những tri thức truyền thống và bảo hộ chúng khỏi sự ăn cắp bằng sáng chế. Các cơ sở dữ liệu số sẽ cho phép các nhà giám định bằng sáng chế trên khắp thế giới tìm kiếm và kiểm tra các tri thức truyền thống. Một số các nước đang phát triển cũng đang tích cực đi theo con đường này. Theo Lourie thì Ấn Độ và Trung quốc đã tham gia vào việc phát triển các thư viện số có khả năng tìm kiếm những tri thức truyền thống của họ. Các nhà giám định bằng sáng chế của Hoa Kỳ thường xuyên kiểm tra các cơ sở dữ liệu của các nước đã được đưa vào sử dụng.

Bà Lourie thừa nhận rằng một số cộng đồng nắm giữ tri thức truyền thống có thể không muốn tiết lộ một số khía cạnh nhất định của tri thức truyền thống hoặc hạn chế cho các cá nhân hoặc nhóm cụ thể. Nếu vậy, bà nói, họ có thể muốn các biện pháp bảo hộ tri thức của họ như là bảo vệ bí mật kinh doanh. Ở Mỹ, xâm phạm đến bí quyết kinh doanh được coi là một dạng cạnh tranh không bình đẳng.

Trong nước Mỹ, một số lớp người Mỹ bản địa chỉ đăng các giá trị truyền thống của họ theo một cách chỉ đủ để viết tư liệu và đề hạn chế người ngoài tiếp cận đến thông tin đó. Ví dụ, theo ông Wilson, các nhóm bộ lạc Tulalip ở bang Washington của Mỹ đã tạo ra một kho máy số phức tạp, mang tên là “các câu chuyện văn hoá”. Cái kho này sẽ phác họa người nào được quyền tiếp cận đến loại thông tin nào liên quan đến tri thức, lịch sử, văn hóa hoặc tập quán của họ. Một vài người có thể sử dụng để lấy thông tin không hạn chế trong khi những người khác, ví dụ như các nhà giám định bằng sáng chế, có thể lại bị giới hạn trong việc tiếp cận thông tin.

Một số cộng đồng nắm giữ tri thức truyền thống muốn chắc chắn rằng bất kỳ khám phá mới nào bắt nguồn từ tri thức truyền thống của họ đều phải chia sẻ cân bằng lợi ích. Các cộng đồng này có thể đàm phán những thỏa thuận chia sẻ cân bằng lợi ích dựa trên dạng hợp đồng, liên quan đến các sản phẩm mới hoặc các quá trình mới được tạo ra thông qua việc nghiên cứu tri thức truyền thống của họ. Tuy nhiên, bà Lourie lưu ý rằng điều này có thể là một sai lầm nếu hi vọng một khoản lợi kékch xù bất ngờ đến từ những hợp đồng như vậy. Cho đến nay, rất ít lợi ích về mặt tài chính nhờ việc thương mại hóa các tri thức truyền thống.

## VĂN HÓA DÂN GIAN

Ở Mỹ, các hình thức thể hiện văn hóa dân gian được bảo hộ bằng rất nhiều cách, từ các Luật sở hữu trí tuệ theo tiêu chuẩn Mỹ đến các luật và các chương trình thiết kết riêng biệt để bảo vệ và bảo tồn di sản văn hóa của người dân bản xứ.

Một cơ chế bảo hộ là Đạo luật về nghề thủ công và nghệ thuật của người da đỏ (người Anh-điêng). Đây là một luật liên bang có hiệu lực vào năm 1935 và sửa đổi vào năm 1990. Luật Quảng cáo sự thật cũng cấm việc quảng cáo gây nhầm lẫn cho người sử dụng rằng các sản phẩm được trình bày là do người da đỏ làm. Nó bao gồm các nghề thủ công và nghệ thuật truyền thống đương đại và theo phong cách của người Ấn Độ và của người Ấn Độ, như là mây tre đan, mỹ nghệ, các mặt nạ, mền và chăn. Bất cứ cá nhân hoặc doanh nghiệp nào vi phạm Đạo luật này sẽ bị phạt dân sự hoặc phạt hình sự hoặc cả hai.

Cơ sở dữ liệu về Biểu hiệu chính thức của người Mỹ bản địa được lập ra năm 2001 ở USPTO xoa dịu nỗi lo của người Mỹ bản địa về việc bảo tồn văn hóa dân gian. Biểu hiệu chính thức không phải là những thiết kế được đặt tên; chúng là những biểu hiệu được thừa nhận bởi các nhóm người Mỹ ở các bang khác nhau và được xác định như là biểu tượng chính thức cho cộng đồng bản xứ của họ. Sự có mặt của biểu hiệu chính thức trong cơ sở dữ liệu đảm bảo rằng một người giám định sẽ có thể tìm ra bất cứ biểu hiệu chính thức nào để có thể cản trở việc đăng ký nhãn hiệu khi nhãn hiệu đó không liên hệ với nhóm người trên.

Ngoài ra, tất cả đơn xin cấp nhãn hiệu có tên và chân dung có thể nhận ra được của người Mỹ bản địa, các biểu tượng được ghi nhận là có xuất xứ từ người bản địa và bất kỳ đơn nào khác mà USPTO tin vào, đều có thể kết luận rằng biểu hiệu có ràng buộc với những người da đỏ được kiểm tra bởi nhân viên giám định tại USPTO, một người có chuyên môn sâu và thông thạo trong lĩnh vực này.

Chính quyền Hoa Kỳ cũng đã áp dụng một số biện pháp khác để bảo vệ và bảo tồn các hình thức thể hiện văn hóa dân gian trong cộng đồng dân cư của họ. Trung tâm Đời sống dân gian Mỹ trong Thư viện của Quốc hội đã được Quốc hội Hoa Kỳ lập nên vào năm 1976 “để bảo tồn và trưng bày đời sống văn hóa của người dân Mỹ” thông qua các chương trình nghiên cứu, tư liệu, văn thư lưu trữ, các buổi biểu diễn trực tiếp, trưng bày ở triển lãm, các chương trình biểu diễn công khai và các chương trình đào tạo. Trung tâm này còn phối hợp với Phòng lưu trữ văn hóa dân gian của thư viện, được lập ra vào năm 1928 như là một kho chứa nhạc dân tộc Mỹ. Trung tâm này nắm giữ hơn một triệu bức ảnh, bản thảo, băng đĩa và các hình ảnh động.

Chính phủ Hoa Kỳ cũng duy trì trung tâm Smithsonian cho Di sản văn hóa và Đời sống dân gian để thúc đẩy sự hiểu biết nguồn gốc văn hóa ở Mỹ và ở nước ngoài. Bộ sưu tập bao gồm hàng ngàn đĩa, băng nói, đĩa nén, và cả những hình ảnh, băng ghi hình và phim hình ảnh động. Trung tâm cũng tổ chức các lễ hội văn hóa truyền thống hàng năm, sản xuất nhiều đĩa thu, tổ chức triển lãm, chiếu phim tư liệu và cung cấp nhiều tài liệu cho giáo dục.

Nỗ lực gần đây nhất của người Mỹ trong việc bảo tồn và duy trì văn hóa cho người da đỏ là việc thành lập viện bảo tàng quốc gia của người da đỏ trực thuộc Viện Smithsonian, mở cửa ở Washington, D.C., vào ngày 21 tháng 9 năm 2004. Đây là thư viện quốc gia đầu tiên ở Mỹ dành cho việc bảo tồn, nghiên cứu và trưng bày đời sống, ngôn ngữ, lịch sử và nghệ thuật của người da đỏ.

## CÁC NGUỒN GIEN

Trên khắp thế giới, rất nhiều cộng đồng đang tập trung vào các vấn đề chia sẻ lợi ích công bằng cũng như bảo vệ và duy trì các nguồn gien. Các cộng đồng này lo ngại rằng công ty ở các nước công nghiệp hóa có thể khai thác các nguồn lực tự nhiên của quốc gia họ cho việc sản xuất dược phẩm và sản phẩm nông nghiệp và đòi quyền sở hữu trí tuệ.

Trong khi đó rất nhiều cộng đồng khác lại tin rằng, những lo lắng như vậy là thừa. Theo bà Linda Lourie, khi mà Chính phủ Hoa Kỳ, gồm cả Viện Ung thư Quốc gia (NCI), cùng nghiên cứu nguồn gen với các nước khác, đồng thời ký kết hiệp định chia sẻ cân bằng lợi ích với các nước này để có được sự hưởng lợi cân bằng về nguồn gen và/ hoặc tri thức truyền thống, “có nhiều câu chuyện thành công” liên quan đến các thỏa thuận và hợp đồng hợp tác đã được đàm phán trên tinh thần đôi bên cùng có lợi.

Theo Tiến sỹ Khoa học Gordon Cragg: “NCI đã đi trước Công ước đa dạng sinh học khoảng 3 hoặc 4 năm” trong việc đàm phán để có những thỏa thuận với các nước khác về các nguồn gen của họ.

Ông Cragg, phụ trách Phòng Sản phẩm Thiên nhiên của Chương trình Phát triển Chữa bệnh của NCI giải thích rằng, vào những năm 1980, Viện này bắt đầu áp dụng nhiều chính sách trong việc hợp tác với các nước khác sử dụng nguồn gen của họ để tìm ra nhiều biện pháp hữu hiệu hơn chữa bệnh ung thư. Các thỏa thuận này đã mang lại cho các nước nguồn các lợi ích tức thời, không phải chờ đợi xem liệu nguồn gen của họ có mang lại kết quả hay không. Những lợi ích tức thời này có thể là việc các nhà khoa học ở các nước có nguồn gen được cử đi đào tạo ở các phòng thí nghiệm của NCI hoặc các phòng thí nghiệm của các trường đại học Hoa Kỳ và chuyên gia công nghệ.

Ông Cragg nói: “Cơ hội cho một phát minh trở thành một sản phẩm thương mại thường được nói là một trên 10.000. Tôi nghĩ thế là lạc quan rồi”.

NCI trực thuộc Viện Y tế Quốc gia Mỹ, một cơ quan quan trọng của Bộ Y tế và các Dịch vụ chăm sóc sức khỏe con người của Mỹ, thực hiện chức năng giống như một công ty được phi lợi nhuận. Được thành lập vào năm 1937, viện này đã dần phát triển trở thành trung tâm nghiên cứu và phát triển thuốc, sưu tập các cây trồng phần lớn ở Mỹ, Mê-hi-cô, Ca-na-da và một số nước châu Phi và châu Âu vào những năm 1950. Cho tới những năm 1980, NCI đã bắt đầu sưu tập các cây trồng và sinh vật biển ở các khu vực miền nhiệt đới.

Chương trình này do NCI đầu tiên phát triển các chính sách chia sẻ lợi ích với các nước có nguồn gen. Ông Bjarne Gabrielsen, cố vấn cấp cao về phát minh và phát triển thuốc ở Bộ phận chuyên gia công nghệ của NCI giải thích: “Chúng tôi bắt đầu cho các tổ chức nghiên cứu chất lượng cao ở Hoa Kỳ thuê các hợp đồng để tiến hành sưu tập, ở nước ngoài. Vườn Bách thảo Missouri đã sưu tập các cây trồng ở châu Phi, trong khi vườn Bách thảo New York sưu tập ở châu Mỹ La tinh, trường Đại học Illinois ở Chi-ca-gô sưu tập ở Nam Á”. Ông nói: “Các bộ sưu tập này được thực hiện chủ yếu ở các nước nhiệt đới và cận nhiệt đới, chủ yếu là các nước đang phát triển”.

Ở giai đoạn này, chương trình của Cragg đã bắt đầu sử dụng các Thư Sưu tập, các thỏa thuận giữa NCI với một tổ chức đầu thầu của Mỹ và một tổ chức sưu tập ở nước có nguồn gen. Ông Gabrielsen nói với tổ chức quốc gia có nguồn gen rằng: “Nhà thầu Mỹ đi tới một vùng, xin những giấy phép cần thiết, và sưu tập các cây trồng và sinh vật biển cho chúng tôi. NCI làm công việc chiết xuất và kiểm nghiệm”. Ngoài các khoản lợi nhuận ngắn hạn, NCI còn yêu cầu rằng nếu một loại thuốc nào đó được phát hiện ra và



được cấp phép cho một công ty dược, công ty này phải nhất trí để những khoản lợi sẽ được trả về cho nước Mỹ, được coi như một phần của tiền sáng chế.

Theo thời gian, cùng với Công ước Đa dạng Sinh học và sự nhận thức ngày càng lớn hơn của các nước có nguồn gen về giá trị của các nguồn gen của họ, các tổ chức nghiên cứu và các công ty dược đã ngày càng chấp thuận các chính sách hợp tác và bù trừ cân bằng.

Trong lĩnh vực này thì NCI vẫn đi đầu. Vào những năm 1990, NCI đã trưng bày lại các bộ sưu tập của mình trong một chương trình tìm thuốc từ cây thuốc nhằm mở rộng hợp tác chặt chẽ hơn với các nhà khoa học và các tổ chức của các nước có nguồn gen theo các hợp đồng gọi là Biên bản ghi nhớ.

Cragg nói “Khi các tổ chức của nước có nguồn gen có kỹ năng, chuyên môn và kiến thức và một số cơ sở hạ tầng trong phòng thí nghiệm của họ, chúng tôi hỗ trợ thêm cho họ bằng việc giúp họ hơn nữa trong các chương trình nghiên cứu để tìm ra thuốc.... Ví dụ, Chương trình Chữa bệnh Phát triển trị liệu pháp của NCI đã cung cấp chương trình đào tạo và các loại tế bào ung thư cho một tổ chức nghiên cứu ở trường đại học Liên bang Ceara ở Fortaleza, Brazil nhằm giúp họ xây dựng chương trình nghiên cứu thuốc chữa ung thư riêng của mình. Tổ chức này hiện giờ đang thử nghiệm các nguyên liệu trong các chương trình nghiên cứu trên khắp Bra-xin.

Ông Cragg nói “Chúng tôi có năm hợp đồng như vậy ở Bra-xin” cũng như có các thỏa thuận hợp tác với các tổ chức ở Australia, Băng-la-đét, Trung Quốc, Cốcta-Rica, Fi-ji, Aixolen, Hàn Quốc, Mê-hi-cô, Niu Dilân, Ni-ca-ra-gua, Pa-kít-tan, Pa-na-ma, Papua New Guinea, Nam Phi và Zimbabwe.

Ông Cragg cho rằng, thông qua cách hợp tác này, các tổ chức nghiên cứu ở các nước đang phát triển có thể có một phát minh hứa hẹn ngay tại nước của họ. Thậm chí nếu họ gửi cho NCI một mẫu để xét nghiệm kỹ càng hơn thì việc xét nghiệm như vậy được coi là bình thường và NCI không đòi quyền sở hữu trí tuệ. “Các kết quả được gửi trả lại cho họ và tổ chức nghiên cứu của nước đó sẽ có được bằng sáng chế, nếu phù hợp”.

Ông Cragg nhấn mạnh rằng: “Theo suy nghĩ của chúng tôi, đây là một cách rất lý tưởng. Nếu một công ty dược muốn tận dụng phát minh đó và tổ chức nghiên cứu ở nước có nguồn gen được cấp bằng sáng chế, công ty dược này phải thương lượng một thỏa thuận cấp phép và tổ chức nghiên cứu ở nước có nguồn có thể đặt ra các điều kiện”.

Ông Cragg nói rằng “Bằng việc hợp tác chặt chẽ để đưa ra các giải pháp tốt hơn cho cả người dân Mỹ và người dân toàn cầu đang phải chịu căn bệnh ung thư, chúng tôi đã đạt được mục tiêu của NCI và cũng là mục tiêu của Công ước Đa dạng Sinh học. Các nước có nguồn gen đang có được những lợi nhuận quan trọng”.

Bà Linda Lourie chỉ ra rằng Chính phủ Hoa Kỳ cũng yêu cầu ký kết hợp đồng khi các công ty muốn sưu tập các nguồn gen từ các vùng đất thuộc sở hữu của các bang hoặc từ khoảng 56 triệu mẫu đất mà chính phủ liên bang nắm giữ theo sự ủy thác của các bộ lạc Mỹ và của những người Mỹ bản địa. Ví dụ, để nghiên cứu các vi sinh vật trong các suối

nước nóng của vườn quốc gia Đá vàng, các nhà nghiên cứu phải ký kết hiệp định Phát triển và Nghiên cứu Hợp tác (CRADA) với Chính phủ Hoa Kỳ, gồm cả những quy định về chia sẻ lợi ích nếu kết quả nghiên cứu được thương mại hóa.

Bà Lourie nói: “Quan điểm của người Mỹ về việc bảo vệ nguồn gen là để khuyến khích các nước khác thiết lập cơ chế tiếp cận phù hợp và các chế độ chia sẻ lợi ích quy định rằng việc chia sẻ lợi ích là dựa trên các điều khoản đã cùng nhau thỏa thuận”. Một vài nước áp dụng các chính sách hạn chế sự tiếp cận bằng việc tạo ra nhiều rào cản để ngăn chặn sự hợp tác, do đó làm mất đi của họ các lợi ích tiềm năng từ sự hợp tác.

## KẾT LUẬN

Cho đến nay, nước Mỹ đã tìm ra rất nhiều biện pháp để đáp ứng các mối quan tâm về việc bảo vệ tri thức truyền thống, văn hóa dân gian và nguồn gen. Theo quan điểm của Mỹ, các luật về sở hữu trí tuệ hiện và nên tiếp tục phục vụ những cá nhân và người bản xứ và những cộng đồng khác đáp ứng được những tiêu chuẩn phù hợp để được bảo vệ hợp pháp.

Chính phủ Hoa Kỳ ủng hộ việc trao đổi kinh nghiệm về tri thức truyền thống, các hình thức thể hiện văn hóa dân gian và các nguồn gen trên các diễn đàn quốc tế, đặc biệt trong WIPO, một tổ chức có đủ kinh nghiệm và các nguồn lực cần thiết để xử lý các vấn đề kỹ thuật phức tạp. Các hoạt động của WIPO bao gồm các nhiệm vụ điều tra, các nghiên cứu thực nghiệm và các cuộc khảo sát, các điều khoản hợp đồng mẫu và các ví dụ cơ sở dữ liệu.

Các chuyên gia Hoa Kỳ nhất trí rằng bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ không phải là một giải pháp cho tất cả các vấn đề liên quan đến việc bảo vệ, bảo tồn, phát triển và sử dụng tri thức truyền thống, các hình thức thể hiện bản sắc văn hóa và nguồn gen trên toàn thế giới. Tuy nhiên, theo quan điểm của người Mỹ, bí quyết để giải quyết vấn đề này một cách tốt đẹp là tiếp cận theo hướng những giải pháp bắt nguồn trong bối cảnh của mỗi quốc gia.

---

### **Thách thức về vấn đề bản quyền trong thời đại kỹ thuật số**

#### **THÁCH THỨC VỀ VẤN ĐỀ BẢN QUYỀN TRONG THỜI ĐẠI KỸ THUẬT SỐ**

Marybeth Peter

Kể từ khi ra đời đến nay, luật bản quyền đã thích ứng với những thay đổi về công nghệ. Ngày nay, những thay đổi được nói đến nhiều nhất đều liên quan đến lĩnh vực kỹ thuật số, mạng truyền thông số hóa như mạng Internet và máy tính cá nhân. Những công nghệ ấy, giống như nhiều phát minh khác, bên cạnh nhiều ích lợi cũng tiềm tàng rất nhiều rủi ro cho những ai sử dụng và khai thác quyền tác giả của các cuốn sách, bản nhạc, kịch bản phim hay các trang web. Rõ ràng những vấn đề luật gần đây liên quan tới việc cân đối quyền lợi giữa các bên trong việc sử dụng các phát minh mới còn gây nhiều thất vọng và có thể được coi là “mới” hay “độc nhất”. Tuy nhiên, chúng cũng đơn thuần chỉ là một bước đi trong quá trình thích nghi liên tục và thể hiện lịch sử hình thành và phát triển của

luật bản quyền. Bài báo này sẽ xem xét một số vấn đề liên quan tới công nghệ số hóa được điều chỉnh bởi luật bản quyền ngày nay.

## NHỮNG NÉT ĐẶC TRUNG CỦA CÔNG NGHỆ SỐ HÓA VỚI HÀM Ý VỀ BẢN QUYỀN

Những công nghệ cần được điều chỉnh bởi luật bản quyền đều là những ứng dụng kỹ thuật liên quan tới việc lưu trữ và chuyển giao quyền tác giả. Những công nghệ này liên quan tới luật bản quyền dưới nhiều phương diện được liệt kê dưới đây:

**Dễ dàng sao chép:** Một tác phẩm khi đã được số hóa có thể sao chép một cách dễ dàng, nhanh chóng, chi phí thấp mà chất lượng vẫn đảm bảo. Mỗi bản copy lại tiếp tục được sao thành nhiều bản khác mà vẫn giữ nguyên chất lượng ban đầu. Như vậy chỉ cần một bản copy thôi cũng có thể đáp ứng được nhu cầu của hàng triệu người. Chúng ta đã từng được chứng kiến những đĩa nhạc CD từ những năm 80, 90 được sao chép thành hàng tỉ bản và trở nên phổ biến như thế nào trên mạng Internet trong những năm gần đây.

**Dễ dàng phổ biến:** Mạng số hóa toàn cầu cho phép phổ biến tác phẩm dưới dạng số một cách nhanh chóng trên toàn thế giới. Giống như phát thanh truyền hình, mạng kỹ thuật số cho phép từ một trung tâm có thể truyền phát tới hàng triệu cá nhân (mặc dù có điểm khác biệt ở đây là các tác phẩm số hóa không nhất thiết phải đến tay người nhận cùng một lúc). Tuy nhiên, mạng số hóa còn cho phép mỗi cá nhân có thể trở thành chủ thể truyền phát, khiến cho số lượng phân phối tăng theo theo cấp số nhân, đôi khi gọi là hiệu ứng virus. Điều này cùng với khả năng dễ dàng sao chép cũng có nghĩa là một bản copy số hóa của một tác phẩm có thể được tái bản hàng chục nghìn lần chỉ trong vài tiếng đồng hồ. Khi được phân phát bằng đường truyền tốc độ cao như mạng lưới cáp đồng trục hoặc thậm chí đường dây cáp quang thì quá trình đó sẽ nhanh hơn rất nhiều, đồng thời khả năng truyền tải các tác phẩm cũng tăng lên.

**Dễ dàng lưu trữ:** Có thể lưu trữ một dung lượng lớn các thông tin số hóa, và mỗi năm giới hạn dung lượng đó lại được mở rộng ra rất nhiều. Chưa bao giờ một khối lượng lớn thông tin lại có thể được lưu trữ trong một không gian ngày càng nhỏ như ngày nay. Đầu thập kỷ 90, những chiếc đĩa CD với dung lượng trên 600 megabytes đã được những kẻ làm băng đĩa giả sử dụng tràn lan và thu được lợi nhuận lên đến hàng triệu đô-la. Giờ đây, một thiết bị nghe nhạc di động chỉ to bằng hộp thuốc lá cũng có thể chứa được một khối lượng thông tin lớn gấp 70 lần (khoảng 10.000 bài hát).

## CÁC HÌNH THỨC KHAI THÁC VÀ CẠNH TRANH BẤT HỢP PHÁP MỚI

Cuộc cách mạng kỹ thuật trong phương thức tái bản, sao chép, lưu trữ thông tin số hóa bao gồm các tác phẩm được cấp bản quyền rõ ràng là một con dao hai lưỡi đối với tác giả và đối với cả người nắm giữ bản quyền. Một mặt, nó giúp cho tác giả có thể quảng bá tác phẩm của mình tới đông đảo khán giả một cách thuận tiện và tiết kiệm hơn nhiều so với trước đây. Ví dụ một ca sĩ có thể tải các bài hát của mình lên các trang web để các fan hâm mộ trên khắp thế giới có thể vào nghe mà không phải tốn tiền đầu tư cho sản xuất, đóng gói, chuyển phát những chiếc đĩa CD tới những nơi xa xôi theo cách thông thường.

Mặt khác, tiến bộ công nghệ này cũng tạo cơ hội cho nhiều kẻ gian, nhiều kẻ cạnh tranh bất hợp pháp với tác giả sao chép và tiêu thụ trái phép những tác phẩm này.

Thách thức trong vấn đề bản quyền ở kỷ nguyên số hóa là làm sao có thể bảo vệ quyền lợi của tác giả cũng như người nắm giữ bản quyền trong việc sản xuất và sử dụng công nghệ mới để tiêu thụ các tác phẩm đó khi phải đối mặt với nạn ăn cắp và cạnh tranh bất hợp pháp ở khắp mọi nơi. Đồng thời, cũng phải đảm bảo rằng việc sử dụng hữu ích các tác phẩm không bị kiểm soát một cách không cần thiết bởi hệ thống bản quyền không hiệu quả do công nghệ mới gây ra. Bài viết này đề cập đến việc Hoa Kỳ đã phải đối mặt với thách thức này như thế nào và liệu trong tương lai có thể sẽ gặp lại thách thức đó ra sao.

## NHỮNG CHỦ ĐIỂM CHUNG

Bài viết này đề cập tới một vài chủ điểm chung trong cách tiếp cận cho rằng luật bản quyền của Mỹ liên quan tới những tiến bộ công nghệ trong quá khứ và làm thế nào nước Mỹ đã vượt qua được những thách thức do những công nghệ hoàn toàn mới đó đặt ra.

Tìm đến những hình thức thể hiện mới:

Suốt hai thế kỷ qua, không biết bao nhiêu lần chủ đề bản quyền liên quan tới những hình thức mới của quyền tác giả được đưa ra thảo luận. Nghề nhiếp ảnh, kỹ thuật quay phim, các dữ liệu điện tử, và các chương trình máy tính là một số ví dụ điển hình. Về mặt cơ bản, trong mỗi trường hợp các nhà hoạch định chính sách đều có thể xem xét vấn đề một cách tổng quát hơn là chỉ dừng lại ở những kỹ thuật và phương thức biểu đạt cụ thể, để có thể thừa nhận sợi chỉ chung xuyên suốt về quyền sáng tạo liên quan tới bản quyền tác giả.

Duy trì cơ cấu các đặc quyền:

Một nguyên tắc cơ bản của hệ thống bản quyền trong nước cũng như quốc tế đó là các tác giả được trao cho những quyền lợi đặc biệt trong các lĩnh vực cụ thể liên quan tới hoạt động sáng tạo của họ (ví dụ như tái bản, phân phối hay trình chiếu). Những quyền này cho phép các tác giả đảm bảo được những lợi kinh tế cũng như lợi ích phi kinh tế của họ, do đó sẽ thúc đẩy các hoạt động sáng tác văn chương và nghệ thuật, đồng thời đem lại nhiều lợi ích cho xã hội. Nguyên tắc này được nói đến trong một điều của Hiến pháp Mỹ trao những quyền đặc biệt cho các tác giả “nhằm thúc đẩy Tiến bộ Khoa học và các Tác phẩm Nghệ thuật hữu ích”. Vì cách mạng công nghệ đã tạo ra nhiều phương thức mới trong việc khai thác các công trình sáng tạo nên các nhà hoạch định chính sách phải thường xuyên kiểm tra những đặc quyền của các tác giả để đảm bảo rằng các tác giả và những người sở hữu giấy chứng nhận bản quyền luôn có quyền kiểm soát đặc biệt đối với các sáng tác của họ.

Đôi khi, mở rộng phạm vi các quyền lợi hiện có cũng là một giải pháp. Ví dụ, ở Mỹ, quyền được tự do trình diễn trước công chúng còn được hiểu là quyền phát thanh truyền hình. Trong nhiều trường hợp khác, người ta lại bổ sung các quyền mới vào luật bản quyền, ví dụ như khi truyền hình phát triển, người ta đã thêm một số quyền liên quan tới thông tin liên lạc vào hiệp định về bản quyền quốc tế đầu tiên là Công ước Berne.

Đồng thời các nhà lập pháp cũng phải nghiên cứu bản chất và phạm vi của những trường hợp không được hưởng đặc quyền. Ví dụ, các trường hợp miễn trừ hạn chế đối với việc tái bản các phần mềm máy tính được quy định ở khoản 17 trong Luật Bản quyền của Mỹ đã tính đến những phương thức thích hợp đối với việc điều chỉnh những đặc quyền cho phù hợp với nhu cầu về công nghệ đó, cụ thể là nhu cầu sao chép trong quá trình sử dụng và nhu cầu sản xuất những phần mềm hỗ trợ khi có lỗi kỹ thuật. Tương tự như vậy, năm 2002, Mỹ đã xem xét và sửa đổi các điều khoản miễn trừ trong trường hợp sử dụng các công trình sáng tạo trong lĩnh vực giáo dục nhằm tạo điều kiện cho chương trình “giáo dục từ xa” cho phép các giáo viên và học sinh giao tiếp thông qua mạng viễn thông như Internet.

Tóm lại, công nghệ mới ra đời thường gây nhiều tranh cãi xung quanh vấn đề liệu có nên điều chỉnh các đặc quyền của tác giả và người nắm giữ bản quyền hay không, nên mở rộng hay thu hẹp các quyền hạn đó để phục vụ mục tiêu bảo vệ bản quyền.

Giải pháp để thị trường tác động:

Một trong những lý do tại sao hệ thống đặc quyền như quyền tác giả từ trước tới nay lại thành công vang dội trong việc khuyến khích sức sáng tạo đó là nó cho phép những người sở hữu bản quyền tự tìm kiếm nguồn tài chính cho hoạt động của họ trên thị trường. Cụ thể là ở nơi nào mà công nghệ phát triển nhanh chóng thì ở đó tính linh hoạt của thị trường thường là phương thức tốt nhất để có thể đảm bảo rằng công trình sáng tạo vẫn liên tục được tạo ra và quảng bá đến công chúng.

Tuy nhiên bất kì thị trường nào cũng có những mặt trái và thách thức đặt ra đối với các chính phủ là làm sao khắc phục được những mặt hạn chế đó. Ví dụ, một đặc quyền sẽ trở nên vô ích đối với người sở hữu nó nếu thị trường ngăn trở việc thực thi quyền lợi ấy. Việc khai thác quyền được trình diễn ca nhạc trước công chúng chính là một ví dụ điển hình ở nước Mỹ. Giá trị của việc trình diễn đơn lẻ trước công chúng thì rất thấp nhưng lượng người sử dụng tác phẩm âm nhạc đó bao gồm các đài truyền hình, các quán bar, các nhà hàng, siêu thị, v.v. thì vô cùng đông đảo. Tóm lại giá trị của việc khai thác một tác phẩm là vô cùng to lớn và chi phí quản lý quyền tác giả trước một lượng người sử dụng đông đảo đó cũng vô cùng tốn kém.

Ở Mỹ, tính không hiệu quả đó của thị trường nói chung đã được khắc phục bằng giải pháp quen thuộc là để cho chính thị trường tác động: quản lý chung quyền trình chiếu. Trong hệ thống này, các hiệp hội thu phí cấp phép từ mỗi người sử dụng và trả cho tác giả cũng như nhà xuất bản. Ví dụ như ở Mỹ, Hiệp hội Các nhà soạn nhạc, nhà văn, nhà xuất bản (ASCAP) và Tập đoàn Truyền phát Nhạc (BMI) sẽ cấp hàng loạt giấy phép trình chiếu phổ thông cho các địa điểm và dùng khoản tiền cấp phép thu được trả cho các thành viên.

Cách tiếp cận tương tự cũng đang được sử dụng để quản lý quyền tái bản, sao chép điện tử và đã đạt được một số thành công nhất định. Ví dụ trong lĩnh vực này, Trung tâm Cấp phép Sử dụng Bản quyền đã đi đầu và hoạt động như một trung tâm cấp giấy phép cho đông đảo người sử dụng. Việc cấp phép bắt buộc, trong đó nhà nước in ấn và quản lý các giấy phép cũng là một giải pháp để khắc phục hạn chế của thị trường. Ví dụ, điều 111 và

119 trong Luật Bản quyền Mỹ đã quy định việc tái chuyển giao các tín hiệu truyền hình bắt buộc phải có giấy phép do chi phí giao dịch cao cùng với việc phải xin giấy phép cần thiết.

Kinh nghiệm của Hoa Kỳ trong lĩnh vực này cho thấy những hình thức quản lý tập thể vấn đề bản quyền hữu hiệu nhất đó là những hình thức giữ được càng nhiều đặc tính của các đặc quyền thị trường càng tốt. Điều này đòi hỏi hệ thống quản lý tập thể phải luôn chủ động, thừa nhận và linh hoạt trước các tác động của thị trường (bao gồm các tác động được tạo ra bởi những thay đổi của công nghệ). Tất cả ba nhân tố trên đều hướng tới những cá thể hoạt động trong môi trường có tính cạnh tranh cao để tập trung quản lý quyền. Ngoài ra nhân tố thứ ba còn cho rằng quá trình quản lý các quyền lợi không nên tập trung vì điều kiện thị trường ở mỗi nước là khác nhau.

Hơn nữa việc quy định giấy phép bắt buộc phải được quản lý bởi nhà nước cũng gây tổn kém cho xã hội. Trước hết, quy định giấy phép bắt buộc vi phạm nghiêm trọng đến quy phạm về đặc quyền. Thứ hai, giấy phép bắt buộc có thể bóp méo thị trường bởi vì nó kiểm soát giá cả một cách trực tiếp thông qua cơ chế ấn định mức tiền bản quyền tác giả và một cách gián tiếp thông qua việc kiểm soát nguồn cung. Thứ ba, một khi giấy phép bắt buộc được hình thành, nó sẽ kéo theo cả mạng lưới những kẻ ăn theo rất khó xóa bỏ ngay cả khi không còn những điều kiện nuôi dưỡng mạng lưới đó.

Vì những lý do trên, việc cấp giấy phép bắt buộc chỉ được cho phép sử dụng một cách hạn chế bởi các hiệp định bản quyền quốc tế và nên áp dụng một cách thận trọng ở mức độ quốc gia. Thất bại của thị trường, như thị trường tái chuyển giao vệ tinh và cáp trong đó chi phí giao dịch quá đắt đỏ chính là một minh chứng cho việc ứng dụng cấp giấy phép bắt buộc đó.

## NHỮNG THÁCH THỨC ĐẦU TIÊN

Công nghệ số hóa phát triển đã đặt ra hàng loạt thách thức cho vấn đề bản quyền quốc tế.

Duy trì cơ cấu các đặc quyền:

Bởi vì những tiến bộ trong công nghệ số hóa đã giúp cho việc tái bản và phân phối các tác phẩm trở nên nhanh chóng trên phạm vi toàn thế giới, những năm gần đây cộng đồng quốc tế đã phải chú ý rất nhiều đến việc điều chỉnh các đặc quyền để giải quyết những vấn đề phát sinh từ công nghệ mới. Một kết luận mang tầm quốc tế được đưa ra đó là: vì luật bản quyền hiện tại đã tương đối đầy đủ để có thể điều chỉnh các quan hệ phát sinh liên quan tới công nghệ mới, cho nên chỉ cần sửa đổi bổ sung chứ không cần thay đổi hoàn toàn. Điều này được phản ánh trong các quy định vừa phải nhưng quan trọng của Hiệp định về Bản quyền WIPO (WCT) được kí kết một thời gian ngắn trước khi công nghệ số hóa trở nên thịnh hành.

WCT đòi hỏi các nước thành viên công nhận những đặc quyền cụ thể dành cho các hoạt động diễn ra trong mạng lưới viễn thông số hóa mới như mạng Internet. Hiệp ước này cũng trao cho các tác giả quyền được giao dịch với công chúng, bao gồm quyền rao bán sản phẩm của mình như cung cấp phần mềm tải các tác phẩm xuống từ các website.

Trong khi nhiều bộ luật về bản quyền lồng ghép đặc quyền đó trong những quyền mang tính chất truyền thống hơn như quyền tái bản hay quyền trình chiếu thì WCT lại quy định rõ ràng thành một điều khoản riêng về quyền rao bán, dưới bất cứ hình thức nào đều thuộc về tác giả.

Những biện pháp kỹ thuật hỗ trợ để bảo hộ bản quyền.

Trong khi hầu như không sửa đổi gì đến nội dung các đặc quyền, WCT đã bổ sung một số điều khoản khá mới mẻ đối với các hiệp định bản quyền quốc tế, đó là về các biện pháp kỹ thuật hỗ trợ để bảo hộ bản quyền. Những biện pháp đó nhằm thúc đẩy sự phát triển của cách mạng kỹ thuật số bằng cách đảm bảo rằng giấy chứng nhận bản quyền có thể được cấp và sử dụng trực tuyến.

WCT quy định các quốc gia thành viên phải triển khai các giải pháp pháp lý hữu hiệu nhằm ngăn chặn những người sở hữu bản quyền sử dụng thủ đoạn kỹ thuật để bảo vệ quyền lợi của họ, đồng thời cũng ngăn chặn các cá nhân tẩy xóa hay sửa chữa thông tin quản lý quyền lợi được người sở hữu bản quyền cung cấp trong tác phẩm. Mục tiêu tiên trong Hiệp định Bản quyền Kỷ nguyên Kỹ thuật Số (DMCA) đã quy định một hình thức trách nhiệm pháp lý mới đối với việc sử dụng các tiêu xảo kỹ thuật nhằm ngăn cản việc tiếp cận các công trình sáng tác đã được bảo hộ hay nhằm kiểm soát việc tái bản, phân phối, trình diễn, trình chiếu các tác phẩm đã được bảo hộ.

Vì vậy, WCT đã thừa nhận là các cá nhân sở hữu bản quyền nếu chỉ đơn phương sử dụng các biện pháp kỹ thuật thì khó có thể bảo vệ được tác phẩm của họ, bởi vì mọi thiết bị kỹ thuật đều có thể bị vô hiệu hóa bởi những kẻ tìm mọi cách ăn cắp tác phẩm đó. Nói cách khác, trong khi luật sở hữu trí tuệ hiện hành đang tiếp tục được điều chỉnh thì việc thực thi những quyền hạn đó trong bối cảnh có nhiều ứng dụng công nghệ mới như mạng Internet đòi hỏi phải bổ sung những điều luật mới ngăn cấm việc xâm hại đến các thiết bị kỹ thuật của các ứng dụng ấy.

Các thị trường và việc quản lý quyền lợi

Như đã đề cập ở trên, quản lý chung các đặc quyền chính là một giải pháp đối với tính không hiệu quả của quyền cấp phép sử dụng một số lượng lớn tác phẩm cho đông đảo người sử dụng khi mà giá trị sử dụng đơn lẻ tương đối thấp. Từ trước tới nay, việc cấp phép sử dụng đơn lẻ các tác phẩm thường làm cho chi phí giao dịch vượt quá giá trị của giấy phép.

Thoạt nhìn, quản lý chung nghe có vẻ là một cách tiếp cận hợp lý đối với việc quản lý quyền lợi, ít nhất là đối với một số tác phẩm trên mạng số hóa. Tuy nhiên, mức độ ứng dụng như thế nào thì chưa được đề cập rõ ràng. Cơ sở hạ tầng thông tin cho phép phân phối các tác phẩm một cách nhanh chóng với chi phí thấp cũng có thể tăng cường khả năng của những người được hưởng đặc quyền để họ có thể tự mình quản lý quyền lợi đó. Các doanh nghiệp tư nhân đang rất nỗ lực để đưa ra các thiết bị giúp đơn giản hóa quá trình giao dịch riêng lẻ giữa người sở hữu bản quyền với người sử dụng. Việc ứng dụng rộng rãi công nghệ tự động hóa có thể giúp cắt giảm chi phí giao dịch thấp đến mức cho

phép các cá nhân có thể tự quản lý quyền lợi của mình. Ngoài ra, các công nghệ như vậy còn có thể ứng dụng trong quản lý tổng hợp như là sự bổ sung cho việc cấp giấy phép phổ thông truyền thông.

Để những kỹ thuật này phát huy được tối đa tác dụng trên thị trường, vai trò của nhà nước ở đây phải là rất nhỏ. Chính các lực lượng thị trường chứ không phải nhà nước là yếu tố quyết định sự thắng thế của cơ chế quản lý quyền lợi chung, cơ chế quản lý quyền lợi đơn lẻ hay là kết hợp của cả hai cơ chế ấy.

## NHỮNG THÁCH THỨC TRONG TƯƠNG LAI

Quy định trách nhiệm liên đới thích hợp trong kỷ nguyên kỹ thuật số

Một khía cạnh thú vị khác từ sự phát triển nhanh chóng của công nghệ số hóa trong thập kỷ qua là tính chất cá nhân của công nghệ mới. Một người, hầu như không mất vốn liếng gì cũng có thể sao chép, phân phối hàng triệu bản copy các tác phẩm thông qua mạng Internet, đặc biệt là những tác phẩm dễ dàng chuyển về dạng số như ca nhạc, phim, ảnh. Ở Mỹ, chúng ta đã từng chứng kiến rất nhiều công ty triển khai mạng lưới bán hàng cá nhân-đến-cá nhân để tận dụng được ích lợi trên, mà cụ thể là tiếp nhận hàng triệu khách hàng vào mạng lưới vi phạm bản quyền quy mô lớn chưa từng thấy. Trước thực tế hoạt động của nhiều cá nhân có thể dẫn đến tình trạng vi phạm luật pháp hàng loạt, các câu hỏi nghiêm túc về việc thực thi pháp luật đã được đặt ra. Thật khó cho những ai sở hữu bản quyền để có thể xác định và tiến hành những biện pháp pháp lý để chống lại hiện tượng ăn cắp bản quyền tràn lan. Và ngay cả khi họ có thể thực thi các biện pháp ấy thì những người vi phạm nhiều khi cũng không có khả năng bồi thường cho những thiệt hại mà họ gây ra.

Nhằm cố gắng giải quyết có hiệu quả tình trạng ăn cắp bản quyền ngày nay, những người sở hữu bản quyền Mỹ đã phải sử dụng các học thuyết về trách nhiệm liên đới để quy trách nhiệm cho những kẻ tạo điều kiện cho những mạng lưới này vi phạm bản quyền. Các công ty này như công ty Napster trước đây, Aimster, Grokster, Morpheus, và Kazaa đã cung cấp phần mềm và các dịch vụ cho người sử dụng, đồng thời thu tiền quảng cáo dựa trên số lượng khán giả truy cập. Các quy định về Trách nhiệm Liên đới từ lâu đã là một phần của luật chung về bản quyền của Mỹ. Theo đó trách nhiệm sẽ thuộc về những ai thu được lợi từ các hoạt động phạm pháp và những ai kiểm soát hay ngăn cản nó. Những điều luật này có thể sẽ đóng vai trò quan trọng hơn trong tương lai, khi mà ngày càng có nhiều tiến bộ kỹ thuật cho phép các công ty lợi dụng các hoạt động phạm pháp của khách hàng.

Một loạt các vụ kiện chống lại các công ty như trên khiến cho các tòa án phải đau đầu để đưa ra được phán quyết thích hợp về trách nhiệm liên đới trong kỷ nguyên kỹ thuật số. Ở Mỹ, quy định về trách nhiệm liên đới trong trường hợp ăn cắp bản quyền từ trước tới nay vẫn được xem là biện pháp có thể hạn chế tình trạng các công ty sử dụng tác phẩm được bảo hộ để thu hút khách hàng mà không được phép. Tuy nhiên, tòa án cũng đã phải can thiệp để cân đối trách nhiệm này với quyền được tự do tham gia vào các lĩnh vực không liên quan của thương mại.



Tòa án Tối cao Mỹ đã giải quyết những vấn đề này hơn 20 năm về trước khi vụ kiện giữa Tập đoàn Sony Mỹ và Tập đoàn Universal Studios xảy ra. Kể từ đó, vụ kiện này đã trở thành bài học cho các tòa án trong việc ứng dụng quy định về đồng lõa vi phạm. Sony đã bán đầu máy Video Betamax, và người mua đã sử dụng để ghi lại các chương trình truyền hình phát trên tivi để có thể xem lại sau. Khi đó tòa án đã không tìm thấy trách nhiệm tiếp tay cho kẻ vi phạm và kết luận rằng Sony không phải chịu trách nhiệm, miễn là các cuốn băng sao chép đó “không có ý nghĩa thương mại” và “không bị sử dụng một cách bất hợp pháp”. Vì Tòa án thấy rằng việc sử dụng phổ biến sản phẩm Betamax đó không bất hợp pháp nên Tòa án đã không cần phải giải thích gì thêm về cụm từ “sử dụng bất hợp pháp” nữa. Tuy nhiên, Tòa án cũng thừa nhận rằng những người sở hữu bản quyền có quyền được bảo hộ thực sự chứ không chỉ là danh nghĩa.

Gần đây nhất là trong vụ kiện giữa MGM Studios và Grokster, Tòa án Tối cao Mỹ đã giải quyết được câu hỏi là liệu các nhà cung cấp phần mềm bán hàng cá nhân-tới-cá nhân có phải chịu trách nhiệm liên đới hay không. Tòa án đã nhất trí rằng các nhà cung cấp như thế có thể sẽ chịu trách nhiệm liên đới nếu họ “cung cấp thiết bị với mục đích để khách hàng ăn cắp bản quyền, bộc lộ trong những biểu hiện rõ ràng hay việc dung túng cho hành động ăn cắp đó”. Nói cách khác, nếu nhà cung cấp khuyến khích khách hàng phạm pháp thì nhà cung cấp ấy cũng phải chịu trách nhiệm liên đới đối với những hậu quả do hành động phạm pháp đó gây ra. Tòa án Tối cao đã chỉ thị cho tòa án các bang phải luôn xem xét kỹ càng mọi tình huống mới có thể quyết định liệu có xảy ra tình trạng khuyến khích phạm pháp hay không, và phán quyết trong vụ kiện Sony không có nghĩa là bên bị đơn sẽ được miễn trách khi bị phát hiện có hành vi xúi giục khách hàng phạm pháp. Quy định này cho phép những người sở hữu bản quyền có thể khai thác hiệu quả bản quyền của họ mà không phải sợ các nhà cung cấp phần mềm và dịch vụ khuyến khích và thu lợi từ các hoạt động phạm pháp nữa. Nhiều bình luận viên đã gọi vụ kiện này là vụ kiện có ý nghĩa quan trọng nhất trong lịch sử luật bản quyền của Mỹ.

Mặc dù là vấn đề quốc tế nhưng có rất ít điểm tương đồng giữa luật của các quốc gia về trách nhiệm liên đới, liệu có được quy trách nhiệm cho một công ty triển khai công nghệ bán hàng cá nhân-tới-cá nhân để khuyến khích phạm pháp hoặc, như trong mục II của DMCA của Mỹ đã đề cập, một nhà cung cấp dịch vụ Internet cung cấp các thiết bị mà khách hàng sử dụng để phạm pháp hay không. Có lẽ đây là lĩnh vực đòi hỏi phải cân nhắc đến các chuẩn mực quốc tế về trách nhiệm liên đới, đặc biệt là khi phải đối mặt với bản chất toàn cầu của mạng Internet, nơi mà một công ty ở một nước có thể cung cấp các thiết bị có thể sử dụng dễ dàng để phạm pháp cho khách hàng ở nhiều nước trên toàn thế giới. Đề có thể duy trì việc bảo hộ hiệu quả bản quyền trong kỷ nguyên số hóa đòi hỏi những chuẩn mực quốc tế đó.

Giảm tính không hiệu quả cho những người sử dụng tiếp theo

Như chúng ta đã thấy trong thập kỷ qua, mạng Internet đã cung cấp cho mọi người một kho thông tin khổng lồ dưới mọi hình thức, từ dạng văn bản đến dạng tranh ảnh, nhạc và phim. Ngoài ra, công nghệ số hóa còn đem lại cho mỗi cá nhân khả năng trở thành tác giả tự sáng tác và quảng bá tác phẩm của mình. Thường thì tác giả đó luôn muốn sáng tạo theo cách riêng của mình nhưng lại không chắc chắn về vấn đề bản quyền hoặc không biết xin cấp phép ở đâu. Như đã mô tả ở trên, việc cấp phép hàng loạt có thể hỗ trợ cho

những tác giả như vậy bằng cách cung cấp cho họ những cơ chế hiệu quả trong việc xin cấp phép sử dụng các tác phẩm.

Tuy nhiên, sẽ có một số hay thậm chí là nhiều trường hợp các tác giả không tìm được người khai thác tác phẩm hay cơ quan quản lý chung, và tác giả đó không thể trả lời được câu hỏi là liệu luật bản quyền cho phép hay ngăn cấm khai thác các tác phẩm đó. Một thách thức đặt ra trong tương lai là luật bản quyền nên giải quyết thế nào với những “tác phẩm mồ côi” đó. Nếu quả thực có trường hợp người sở hữu bản quyền không còn quan tâm tới việc sử dụng sản phẩm ấy nữa thì cũng không nên ngăn cấm việc sử dụng sản phẩm đó, đơn giản vì không có gì chắc chắn về tình trạng của tác phẩm đó. Kết quả là sẽ làm giảm lượng người tiếp cận việc khai thác mới và hiệu quả của tác phẩm đó. Đây là mục tiêu cuối cùng của bất kì hệ thống bản quyền hiệu quả nào.

Tại Mỹ, cơ quan về bản quyền đã bắt đầu tìm hiểu vấn đề của các “tác phẩm mồ côi” để xem xét bản chất và quy mô của vấn đề cũng như tìm ra giải pháp pháp lý cho vấn đề đó. Còn các quốc gia khác như Canada đã phát triển những cơ chế giải quyết các vấn đề liên quan tới các “tác phẩm mồ côi”. Một phần của thách thức đặt ra là phải đảm bảo rằng các giải pháp sẽ luôn trung thành và không làm tổn hại đến lợi ích của tác giả cũng như của người nắm giữ bản quyền và rằng chúng sẽ luôn tuân thủ luật bản quyền quốc tế - bộ luật ngăn cấm việc áp đặt các điều kiện cho việc thực thi và khai thác bản quyền.

---

Marybeth Peters là người tiếp nhận đăng ký bản quyền tại Cục Bản quyền Hoa Kỳ, Thư viện Quốc hội Mỹ.

---

### **Sử dụng hợp lý là gì? SỬ DỤNG HỢP LÝ LÀ GÌ?**

“Sử dụng hợp lý” là một ngoại lệ của việc bảo vệ bản quyền theo luật Mỹ. Nó cho phép người ta được sử dụng một sản phẩm có bản quyền với một mức độ nhất định mà không phải xin phép tác giả hoặc chủ sở hữu. Phụ thuộc vào từng hoàn cảnh, việc sao chép có thể được coi là hợp lý nếu phục vụ mục đích phê bình, dẫn giải, đưa tin, giảng dạy (bao gồm việc sao chép nhiều lần để sử dụng trong các lớp học), hoặc nghiên cứu.

Báo cáo năm 1961 về đăng ký bản quyền dựa trên sự xem xét tổng quan của Luật Bản quyền Hoa Kỳ trích dẫn các ví dụ về các hành động được coi là “sử dụng hợp lý”. Đó là những hành động như “trích dẫn các phần trong một bài luận hoặc bài phân tích nhằm mục đích minh họa hoặc phê bình, trích dẫn các đoạn văn ngắn trong công trình nghiên cứu kỹ thuật hoặc khoa học nhằm để minh họa hoặc làm rõ hơn nhận định của tác giả; sử dụng để nhại lại một ít nội dung của tác phẩm đó; tóm tắt một bài phát biểu hoặc một bài báo với những trích dẫn ngắn gọn trong một bản tin; việc sao chép lại một phần tác phẩm của thư viện do một số phần đã bị hư hỏng; giáo viên hoặc học sinh sao chép một phần nhỏ của tác phẩm để minh họa cho bài học; sao chép lại tác phẩm trong các vụ kiện pháp

lý hoặc các biên bản báo cáo; sao chép lại ngẫu nhiên và tình cờ trong một cuốn phim thời sự hoặc truyền hình, của một cơ quan có địa điểm tại nơi sự kiện được ghi lại”.

Để xem xét liệu việc sử dụng cụ thể một tài liệu có phải là “hợp lý” hay không, tòa án thường căn cứ vào các yếu tố dưới đây:

Mục tiêu và mục đích của việc sử dụng, có nghĩa là liệu việc sử dụng là nhằm mục đích thương mại hay là các mục đích giáo dục phi lợi nhuận;

Bản chất của công việc sao chép;

Khối lượng và thực chất của các phần được sử dụng trong công trình được cấp bản quyền (công trình dài hay ngắn, để xem việc sao chép là toàn bộ hay không, ví dụ như chỉ một hình ảnh hoặc một vài phần của tiểu thuyết dài);

Tác động của việc sử dụng trên thị trường tiềm năng đối với công trình được cấp bản quyền hoặc giá trị của công trình đó.

Phân biệt giữa việc “sử dụng hợp lý” và vi phạm có thể không rõ ràng và không dễ gì xác định. Không có các từ ngữ, dòng hoặc ghi chú cụ thể mà có thể sử dụng để biểu thị toàn bộ ý nghĩa, mà không có những ngoại lệ. Ghi ra nguồn tài liệu được giữ bản quyền không thay thế được việc được phép.

Cần phải lưu ý rằng, kể cả trong giáo dục, sẽ không là “sử dụng hợp lý” để sao chép nếu nhằm “mục tiêu thương mại” hoặc sao chép “một cách hệ thống”, hay được hiểu là “khi mục tiêu sao chép là dùng cho việc mua hoặc bán”. Không có yếu tố nào quyết định liệu việc sử dụng này có “hợp lý” hay không. Tất cả bốn nhân tố trên phải được xem xét cùng với nhau trong tất cả các trường hợp. Xem thêm trong thông tư và thư báo về bản quyền của Văn phòng Bảo vệ Bản quyền Mỹ ở: “Thông tư 21 – Sao chép các công trình có bản quyền của các nhà giáo dục và những người làm trong thư viện”.

#### SỬ DỤNG TRONG LỚP HỌC, LÀM THỂ NÀO CÓ THỂ ÁP DỤNG SỬ DỤNG HỢP LÝ?

Mạng Internet đã tăng cường khả năng sao chép rất nhiều phiên bản hoàn hảo. Điều đó đã thay đổi khái niệm “hợp lý”. Hãy cẩn thận khi sử dụng tài liệu từ mạng Internet; chú ý bốn yếu tố để kiểm tra việc “sử dụng hợp lý”, hoặc xin phép chủ sở hữu. Chương trình Thư viện Kỹ thuật số Quốc gia đã có nỗ lực rất lớn nhằm các định các chủ sở hữu bản quyền tiềm năng đối với một số mục trong bộ sưu tập Ký ức về nước Mỹ, mặc dù chương trình này thường không thể biết chắc chắn quyền của chủ sở hữu vì thời gian tồn tại của tác phẩm. Khi có biết về người chủ sở hữu nào thì chương trình sẽ đưa thông tin đó vào trong các Quy định về giới hạn gắn liền với các bộ sưu tập này.

Bài viết này được trích dẫn từ trang web của Phòng Tác quyền, Quốc hội Hoa Kỳ tại địa chỉ <http://www.copyright.gov/fls/fl102.html> and

<http://memory.loc.gov/ammem/ndlpedu/start/cpyrt/>

---

### **Tầm quan trọng của những thông tin được sở hữu bởi công chúng** **TÀM QUAN TRỌNG CỦA NHỮNG THÔNG TIN ĐƯỢC SỞ HỮU BỞI CÔNG CHỨNG**

Anita R. Eisenstadt

Điều khoản về sáng chế và tác quyền của Hiến pháp Hoa Kỳ (Điều 1, khoản 8, mục 8) trao cho Quốc hội quyền “Thúc đẩy sự tiến bộ của khoa học và các hình thức nghệ thuật hữu ích” đề cập đến việc “bảo đảm cho các tác giả và nhà phát minh đặc quyền đối với các tác phẩm và phát minh của mình trong một khoảng thời gian hữu hạn”. Việc thêm vào cụm từ “trong một khoảng thời gian hữu hạn” cho thấy những người cha lập quốc của Hoa Kỳ đã nhận ra rằng, việc cân bằng những lợi ích của sở hữu trí tuệ của các tác giả và nhà phát minh với nhu cầu trao đổi các ý tưởng của xã hội là rất quan trọng. Họ đã đạt được sự cân bằng này thông qua việc giới hạn khái niệm đặc quyền và cho phép sự lớn mạnh không bị giới hạn của một “thông tin thuộc sở hữu của công chúng”. Khi mà một hệ thống sở hữu trí tuệ đang vận hành có thể sản sinh ra những lợi ích về văn hóa và kinh tế quan trọng, thì một thông tin thuộc sở hữu của công chúng hùng mạnh cũng có thể có những đóng góp vào một xã hội dân chủ, một nền kinh tế mạnh và sự tiến bộ của khoa học.

Khái niệm “thông tin thuộc sở hữu của công chúng” nói đến những tài liệu và thông tin không được bảo hộ bởi một hình thức sở hữu trí tuệ nào. Thông tin thuộc sở hữu của công chúng được dành cho công chúng sử dụng mà không cần có sự xin phép trước hoặc có những hạn chế về việc tái sử dụng. Tại Hoa Kỳ, nó bao gồm những thông tin thực và các tác phẩm do các nhân viên Chính phủ Liên bang viết trong phạm vi công việc của họ. Thông tin thuộc sở hữu của công chúng cũng bao gồm các tác phẩm phụ thuộc vào việc bảo vệ tác quyền, nhưng việc bảo vệ những tác phẩm này đã hết thời hạn, bị vô hiệu (chẳng hạn như thông tin được thỏa thuận theo hợp đồng là không cần bảo vệ), hoặc đã bị từ bỏ.

Thông tin thuộc sở hữu của công chúng khác với “khả năng tiếp cận đề ngỏ” mà điển hình là nói tới các tác phẩm được quyền tác giả bảo vệ, nhưng tác giả hoặc nhà xuất bản đã lựa chọn để công chúng tiếp cận miễn phí các tác phẩm này. Cho dù là tác phẩm có thuộc thông tin thuộc sở hữu của công chúng, thì người sử dụng cũng nên xác định rõ nguồn của tác phẩm vì việc không xác định được nguồn có thể cấu thành tội đạo văn.

Chính phủ Hoa Kỳ, nhà sản xuất duy nhất và lớn nhất những thông tin khoa học và giáo dục là một trong những nhà đóng góp lớn nhất cho thông tin thuộc sở hữu của công chúng. Thông tư A-130 của Văn phòng Quản lý và Ngân sách thuộc Chính phủ “Quản lý các nguồn thông tin liên bang” thừa nhận rằng, thông tin của chính phủ là một nguồn lực quốc gia có giá trị và rằng sự lưu chuyển thông tin tự do giữa chính phủ và công chúng là thiết yếu đối với một xã hội dân chủ. Những cách làm của Chính phủ Hoa Kỳ cũng đã thúc đẩy sự truyền bá thông tin rộng rãi có được nhờ sự cung cấp tài chính của Chính phủ Liên bang. Những đối tượng được hưởng sự cung cấp tài chính của Chính phủ Liên bang được khuyến khích mạnh mẽ trong việc chia sẻ những kết quả nghiên cứu của họ.

Các tổ chức quốc tế và các tổ chức liên chính phủ như UNESCO, Hội nghị Thượng đỉnh Thế giới về Xã hội Thông tin của Liên Hợp Quốc, Hội đồng Khoa học Quốc tế (ICSU) và Ủy ban Dữ liệu Khoa học và Công nghệ (CODATA) đã nhấn mạnh tầm quan trọng của

thông tin thuộc sở hữu của công chúng đối với cả những quốc gia phát triển và đang phát triển.

Rõ ràng là có sự căng thẳng trong việc tìm kiếm sự cân bằng tối ưu giữa thông tin thuộc sở hữu của công chúng và việc bảo vệ sở hữu trí tuệ. Thúc đẩy việc truyền bá rộng rãi kiến thức và thông tin đồng thời bảo đảm rằng các tác giả và nhà phát minh nhận được sự bảo vệ thích đáng đối với tác phẩm của họ là điều rất quan trọng. Các hướng tiếp cận để giải tỏa sự căng thẳng này cũng đa dạng như những cách thức mà các chính phủ đang tìm kiếm để giải tỏa nó. Tuy nhiên, có một điều rõ ràng là: Các xã hội tự do và hướng tới tương lai cần có cả hai.

Để có thêm thông tin trong đề tài này, xin xem:

Vai trò của dữ liệu và thông tin khoa học kỹ thuật trong thông tin thuộc sở hữu của công chúng: Các biên bản của một hội thảo chuyên đề, Hội đồng Nghiên cứu Quốc gia, <http://books.nap.edu/catalog/10785.html>.

Định hướng chính sách của UNESCO liên quan tới thông tin trong thông tin thuộc sở hữu của công chúng của chính phủ, <http://portal.unesco.org/>

Tuyên bố về các nguyên tắc và Chương trình Hành động WSIS, <http://www.itu.int/wsis>; <http://www.CODATA.org>.

Hội nghị về thông tin thuộc sở hữu của công chúng của Trường Luật Duke, <http://www.law.duke.edu/pd/>.

---

Anita R. Eisenstadt là cán bộ đối ngoại phụ trách chính sách thông tin tuyên truyền thuộc Văn phòng các vấn đề Kinh tế và Kinh doanh của Bộ Ngoại giao, và Văn phòng Thông tin Tuyên truyền quốc tế, Quỹ Khoa học Quốc gia, nơi cô làm việc như là một trợ lý luật gia tư vấn. Cô là một chuyên gia về chính sách dữ liệu khoa học liên bang.

---

## **THẢO LUẬN BÀN TRÒN:**

### **Việc thực thi, một ưu tiên của tất cả các quốc gia**

Nhiều quốc gia đã thông qua những đạo luật phức tạp bảo vệ sở hữu trí tuệ nhằm gia nhập các hiệp định hoặc các tổ chức quốc tế và khu vực. Với việc làm đó, một quốc gia đã có được bước đi quan trọng đầu tiên. Tuy nhiên, việc ban hành các đạo luật đơn thuần không giúp cho một quốc gia thực thi hiệu quả các quyền của chủ sở hữu. Điều đó đòi hỏi phải xây dựng những cơ chế thực thi thích hợp.

Tại sao việc thực thi một cách hiệu quả lại thường chậm chễ hơn thời điểm đạo luật đã bắt đầu có hiệu lực? Đây là những rào cản của việc thực thi? Liệu tất cả hay chỉ một số ít các quốc gia sẽ được hưởng những ích lợi của việc thực thi?

Văn phòng các Chương trình Thông tin Quốc tế (IIP) thuộc Bộ Ngoại giao đã mời một nhóm các chuyên gia của Chính phủ Hoa Kỳ đã thảo luận những câu hỏi trên và những vấn đề khác liên quan đến việc thực thi các quyền sở hữu trí tuệ (IPR). Được điều hành bởi Berta Gomez và sau đó là một tác giả-nhà biên tập cao cấp của Văn phòng An ninh

Kinh tế thuộc IIP, cuộc thảo luận bàn tròn có sự tham gia của: Michael Smith, cố vấn luật sư của Văn phòng thực thi thuộc Văn phòng Sáng chế và Nhãn hiệu Thương mại Hoa Kỳ (USPTO); Jason Gull, luật sư tại tòa của Phòng Tội phạm Máy tính và Sở hữu Trí tuệ, Bộ Tư pháp Hoa Kỳ; và Joseph Howard, cố vấn luật sư cao cấp thuộc bộ phận Quyền Sở hữu Trí tuệ, Cục Hải quan và Bảo vệ Biên giới Hoa Kỳ, Bộ An ninh Nội địa.

Theo các chuyên gia này, việc thực thi hiệu quả các quyền sở hữu trí tuệ nên là một ưu tiên của tất cả các quốc gia tìm kiếm sự tăng trưởng kinh tế và sự tham gia đầy đủ vào nền kinh tế thế giới. Sau đây là nội dung cuộc thảo luận của họ.

**CHỦ TỌA CUỘC HỌP:** Trước hết, việc thực thi hiệu quả nên được đặt vào đâu thì thích hợp trong chiến lược tổng thể về sở hữu trí tuệ?

**SMITH:** Khi mà nền kinh tế thế giới phát triển và các nền kinh tế phụ thuộc nhiều hơn vào thông tin thuộc sở hữu của công nghệ cao, thì tầm quan trọng của việc bảo vệ các quyền sở hữu trí tuệ cũng tăng lên.

Khi Văn phòng Sáng chế và Nhãn hiệu thương mại bắt đầu tiến hành việc đào tạo ở nước ngoài năm 1997, điểm nhấn chính là việc gợi ý cho các quốc gia soạn thảo những đạo luật phù hợp với các điều khoản của Hiệp định về các Khía cạnh Thương mại của Quyền Sở hữu Trí tuệ của Tổ chức Thương mại Thế giới (TRIPS). Theo thời gian, điểm nhấn đã được chuyển từ các đạo luật này sang những gì mà hàng ngày các quốc gia thực tế đang làm. Chúng tôi nhận ra rằng nhiều quốc gia có các đạo luật trong sách vở phù hợp với Hiệp định TRIPS, song còn rất nhiều việc phải làm để thực thi những quyền này ở các khu vực biên giới và trong các hệ thống tòa án dân sự và hình sự.

Khi mà tác quyền, thương hiệu thương mại và sáng chế trở nên ngày càng quan trọng hơn đối với nền kinh tế Hoa Kỳ, thì lợi ích của chúng ta trong việc bảo vệ những quyền đó ở nước ngoài cũng tăng lên. Và những chủ sở hữu người Mỹ hoặc người nước khác trên khắp thế giới sẽ không muốn đầu tư vào những quốc gia, nơi mà hàng ngày, tác quyền, sáng chế, nhãn hiệu thương mại và bí mật thương mại không được bảo vệ thích đáng.

**GULL:** Theo quan điểm của chúng tôi ở Bộ Tư pháp, việc làm điều hòa các luật sở hữu trí tuệ trên thế giới thông qua các điều ước quốc tế, thậm chí là từ Công ước Berne, là quan trọng nhằm xác định quyền của các tác giả, nhà phát minh và các công ty đối với sản phẩm của họ. Chúng tôi muốn được chứng kiến các quốc gia đi đến một thỏa thuận chung về những quyền này nên như thế nào.

Tuy nhiên, nếu thực thi không hiệu quả, những đạo luật này về cơ bản sẽ chỉ là những lời hứa suông. Việc thực thi một cách hiệu quả các đạo luật này là cần thiết để các tác giả, nhà phát minh có thể đưa ra những quyết định hợp lý về việc liệu họ có nên xuất bản, công bố hay phát minh một thứ gì đó hay không.

Trong vài năm gần đây, việc thực thi đã trở thành một vấn đề quan trọng hơn nhiều. Một loạt các yếu tố, kể cả những tiến bộ trong việc vận chuyển đường thủy, trong công nghệ,

viễn thông và Internet, đã tạo nên những thị trường ngày càng mang tính quy mô toàn cầu.

Khi mà những hàng hóa hữu hình có thể di chuyển qua biên giới dễ dàng và với chi phí rẻ, thì các vấn đề về sở hữu trí tuệ cũng coi như được “xuất khẩu”. Chẳng hạn như hàng giả được sản xuất tại Đông Á đã trở thành một vấn nạn từ lâu nay. Song việc sản xuất hàng giả như vậy còn trở thành một vấn nạn thậm chí lớn hơn vì các sản phẩm trở nên rẻ hơn và dễ dàng được chuyên chở tới nhiều nơi trên thế giới.

Internet cho phép việc thông báo ngay lập tức những thông tin trên thế giới gần như miễn phí. Vì vậy, bên cạnh hoạt động tích cực mà công nghệ này mang lại, người ta đang sử dụng Internet để xâm phạm ồ ạt quyền sở hữu trí tuệ. Vấn nạn này đang tăng lên khi khu vực kỹ thuật số của nền kinh tế đang lớn mạnh tại Hoa Kỳ và những quốc gia khác.

**CHỦ TỌA CUỘC HỌP:** Ông nói rằng những tiến bộ trong việc chuyên chở làm cho hàng hóa di chuyển dễ dàng hơn qua biên giới. Liệu đây có phải là một rào cản đối với việc thực thi hiệu quả?

**HOWARD:** Có lẽ rào cản lớn nhất đối với việc thực thi hiệu quả chính là sự thiếu hiểu biết một cách đầy đủ giá trị của các quyền sở hữu trí tuệ của mọi quốc gia tham gia vào hoạt động thương mại quốc tế.

Tôi đã diễn thuyết tại một số nước, và người ta đã hỏi tôi: “Tại sao tôi phải làm điều đó? Tại sao chúng ta lại đang bảo vệ những quốc gia và những nhà sản xuất giàu có - những người nắm trong tay những quyền sở hữu trí tuệ này?”.

Câu trả lời của tôi là: thứ nhất, nếu đất nước của bạn được quản lý bởi pháp quyền và đã ký kết những điều ước quốc tế nào đó, thì việc tôn trọng các cam kết này là bắt buộc. Thứ hai, khi đất nước bạn xây dựng các khu vực kinh tế của riêng mình, trong đó những nhà sản xuất, nhà phát minh hoặc thợ thủ công đang tạo ra những tài sản trí tuệ, thì điều quan trọng là bạn trao cho họ giá trị đầy đủ của những quyền của họ.

Nhiều khi, người ta không thừa nhận rằng việc bảo vệ sở hữu trí tuệ là quan trọng đối với việc tạo thêm việc làm - điều dẫn tới sự tăng trưởng kinh tế và chất lượng cuộc sống tốt hơn. Nếu bạn không tôn trọng các quyền sở hữu trí tuệ, sẽ không có ai muốn đầu tư vào đất nước của bạn. Bạn sẽ không thu hút được vốn đầu tư nước ngoài mà bạn cần để cải thiện đời sống của người dân trong đất nước bạn.

Một khi người dân coi trọng giá trị của pháp quyền, thì rõ ràng là nó không chỉ làm lợi cho các nước giàu.

**GULL:** Tôi cũng được khán giả nước ngoài hỏi rằng: “Tại sao lại bảo vệ sở hữu trí tuệ trong khi tất cả là nhãn hiệu Hoa Kỳ hoặc của các quốc gia giàu có? Tại sao tôi lại phải vâng lệnh của những công ty Hoa Kỳ này?” Câu trả lời là, cũng giống như cách mà các chủ sở hữu nhãn hiệu thương mại bảo vệ nhãn hiệu của họ, các quốc gia cũng cần cố gắng để thực thi IPR nhằm bảo vệ danh tiếng của chính quốc gia mình.

Một nhãn hiệu thương mại chỉ đơn thuần là một nhãn hiệu. Nó mang những thông tin về danh tiếng của nhà sản xuất và của sản phẩm. Nếu như chủ sở hữu của một nhãn hiệu thương mại nào đó bắt đầu cho ra đời những sản phẩm chất lượng kém, mọi người sẽ ngừng mua sản phẩm đó. Danh tiếng vì thế sẽ suy giảm.

Để khuyến khích đầu tư, bạn cần một thể chế pháp lý hiệu quả bảo vệ quyền con người, trong đó có quyền sở hữu trí tuệ. Một quốc gia có thể xây dựng hình ảnh nhãn hiệu của riêng mình thông qua việc bảo đảm thực thi quyền sở hữu trí tuệ một cách hiệu quả. Ngược lại, những quốc gia thờ ơ với việc thực thi IPR sẽ phải phải chịu hậu quả về danh tiếng và môi trường đầu tư.

SMITH: Một rào cản quan trọng khác đối với việc thực thi hiệu quả là việc thiếu ý chí chính trị. Sẽ rất khó khăn cho các cơ quan thực thi coi những vấn đề này là quan trọng và đáng được dành những nguồn lực để giải quyết khi thiếu vắng ý chí chính trị bắt đầu ngay từ cấp cao nhất của chính phủ.

Khi USPTO tiến hành các trợ giúp kỹ thuật, chúng tôi đã cố gắng giải thích vì sao việc thực thi lại quan trọng đối với nền kinh tế địa phương. Ví dụ như, âm nhạc địa phương không chỉ là vấn đề di sản văn hóa bản địa, nó là vấn đề bản quyền liên quan đến yếu tố kinh tế đối với các ngành công nghiệp địa phương. Đặc biệt là ở châu Á, chúng tôi đã nhận thấy có một sự liên kết giữa khả năng đưa ra các cơ chế thực thi hiệu quả của một quốc gia với sự tăng trưởng của lĩnh vực âm nhạc do các nghệ sĩ địa phương sáng tác.

CHỦ TỌA CUỘC HỌP: Nhưng chính phủ sẽ đưa ra những biện pháp thực thi hiệu quả như thế nào một khi nó đã quyết định làm vậy?

GULL: Mặc dù ý chí chính trị rõ ràng là quan trọng, song điều đó không có nghĩa là bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ chỉ đơn thuần là vấn đề thuyết phục các tầng lớp trên trong chính phủ rằng đó là một vấn đề quan trọng và rằng những nghị định của họ sẽ dẫn tới việc thực thi ở cấp cơ sở.

Về mặt nhận thức của công chúng, chính phủ cần bảo đảm được việc công chúng đồng ý rằng sở hữu trí tuệ đáng được bảo vệ. Quan điểm của Michael về âm nhạc bản địa là một quan điểm rất hay.

Tất nhiên, nhiều sản phẩm ăn cắp bản quyền là bản sao của những sản phẩm của các công ty Hoa Kỳ, như các phần mềm của Microsoft hay các đĩa CD của các ngôi sao nhạc pop Hoa Kỳ, mà sau đó được bán ở nước ngoài. Nhưng nếu một quốc gia để cho nạn ăn cắp bản quyền không được kiểm soát, thì những ngành công nghiệp của chính nó như âm nhạc, phim ảnh hoặc phần mềm cũng sẽ phải chứng kiến việc những sản phẩm của mình bị ăn cắp bản quyền cùng với các sản phẩm của Hoa Kỳ. Do các nhà sáng tạo âm nhạc, phim ảnh hay phần mềm trong nước có xu hướng ngày càng phụ thuộc nhiều hơn vào thị trường trong nước họ để kiếm sống, nên nạn ăn cắp bản quyền ở mức độ cao sẽ gây hại nhiều nhất đối với chính các nhà sản xuất trong nước.



Nạn ăn cắp bản quyền có thể còn làm cho các ngành công nghiệp trong nước gặp khó khăn hơn trong việc cạnh tranh với các công ty lớn nước ngoài. Ở những quốc gia nơi mà mọi loại CD, DVD hay phần mềm đều sẵn có chỉ với giá 1 đến 2 đô-la mỗi đĩa, thì các hãng phim và nhà sản xuất địa phương sẽ cảm thấy rất khó khăn trong việc cạnh tranh dựa trên cơ sở giá cả với các phần mềm ra đời từ Thung lũng Silicon hay những tác phẩm điện ảnh lớn của Hollywood.

Thật mỉa mai là những quốc gia muốn tránh sự tràn lan của hàng hóa Mỹ lại chính là những quốc gia có thể cân nhắc tăng cường việc bảo vệ sở hữu trí tuệ của họ. Điều đó, về lâu dài sẽ phục vụ cho ngành công nghiệp địa phương thông qua việc cho phép nó tăng trưởng và thông qua khuyến khích đầu tư.

Nếu như công chúng đồng lòng với việc bảo vệ sở hữu trí tuệ, thì các nhân viên cảnh sát cũng sẽ rất hăng hái đóng cửa những cửa hàng trên phố bày bán hàng giả và hàng ăn cắp bản quyền. Các công tố viên sẽ hăng hái theo đuổi các vụ kiện bởi vì họ sẽ không phải đối mặt với sự tức giận của công chúng. Các thẩm phán sẽ hăng hái hơn trong việc đưa ra các hình phạt ngăn chặn như phạt tù hoặc phạt tiền.

HOWARD: Điều đặc biệt quan trọng đối với một quốc gia là có một cơ chế mà thông qua đó, một chủ sở hữu nước ngoài có thể thu hút sự chú ý của cơ quan có thẩm quyền đối với một vấn đề và có cơ hội nhận được sự thực thi nhân danh mình. Điều này sẽ giúp họ vượt qua được sự trì trệ vốn sẽ tồn tại nếu thiếu một cơ chế như vậy. Nó cũng khuyến khích chính quyền thực thi các quyền nữa.

CHỦ TỌA CUỘC HỌP: Ông có thể nói thêm về việc đào tạo hay diễn thuyết mà ông tiến hành ở nước ngoài?

HOWARD: Tôi đã tới một số quốc gia khác, xem xét hoạt động lập pháp và nói chuyện với người dân về những gì chúng tôi làm. Tôi giải thích rằng, nếu bạn không có các nguồn lực để có một cơ sở dữ liệu về tất cả các quyền sở hữu trí tuệ có thể bị xâm phạm, sẽ là hợp lý khi tôi thiếu bạn có một cơ chế để người ta có thể thu hút sự chú ý của bạn. Nhiều quốc gia đã cho rằng đó là điều hữu ích.

Cục Hải quan Hoa Kỳ cũng đã thi hành những lệnh ngăn chặn (lệnh mang tính ràng buộc pháp lý, ngăn cản những hàng hóa bị tố cáo là vi phạm quyền sở hữu trí tuệ vào Hoa Kỳ) do Ủy ban Thương mại Quốc tế Hoa Kỳ (USITC) ban hành. Chỉ trong lĩnh vực quyền sở hữu trí tuệ mà chúng tôi ghi nhận, thông tin về các lệnh ngăn chặn do USITC ban hành được đưa vào các mô-đun để chuyển tới các nhân viên làm việc trực tiếp. Bản mô-đun IPR dành cho công chúng có thể dễ dàng được tiếp cận qua trang web <http://www.cbp.gov>. Bạn chỉ cần nhấp chuột vào mục “quick link” trong trang đó để có thông tin về “Sở hữu Trí tuệ” và ở trang tiếp theo vào mục “Intellectual Property Rights Search (IPRS)”. Trang web cũng bao gồm rất nhiều thông tin về các chương trình của chúng tôi về thực thi quyền sở hữu trí tuệ tại khu vực biên giới.

CHỦ TỌA CUỘC HỌP: Và đây chính là trường hợp mà công nghệ mới thực sự giúp ích cho việc thực thi?

HOWARD: Đúng vậy. Nhưng như các bạn đồng nghiệp của tôi vừa chỉ ra, người ta cần phải muốn thực hiện điều đó. Đó là điều thiết yếu.

CHỦ TỌA CUỘC HỌP: Ông có ví dụ nào về các quốc gia mà ông thấy có những tiến bộ và sự quan tâm ngày càng tăng đối với việc bảo vệ IPR?

HOWARD: Tôi đã ở Ai Cập vào thời điểm người ta đang bàn về các vấn đề thực thi IP và những người mà tôi trò chuyện nói rằng họ muốn có một hệ thống hải quan giống như ở Hoa Kỳ. Có vẻ như là tất cả mọi người trên thế giới đều nhìn vào chính phủ của chúng ta để có được những chỉ dẫn trong những vấn đề nhất định nào đó. Trong một số trường hợp, có thể họ không thích những gì chúng ta nói, nhưng họ lại cởi mở trong việc xem xét những gì chúng ta cần phải nói.

SMITH: Tôi cho rằng hầu hết các quốc gia đều đồng ý rằng hệ thống bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ ở các khu vực biên giới của Hoa Kỳ là một trong những hệ thống hiệu quả nhất trên thế giới. Tuy nhiên, có rất nhiều thứ được thực hiện tại Hoa Kỳ lại không mang tính thực tế đối với hầu hết các quốc gia. Chắc chắn là các quốc gia đang phát triển và kém phát triển nhất không có được những nguồn lực mà Chính phủ Hoa Kỳ có được. Hầu hết các quốc gia khác cũng không có nhiều trạm kiểm soát biên giới như Hoa Kỳ.

Các cơ quan hải quan ở các quốc gia này cần phải quyết định việc làm thế nào để sử dụng một cách tốt nhất những nguồn lực mà họ có. Trong các chương trình hỗ trợ kỹ thuật ở nước ngoài, Văn phòng Sáng chế sử dụng điều đó như một điểm khởi đầu để khuyến khích việc tuân thủ các quy định của một quốc gia theo Hiệp định TRIPS. TRIPS đưa ra các chuẩn mực tối thiểu, chẳng hạn như việc thiết lập một hệ thống mà nhờ đó chủ sở hữu có thể nhận được sự thực thi các quyền của mình.

Như tôi đã nói, một quốc gia có thể tuân thủ đầy đủ các nghĩa vụ tối thiểu trong Hiệp định TRIPS song vẫn còn rất nhiều việc cần làm ở khu vực biên giới. Chẳng hạn như, Hiệp định TRIPS yêu cầu các quốc gia bảo vệ chống lại việc nhập khẩu hàng hóa ăn cắp bản quyền hoặc hàng hóa mang nhãn hiệu thương mại giả. Hiệp định không yêu cầu các quốc gia đưa ra sự bảo vệ tại khu vực biên giới đối với việc xuất khẩu các hàng hóa đó hoặc sự lưu chuyển của những hàng hóa đó trong phạm vi quốc gia mà chúng được xuất khẩu sau này.

Do đó, một trong những mối quan ngại đầu tiên của Chính phủ Hoa Kỳ là việc xuất khẩu hàng giả và hàng ăn cắp bản quyền từ một quốc gia sang các quốc gia khác, chẳng hạn như trong phạm vi châu Âu hoặc châu Á. Trong trường hợp đó, chúng tôi chủ trương những điều khoản “TRIPS +”. Chúng tôi đưa ra các điều khoản đó trong các cuộc đàm phán song phương như một phần trong tiến trình đàm phán các hiệp định thương mại tự do. Trong việc đào tạo, chúng tôi nhấn mạnh việc vì sao những điều khoản này thường là cần thiết nhằm có được một hệ thống thực thi hiệu quả, dù chúng không phải là những yêu cầu của Hiệp định TRIPS.

CHỦ TỌA CUỘC HỌP: Các quốc gia có tiếp thu yêu cầu đó không?

SMITH: Đến nay đã là hơn 10 năm. Tôi nghĩ rằng, khi mà các quốc gia ngày càng cảm thấy dễ chịu hơn với những nghĩa vụ của họ theo Hiệp định TRIPS và đã có những đạo luật, thì họ cũng ngày càng trở nên dễ tiếp thu hơn.

Điều đặc biệt đáng quan tâm đối với Chính phủ Hoa Kỳ ngay thời điểm hiện tại là nạn ăn cắp bản quyền các đĩa quang (như CD, VCD, DVD, .v.v) tại các quốc gia nơi mà lượng sản xuất đã vượt quá nhu cầu cần thiết. Rõ ràng là việc sản xuất quá nhiều các sản phẩm ăn cắp bản quyền này không thể thu được lợi nhuận từ nền kinh tế địa phương, do đó chúng đang được xuất khẩu. Trong những trường hợp như vậy, chúng tôi chủ trương kiểm soát xuất khẩu tại các khu vực biên giới và có quy định về các loại đĩa quang.

CHỦ TỌA CUỘC HỌP: Vấn đề tham nhũng có liên quan như thế nào đến IPR?

GULL: Tham nhũng là một vấn đề lớn tại nhiều quốc gia hiện đang cố gắng để thực thi quyền sở hữu trí tuệ trên thế giới.

Một phần của vấn đề liên quan đến việc có bao nhiêu tiền trong các phi vụ. Khi có rất nhiều tiền trong một hoạt động phi pháp, chắc chắn có hiện tượng tham nhũng.

Một khía cạnh khác của việc ăn cắp tài sản trí tuệ và việc làm hàng giả là tội phạm có tổ chức. Các băng nhóm tội phạm, cả ở nước Mỹ cũng như ở nhiều nơi khác trên thế giới, có liên quan đến việc sản xuất và phân phối hàng giả và hàng ăn cắp bản quyền với những mức độ khác nhau. Tất nhiên, việc tham nhũng của nhân viên nhà nước không chỉ xảy ra duy nhất trong lĩnh vực sở hữu trí tuệ. Song ở những nơi mà tham nhũng lan tràn, nó sẽ ảnh hưởng đến việc thực thi quyền sở hữu trí tuệ.

SMITH: Ông đã hỏi: “Đâu là những rào cản đối với việc thực thi một cách hiệu quả?”. Tôi nghĩ điều đó phụ thuộc vào việc ông đang nói tới việc thực thi trong lĩnh vực dân sự, hình sự hay tại khu vực biên giới.

Việc thực thi mang tính hình sự và tại khu vực biên giới có thể được nhóm lại với nhau vì chúng là những hành động được chính phủ thực hiện. Về khía cạnh dân sự, đó là trường hợp một cá nhân đương tụng tới tòa dân sự để giải quyết vấn đề thiệt hại của mình.

Các rắc rối trong khu vực dân sự thì đều tương tự nhau ở nhiều quốc gia trên thế giới. USPTO đã nhận thấy rằng, mặc dù rất nhiều quốc gia đã có các đạo luật và bộ luật tố tụng dân sự cho phép chủ sở hữu tới tòa và nhận được sự trợ giúp hoặc lệnh hạn chế tạm thời, song những đạo luật này lại không được áp dụng trong thực tế.

Chúng tôi cũng đã nhận thấy rằng sự đền bù thiệt hại mà tòa đưa ra thấp tới mức chúng không thực sự ngăn chặn được những người ăn cắp bản quyền hoặc làm hàng giả và không đền bù được thích đáng những thiệt hại mà chủ sở hữu đã phải chịu.

Cuối cùng, chúng tôi nhận thấy rằng, hàng hóa vi phạm và máy móc để sản xuất ra chúng không thực sự bị tiêu hủy. Chúng có thể lại được đưa vào thị trường thương mại. Điều đó rõ ràng là không có lợi cho chủ sở hữu hay công chúng.

Về phía chính phủ, một rào cản đối với việc thực thi tại biên giới là: một công việc đòi hỏi nhiều nỗ lực. Bạn cần có những nhân viên hải quan ở biên giới - là những người tiêu dùng sành sỏi, quen thuộc các nhãn hiệu thương mại đã được đăng ký và là những người có lợi trong việc thực thi quyền của các chủ sở hữu nhãn hiệu thương mại. Bạn cũng sẽ gặp vấn đề trong việc thực thi có hiệu quả ở biên giới khi không có các thanh tra hải quan sành sỏi.

Trong lĩnh vực hình sự, một vấn đề nữa là các quốc gia ban đầu có thể đã truy tố nhiều đại lý bán hàng giả hoặc hàng ăn cắp bản quyền trên phố. Mặc dù làm như vậy có thể giúp cho trên phố không còn những kẻ vi phạm, nhưng nó không đi đến được ngọn nguồn của hoạt động này. Ở nhiều quốc gia, việc xâm phạm các quyền sở hữu trí tuệ có cơ sở là tội phạm có tổ chức. Do đó, việc sử dụng thời gian và tiền của của chính phủ một cách hiệu quả hơn có thể nên là việc sử dụng những quy định về tội phạm có tổ chức để truy tố những trường hợp này tại nơi nguồn cung cấp tài chính.

GULL: Đúng vậy. Sẽ hiệu quả hơn nếu theo sau “những con cá lớn” hơn là những con nhỏ, bởi vì bạn cắt đứt được nguồn cung. Nhìn chung, tác động lớn nhất của việc chạy theo những người bán hàng trên phố là việc nạn ăn cắp bản quyền không xuất hiện công khai trên phố nữa. Có nghĩa là, thay vì một chiếc bàn bày bán đầy các loại đĩa ăn cắp bản quyền, bạn sẽ thấy một gã có biểu hiện bán CD và DVD, và hắn sẽ bán cho bạn một bản copy hoặc một bản nhái lấy từ một xe tải hoặc một căn hộ nào đó dưới phố.

Michael đã đề cập đến tầm quan trọng của việc có những biện pháp dân sự hiệu quả. Tại Hoa Kỳ, phần lớn việc thực thi được thực hiện bởi người giữ tác quyền hoặc chủ sở hữu nhãn hiệu thương mại – là những người khởi đầu các hành động. Hoa Kỳ có những biện pháp dân sự hiệu quả: khuyến răn, bắt giữ hàng giả và phạt tiền. Ở đây, người ta có được cơ hội thực tế nhận được sự hỗ trợ từ các biện pháp này, và ở nhiều quốc gia khác với nhiều cơ chế luật dân sự đã được thiết lập hơn.

Ở một số nơi, người ta chưa có được một hệ thống thực thi dân sự trưởng thành như vậy. Tại những nơi đó, ít nhất là ở thời điểm hiện tại, những cơ chế thực thi hình sự và thực thi ở khu vực biên giới là cơ hội duy nhất để làm giảm sự vi phạm quyền sở hữu trí tuệ.

Ở một số quốc gia, việc tố tụng hoặc điều tra hình sự không thể được bắt đầu nếu không có khiếu nại từ chủ sở hữu. Đây là một rào cản lớn bởi vì sẽ không thực tế để một chủ sở hữu có thể khiếu nại bất cứ lúc nào. Điều đó có nghĩa là, ở một số nước, cảnh sát không được trao quyền để bắt giữ hàng vi phạm mà họ phát hiện trên phố hoặc trong một doanh nghiệp vi phạm. Chúng tôi khuyến khích các quốc gia loại bỏ đòi hỏi này, dù là nó được quy định trong luật hay là chính sách đối với cảnh sát hoặc nguyên đơn hay không.

Tương tự như vậy, một số quốc gia dựng lên hoặc duy trì những rào cản nhân tạo gây khó khăn cho việc xác định chủ sở hữu nhãn hiệu thương mại hoặc tác quyền. Tòa án có thể

yêu cầu cần phải có điều trần của chủ sở hữu tác quyền thực sự, chứ không phải là chỉ trình ra giấy chứng nhận sở hữu tác quyền trên cơ sở “prima facie” (chú thích của người biên tập: tiếng La-tinh có nghĩa là nhìn thoáng qua, thoáng nhìn) do một văn phòng về quyền tác giả cấp. Thủ tục rườm rà này có thể cản trở việc thực thi hiệu quả. Những điều vụn vặt như vậy vẫn thường tồn tại thậm chí sau khi nhiều bước đi quan trọng, chẳng hạn như việc tham gia Hiệp định TRIPS, đã được hoàn thành.

CHỦ TỌA CUỘC HỌP: Sự tham gia của chủ sở hữu đóng vai trò quan trọng như thế nào?

HOWARD: Chương trình Hải quan và Bảo vệ biên giới Hoa Kỳ phụ thuộc nhiều vào các chủ sở hữu - những người đã đăng ký - để cung cấp cho chúng tôi thông tin về những rắc rối có thể xảy ra. Thường thì các chủ sở hữu có thể biết được ngay mà hàng hóa vi phạm sẽ đến, cảng nào hay con tàu nào, hay là hình thức chúng du nhập vào nước Mỹ. Điều đó giúp cho chúng tôi tập trung được các nỗ lực và không lãng phí những nguồn lực có hạn của chúng tôi.

Người nắm giữ các quyền sở hữu trí tuệ cũng có thể tự giúp mình thông qua việc thông tin cho người tiêu dùng hiểu rằng không nên đưa ra tất cả các quyết định chỉ dựa trên cơ sở giá cả. Hàng giả có thể được bán với giá thấp hơn, nhưng có thể sẽ không có những đặc trưng như sản phẩm thật, hoặc nó có thể không an toàn hoặc không bền. Tương tự như vậy hay thậm chí còn quan trọng hơn là, bạn sẽ không nhận được hỗ trợ mà lẽ ra bạn sẽ nhận được từ nhà sản xuất nếu như sản phẩm bị lỗi.

CHỦ TỌA CUỘC HỌP: Liệu cơ quan y tế có thẩm quyền có đóng vai trò trong việc nói cho người tiêu dùng biết rằng hàng giả có thể không an toàn hoặc nguy hiểm?

GULL: Tại Hoa Kỳ, có nhiều đạo luật Liên bang và nhiều cơ quan bảo vệ chống lại những loại hàng giả có thể gây nguy hiểm đến sức khỏe. Việc bán thuốc giả qua mạng Internet, như loại thuốc Viagra giả do “những kẻ làm hàng giả” quảng cáo qua thư điện tử, là vi phạm các đạo luật Quản lý Thực phẩm và Dược phẩm liên quan đến an toàn dược phẩm, cũng như là vi phạm quy định nhãn hiệu thương mại Liên bang. Đó cũng có thể là sự vi phạm luật pháp ở 50 bang khác nhau.

Khi xuất hiện một thứ hàng giả, khó có cách nào để truy tìm ra đúng kẻ đã sản xuất ra chúng. Ví dụ như rượu giả hiện phổ biến ở nhiều quốc gia Đông Âu. Khi rượu thật không đáp ứng các tiêu chuẩn y tế và an toàn, nguồn gốc của sản phẩm có thể được tìm ra. Nhà máy sản xuất loại rượu này có thể bị điều tra và bị buộc phải cải thiện chất lượng. Nhưng với rượu giả, điều đó là không thể, bởi vì nguồn gốc của sản phẩm là không rõ.

SMITH: Điều này gắn với nhận thức của công chúng. Chính phủ có thể đóng vai trò trong việc giáo dục người dân rằng việc bảo vệ sở hữu trí tuệ không chỉ là một vấn đề kinh tế mà nó còn là vấn đề y tế và an toàn nữa. Thực phẩm làm giả và thuốc giả đã từng gây chết người. Hoặc là chúng không chứa các thành phần cần thiết hoặc chúng chứa những thành phần có thể gây chết người mà người ta vô tình mua chúng.

Hoặc chúng ta hãy xem xét các phụ tùng máy bay, một sản phẩm giả hoặc sản phẩm ăn cắp bản quyền được dán nhãn là đáp ứng các tiêu chuẩn an toàn, song thực tế thì chúng lại có những chi tiết sai sót.

Các vấn đề y tế và an toàn có thể đưa cuộc thảo luận của chúng ta tới cấp độ cá nhân nhiều hơn là về các khía cạnh kinh tế của việc bảo vệ sở hữu trí tuệ, vì chúng đề cập đến cuộc sống của con người.

---

### **Một công cụ mới chống sao chép trộm đĩa quang** **MỘT CÔNG CỤ MỚI CHỐNG SAO CHÉP TRỘM ĐĨA QUANG**

Laura Lee và Bonnie J. K. Richardson

Công nghệ kỹ thuật số đã làm cho những hứa hẹn về những phương thức cải tiến nhằm phân phát các sản phẩm sáng tạo trên quy mô toàn cầu trở thành hiện thực. Với công nghệ kỹ thuật số, một người yêu phim ở bất cứ đâu cũng có thể xem những bộ phim từ Ấn Độ, Mexico hay Ai Cập, và người yêu nhạc có thể tải về những âm thanh độc đáo từ âm nhạc Nga, Trung Quốc hoặc Công-gô chỉ với một cái nhấp chuột.

Tuy nhiên, những tiến bộ về công nghệ tương tự cũng làm tăng những hình thức vi phạm bản quyền nghiêm trọng. Bất kỳ ngành công nghiệp nào phụ thuộc vào việc bảo vệ bản quyền, trong đó có công nghiệp phim ảnh, âm nhạc và phần mềm, hiện đều đang phải đối mặt với những tổn thất lớn do nạn sao chép trộm đĩa quang. Các quốc gia sẽ đặt nền kinh tế nước mình trước rủi ro khi họ không bảo vệ được thích đáng quyền sở hữu trí tuệ trong những ngành công nghiệp này khỏi nạn ăn cắp bản quyền đĩa quang và những sản phẩm truyền thống. Nạn ăn cắp bản quyền ngăn cản sự phát triển của những ngành công nghiệp này ở nhiều quốc gia và do đó không khuyến khích được những nhà phát minh, nhà sáng chế tiềm năng và việc tạo ra những sản phẩm mới có giá trị.

Những loại đĩa quang bao gồm các loại như đĩa kỹ thuật số đa năng (DVD), đĩa DVD có thể dùng để ghi (DVD-R), đĩa compact (CD), CD-ROM, đĩa compact có lõi ghi màu thay vì kim loại (CD-R), đĩa hình (VCD) và đĩa laser (LD). Đĩa quang được sản xuất với chi phí không đắt và dễ phát tán – hai đặc trưng làm cho nó dễ bị ăn cắp bản quyền. Không giống như việc ăn cắp bản quyền truyền thống liên quan đến các công nghệ bắt chước, chất lượng của đĩa lậu kỹ thuật số cũng cao bằng bản gốc và phương tiện để sản xuất chúng có thể cho ra đời một số lượng lớn đĩa lậu trong một thời gian tương đối ngắn. Năm 2003, ngành công nghiệp phim điện ảnh Hoa Kỳ, hợp tác với các cơ quan thực thi pháp luật trên khắp thế giới, đã thu giữ hơn 52 triệu đĩa lậu.

Để xử lý cuộc khủng hoảng đang gia tăng nhanh này một cách hiệu quả, điều quan trọng là phát triển và thực thi những công cụ mang tính đổi mới để kiểm soát nạn ăn cắp bản quyền ở tận nguồn sản xuất của nó. Một trong những cách hữu hiệu để làm điều đó là thông qua những quy định quản lý đĩa quang cùng với “Những cách làm hiệu quả” đã được lãnh đạo các chính phủ thông qua tại Hội nghị APEC tháng 10 năm 2003.

“Những cách làm hiệu quả” nhằm xác định và kiểm soát tất cả các phương tiện sao chép đĩa quang thông qua việc yêu cầu cơ quan có thẩm quyền cấp phép một cách nghiêm ngặt cho nhà sản xuất đĩa quang và cả dụng cụ sản xuất nữa. Một kế hoạch cấp phép được thực thi tốt sẽ tạo ra những căn cứ pháp lý cho phép việc đóng cửa ngay lập tức những cơ sở sản xuất không được cấp phép. Những quy định này cũng yêu cầu rằng các nhà sản xuất đĩa quang đã được cấp phép giữ lại bản gốc và cài vào trong những đĩa đã được sản xuất mã số xác định nguồn gốc (SID). Đó là những biện pháp sẽ giúp bảo đảm rằng những cơ sở sản xuất đã được cấp phép chỉ sản xuất đĩa hợp pháp.

“Những cách làm hiệu quả” cũng yêu cầu báo cáo việc buôn lậu qua biên giới các thiết bị sản xuất và nguyên liệu dùng để sản xuất đĩa quang, chẳng hạn như poly-cac-bo-nát. Ngoài ra Chương trình “Những cách làm hiệu quả” này còn cho phép cơ quan có thẩm quyền của chính phủ tiến hành các cuộc kiểm tra bất ngờ, thu giữ và tiêu hủy những máy móc sản xuất hàng ăn cắp bản quyền.

Chúng tôi nghĩ rằng tất cả các quốc gia có các cơ sở sản xuất đĩa quang đang sản xuất một số lượng lớn những sản phẩm ăn cắp bản quyền nên xây dựng và thực thi loại hình khuôn khổ quản lý đặc biệt này để kiểm soát việc sản xuất đĩa quang. Các tập đoàn sản xuất lậu đang chuyển việc sản xuất đĩa quang từ những nơi có các cơ chế quản lý chống ăn cắp bản quyền sang những quốc gia vẫn còn thiếu sự bảo vệ đầy đủ. Tới nay, Trung Quốc, Bun-ga-ry, Ma-lai-xi-a, Phi-líp-pin và Đài Loan đã có cơ chế quản lý đĩa quang, còn Xinh-ga-po cũng đang trong quá trình hoàn tất một hệ thống tương tự. Chính phủ Hoa Kỳ cũng đang làm việc với Chính phủ Nga, Pakistan và Thái Lan để thông qua những quy định quản lý đĩa quang quan trọng này.

Một khía cạnh đang gây ngày càng nhiều rắc rối của nạn ăn cắp bản quyền là sự liên kết của nó với các tổ chức tội phạm. Bọn tội phạm có tổ chức đã nhanh chóng nhận ra rằng việc ăn cắp bản quyền, với tiềm năng lợi nhuận cao và hình phạt rất thấp ở nhiều quốc gia, là một trong những việc làm ít rủi ro và mang lại nhiều lợi nhuận nhất. Các cơ quan thực thi pháp luật, như Interpol chẳng hạn, đã xác định rằng, việc làm giả các loại đĩa quang là một nguồn cung cấp tài chính có giá trị cho các tập đoàn tội phạm và các nhóm khủng bố.

Một biện pháp hữu hiệu để ngăn chặn mối liên kết giữa các tập đoàn tội phạm và việc ăn cắp bản quyền đĩa quang này là việc áp dụng những đạo luật chống tội phạm có tổ chức. Lợi ích của các ngành công nghiệp có bản quyền phụ thuộc vào những nỗ lực chung của tất cả các quốc gia nhằm sử dụng những công cụ pháp luật tương tự để chống nạn ăn cắp bản quyền mà chúng dẫn tới các loại tội phạm có tổ chức. Ngoài ra, các công cụ này có thể bao gồm các quy định chống rửa tiền, các kỹ thuật giám sát và việc sửa đổi các đạo luật chống tội phạm có tổ chức.

Những kẻ phạm tội luôn hướng đến việc đi trước những cơ chế quản lý hiện có. Để ngăn cản cơn sóng ăn cắp bản quyền một cách hiệu quả, điều thiết yếu là các chính phủ phải linh hoạt và xây dựng được những công cụ pháp lý mới trên cơ sở liên tục. Chỉ khi với hướng tiếp cận thực sự mang tính quốc tế - một quốc gia đã thông qua và thực thi những

quy định quản lý đĩa quang đã được điều chỉnh, thì mức độ ăn cắp bản quyền đĩa quang mới có thể được giảm đáng kể trên quy mô địa phương và toàn cầu.

---

Bonnie J. K. Richardson là Phó Chủ tịch phụ trách Thương mại và các vấn đề Liên bang của Hiệp hội Phim truyện Hoa Kỳ (MPAA). Laura Lee là sinh viên Trường Luật thuộc Đại học Virginia và là thực tập sinh tại MPAA. MPAA là một hiệp hội thương mại phi lợi nhuận đại diện cho bảy nhà sản xuất và phân phối lớn nhất các chương trình truyền hình, phim truyện và các chương trình giải trí video tại nhà.

---

### **Một hiệp hội thương mại đang hoạt động** **MỘT HIỆP HỘI THƯƠNG MẠI ĐANG HOẠT ĐỘNG**

Patricia L. Judd

Sách có ở khắp nơi quanh chúng ta. Những tên sách nổi tiếng như bộ truyện Harry Potter hay tác phẩm đoạt giải Nobel Một ngôi nhà cho ông Biswas của V.S. Naipaul có thể được tìm thấy trong những hiệu sách trên khắp thế giới. Sách là một phương tiện giải trí và giáo dục, cũng như để dành cho các nhà chuyên môn, các cá nhân và cho sự phát triển xã hội.

Nhưng thật không may, những tác giả, nhà xuất bản, nhà in, nhà phân phối và những người bán lẻ hợp pháp lại thường bị tước mất cơ hội làm thỏa mãn sự khát khao sách của thế giới bởi vì nạn in lậu, sao chép vì mục đích thương mại, việc dịch không được phép và nạn ăn cắp bản quyền kỹ thuật số lan tràn đang bóp chết thị trường những sản phẩm hợp lệ. Những triệu chứng của hiện tượng này có rất nhiều:

Bên trong và xung quanh các trường đại học, trung học, các cửa hàng photocopy làm cho việc sao chép bất hợp pháp các tác phẩm trở nên dễ dàng hơn và thường có hàng dây các cuốn sách photo treo ngoài cửa.

Các chương trình học tiếng Anh và các khóa học ngoại ngữ khác quảng cáo việc sử dụng các tài liệu chất lượng cao và trưng ra những ấn phẩm gốc, nhưng sau đó lại sử dụng những bản copy bất hợp pháp trong giờ học.

Những kẻ bán sách y học lậu thực hiện việc bán hàng tới tận nhà mà không sợ bị trừng phạt.

Những kẻ ăn cắp bản quyền chào bán những tập 5, 6, 7 và 8 được coi là của bộ truyện Harry Potter® của J.K. Rowling, ở thời điểm mà tác giả mới viết xong tập 4.

Những hoạt động này – mà nhiều người mua sách cho là vô hại – đã làm tổn hại đến những nhà sáng tác hợp lệ, những nhà sản xuất trong nước và nước ngoài, và cuối cùng là tới tất cả các nền kinh tế quốc dân. Mọi quốc gia đều có những sinh viên ban đầu hiện đang là người sử dụng thông tin, nhưng sẽ là những nhà sáng tạo trong tương lai gần. Mọi quốc gia đều có các tác giả và các học giả và hầu hết đều có ngành công nghiệp in ấn hoặc xuất bản đang phải chịu những hình thức ăn cắp bản quyền tương tự như những gì mà các nhà xuất bản Hoa Kỳ đang gặp phải. Những nhà sáng tạo chắc chắn sẽ muốn ở lại



đất nước của mình hơn nếu như họ có thể có thu nhập từ tài năng của họ tại nước mình. Bảo vệ khả năng đó của các nhà sáng tạo sẽ phục vụ cho chính họ, cho đất nước họ cũng như cho các nhà xuất bản của họ.

Hiệp hội các Nhà xuất bản Hoa Kỳ (AAP) - hiệp hội thương mại chính của ngành công nghiệp xuất bản sách Hoa Kỳ - tính toán rằng, các thành viên của nó đã tổn thất hơn 600 triệu đô-la mỗi năm vì nạn ăn cắp bản quyền trên toàn cầu. Nhưng thật đáng buồn là con số này chỉ là con số tổng quát được đánh giá chưa đầy đủ, dựa trên những tính toán ở một số ít quốc gia và vùng lãnh thổ. Hơn nữa, chỉ con số này không thôi cũng đã nhấn mạnh nhu cầu cần cải tiến việc thực thi ở nhiều nơi, cũng như việc tuân thủ các tiêu chuẩn về bản quyền quốc tế của tất cả các quốc gia, bởi vì những kẻ ăn cắp bản quyền đang cướp công của các tác giả, các doanh nghiệp và người tiêu dùng trên toàn cầu. Bằng chứng của việc này là các chiến dịch của AAP ở nước ngoài hầu như luôn phát hiện ra những bản sao bất hợp pháp các tác phẩm địa phương.

AAP ủng hộ cuộc chiến chống những kẻ ăn cắp bản quyền thông qua việc thiết lập quan hệ đối tác với các luật sư địa phương, các hãng điều tra, các văn phòng công ty thành viên và các quan chức chính phủ để bảo đảm rằng cả khu vực tư nhân và khu vực nhà nước đều đang làm tất cả những gì có thể để xóa sổ loại tội phạm này. Các dự án của AAP bao gồm các hành động pháp lý, thu thập dữ liệu, đào tạo và những nỗ lực truyền thông để thông tin cho các chính phủ và người tiêu dùng những tác hại của nạn ăn cắp bản quyền.

AAP và các thành viên của mình cũng làm việc với các nhà xuất bản địa phương để xây dựng các dự án hợp tác có thể. Hiện tại, AAP có các chương trình đang hoạt động tại Hồng Kông, Ma-lai-xi-a, Trung Quốc, Phi-líp-pin, Xinh-ga-po, Hàn Quốc, Đài Loan và Thái Lan. Hiệp hội cũng đang hợp tác chặt chẽ với các đối tác quốc tế của mình tại Pakistan, Ấn Độ và một vài quốc gia khác.

Về mặt chính sách, AAP hợp tác với các cơ quan chính phủ của Hoa Kỳ và nước ngoài nhằm thúc đẩy việc thông qua và thực thi những đạo luật nghiêm ngặt về sở hữu trí tuệ. Hiệp hội cũng xem xét sự phát triển khả năng tiếp cận pháp lý và thị trường thực tế. AAP cũng có đóng góp quan trọng vào “Báo cáo đặc biệt 301 về bảo vệ và thực thi tác quyền trên toàn cầu” của Liên minh Sở hữu Trí tuệ Quốc tế (IIPA) trình Văn phòng Đại diện Thương mại Hoa Kỳ (USTR) tháng 2 hàng năm. IIPA mà AAP là một trong những thành viên sáng lập, sử dụng báo cáo này để cập nhật thông tin về tình hình bảo vệ tác quyền ở 50 đến 60 quốc gia và vùng lãnh thổ trên thế giới. Cuối cùng, AAP thường xuyên thảo luận các vấn đề về sở hữu trí tuệ tại các hội chợ sách, các hội thảo và hội nghị tại Hoa Kỳ và ở nước ngoài.

Tóm lại, AAP hoạt động để thông tin cho công chúng về những cách thức mà việc bảo vệ tác quyền kích thích sự sáng tạo vốn rất quan trọng đối với sự phát triển của các thị trường, không chỉ cho các nhà xuất bản Hoa Kỳ mà còn cho tất cả những nhà sáng tạo và các ngành công nghiệp liên quan ở tất cả các quốc gia.

Các thành viên và nhân viên của AAP rất quan tâm đến những việc làm có ích cả cho người sáng tạo và nhà xuất bản ở tất cả các quốc gia và vùng lãnh thổ, và xin hoan nghênh các ý kiến của bạn.

Để có thêm thông tin, xin liên hệ:  
Patricia L. Judd, Giám đốc  
Phòng Thực thi Bản quyền Quốc tế  
50 F Street, N.W., Suite 400  
Washington, D.C. 20001  
pjudd@publishers.org  
www.publishers.org

---

Patricia L. Judd là Giám đốc Phòng Thực thi Tác quyền Quốc tế của Hiệp hội các Nhà xuất bản Hoa Kỳ.

---

**Quyền sở hữu trí tuệ và ngành công nghiệp dược**  
**QUYỀN SỞ HỮU TRÍ TUỆ VÀ NGÀNH CÔNG NGHIỆP DƯỢC**  
Judith Kaufmann

Nhiều người than trách rằng, ngày càng có nhiều người không được tiếp cận với các loại thuốc chữa bệnh hiểm nghèo bởi giá cả cao và rằng các quyền sáng chế vừa làm tăng giá, vừa cản đường chữa trị cho những ai cần đến thuốc chữa bệnh.

Cả hai lời than vãn này đều sai lầm.

Các loại thuốc điều trị AIDS và các loại bệnh khác vẫn sẵn có nhờ sự bảo vệ quyền sáng chế. Việc bảo vệ quyền sáng chế khuyến khích sự nghiên cứu và phát triển nhờ tạo ra khả năng cho phép sự đầu tư của một công ty dược phẩm có thể thu hồi vốn – đó là một động lực quan trọng cho các công ty đầu tư hàng triệu và hàng triệu đô-la vào việc nghiên cứu và phát triển mang tính rủi ro cao các loại dược phẩm này. Thiếu sự bảo vệ quyền sáng chế, các nhà sản xuất khác có thể ngay lập tức sao chép cách làm các loại thuốc mới. Vì chi phí họ phải chịu ở mức rất thấp nên họ có thể chào bán sản phẩm của họ với mức giá thấp hơn, làm tổn hại nghiêm trọng khả năng thu hồi vốn của công ty đã phát triển loại thuốc đó.

Ngoài ra, trong những năm mà sản phẩm đã được cấp bằng sáng chế của một công ty được bảo hộ, người ta có thể hỗ trợ tài chính cho việc nghiên cứu thế hệ dược phẩm tiếp theo.

Các công ty dược phẩm không chỉ tiến hành các nghiên cứu đã giúp đỡ cho rất nhiều người mà còn bảo đảm rằng dược phẩm đến được với những ai cần chúng nhất thông qua trao tặng. Chỉ tính riêng năm 2003, ngành công nghiệp dược phẩm Hoa Kỳ đã trao tặng

các loại dược phẩm và dịch vụ trị giá hơn 1,4 tỉ đô-la tới người dân ở hơn 40 quốc gia kém phát triển nhất.

Các công ty dược phẩm cũng đang giúp đỡ cho các nước nghèo thông qua nhiều mối quan hệ đối tác nhà nước – tư nhân mang tính đổi mới. Đó là Quan hệ đối tác toàn diện châu Phi chống HIV/AIDS ở Botswana, theo đó, Chính phủ Botswana, Quỹ Bill và Melinda Gates và Công ty Merck hỗ trợ các chương trình phòng ngừa, khả năng tiếp cận dịch vụ y tế và chữa trị HIV/AIDS, với sự trao tặng hai loại thuốc điều trị chống AIDS và ung thư (anti-retroviral). Chương trình Kiểm soát bệnh giun chỉ u đã làm giảm đáng kể sự truyền nhiễm bệnh mù (river blindness) ở Tây Phi thông qua việc kết hợp một chương trình phun thuốc và sự trao tặng loại thuốc Mectizan của Công ty Merck & Co., Inc.

Đây chỉ là số ít các ví dụ về những cách thức mà ngành công nghiệp dược phẩm dựa trên việc nghiên cứu thường xuyên làm giảm giá dược phẩm cho các quốc gia nghèo nhất trên thế giới và đã tăng cường mối quan hệ đối tác của các công ty dược phẩm với các chính phủ và các tổ chức phi chính phủ để bảo đảm rằng dược phẩm đến được với những người cần chúng.

Các loại thuốc gốc (còn gọi là thuốc không nhãn hiệu hay thuốc nhái - generic medicines - là thuốc tương đương sinh học với biệt dược về các tính chất dược động học và dược lực học, được sản xuất khi quyền sở hữu công nghiệp của biệt dược đã hết hạn) và các loại thuốc được sản xuất do sao chép cách làm không phải luôn luôn là giải pháp cho những ai đang tìm kiếm một sự thay thế cho dược phẩm được bảo vệ bởi quyền sáng chế. Các loại thuốc gốc, được phát triển một cách độc lập chứa những hoạt chất tương tự như sản phẩm có nhãn hiệu chính công, được chào bán phù hợp với luật về sáng chế và được xác định bởi nhãn hiệu riêng hoặc theo tên khoa học được quốc tế chấp nhận chứ không phải là nhãn hiệu độc quyền. Các loại thuốc được sản xuất do sao chép cách làm thường chỉ đơn giản là sao chép cách làm của nhà sản xuất ở những quốc gia yếu kém trong việc bảo vệ sở hữu trí tuệ.

Những dược phẩm được bảo vệ bởi quyền sáng chế thường vượt qua những yêu cầu về cấp phép nghiêm ngặt hơn so với những dược phẩm được gọi là dược phẩm cùng loại. Tại sao lại là “được gọi là”? Bởi vì không phải tất cả các loại dược phẩm đều mang đặc tính thật giống nhau và không phải tất cả đều đã qua một quá trình kiểm tra nghiêm ngặt để bảo đảm rằng chúng chứa cùng một lượng hoạt chất và có tác dụng giống nhau. Nhiều nhà sản xuất những loại dược phẩm này đã không phải đầu tư vào việc kiểm nghiệm mở rộng mà ngành công nghiệp dựa trên nghiên cứu đòi hỏi, trước khi chúng được chào bán. Tất nhiên có nhiều nhà sản xuất dược phẩm cùng loại đáng tin cậy. Hoa Kỳ chẳng hạn, đang có một ngành công nghiệp sản xuất dược phẩm cùng loại đang lớn mạnh, được quản lý đầy đủ và kiểm soát bởi Cơ quan Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ.

Dựa trên sự đầu tư lớn đã được thực hiện bởi ngành công nghiệp dược phẩm dựa trên nghiên cứu, việc sản xuất thuốc nhờ sao chép có thể hạ thấp giá sản phẩm, nhưng không có gì bảo đảm rằng các loại dược phẩm mới sẽ có sẵn khi người ta cần chúng. Việc sản xuất thuốc này cũng không có gì bảo đảm rằng những cải tiến khoa học được chuyển thành những phương pháp điều trị mới bớt độc hại, đồng thời hiệu quả hơn. Hơn nữa, nó

còn làm giảm sự khuyến khích đối với việc nghiên cứu và do đó không khuyến khích những sản phẩm mới. Và thực sự là những nhà sản xuất các loại dược phẩm này cũng không phải là những hãng kinh doanh hảo tâm. Họ cũng đang thu lợi nhuận. Tuy nhiên, lợi nhuận của họ không được sử dụng để nghiên cứu khoa học sâu hơn và để tìm ra những phương pháp chữa trị mới.

Sáng chế cũng không phải như mọi người hiện nay đang nghĩ.

Một khảo sát gần đây được xuất bản trên tờ Health Affairs (Các vấn đề sức khỏe) cho thấy “tại 65 quốc gia có thu nhập thấp và trung bình, nơi hiện có hơn bốn tỉ người sinh sống, việc cấp bằng sáng chế gần như là không áp dụng đối với 319 sản phẩm nằm trong Danh sách mẫu dược phẩm thiết yếu của Tổ chức Y tế Thế giới. Chỉ có 17 loại dược phẩm thiết yếu là có thể được cấp bằng sáng chế, song chúng cũng luôn không được cấp bằng để được bảo hộ”. Nếu như số lượng lớn những loại dược phẩm chữa bệnh hiểm nghèo này là không thuộc phạm vi bảo hộ (nghĩa là công ty phát minh ra những loại thuốc này không còn có được đặc quyền vì thời hạn của bằng sáng chế đã hết) hoặc không được bảo hộ, thì sáng chế không phải là một vấn đề trong việc đưa thuốc tới người dân.

Giá cả không phải lúc nào cũng là một vấn đề. Khi người ta cho rằng giá cả là một vấn đề thì chính là họ đang làm cái việc so sánh giữa cam và táo. Giá cả bao gồm rất nhiều yếu tố: đào tạo cho các nhân viên y tế việc sử dụng thuốc, các tài liệu hướng dẫn giúp an toàn hơn cho người tiêu dùng, thậm chí là việc chuyên chở cũng có thể được bao gồm trong đó hoặc không. Nếu một loại dược phẩm nào đó có vẻ rẻ hơn nhưng giá cả chuyên chở chưa được tính, thì giá cả thực của nó có thể tương tự như giá một loại dược phẩm đã được cấp bằng sáng chế. Chắc chắn là một công ty dược phẩm được chính phủ bảo trợ có thể đưa ra giá thấp hơn cho người dân của quốc gia đó, từ khi chính phủ chi trả phần lớn chi phí thực của sản phẩm.

Có nhiều vấn đề cần được giải quyết, trong đó có việc làm sao khuyến khích sự cải tiến, đặc biệt là đối với những loại dược phẩm có thị trường hạn chế hoặc những dược phẩm chữa trị những loại bệnh phổ biến ở những quốc gia có thu nhập thấp và trung bình. Các quốc gia đang phát triển có thể đưa ra những ưu đãi về thuế để khuyến khích sự đổi mới ở đất nước đó, giống như những quy định của Đạo luật về dược phẩm dành các bệnh không phổ biến của Hoa Kỳ. (Đạo luật này, dưới sự giám sát của Cơ quan Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ, điều chỉnh những loại dược phẩm được dùng để điều trị những bệnh hiếm gặp. Do gần như không có sự khuyến khích về tài chính nào đối với các công ty dược phẩm để phát triển những loại thuốc như vậy, được công nhận là “sản xuất thuốc cho các bệnh hiếm gặp” cung cấp cho nhà sản xuất những hỗ trợ tài chính cụ thể để phát triển và cung cấp những loại thuốc này.) Những đồng đô-la của chính phủ có thể được dành cho những nghiên cứu cơ bản, giống như Viện Y tế Quốc gia đang làm tại Hoa Kỳ.

Những mối quan hệ đối tác nhà nước-tư nhân đang cho thấy những cách làm trong việc cải tiến sản phẩm. Dự án Thuốc điều trị Sốt rét (MMV – xem “Bệnh sốt rét: Thiết lập quan hệ đối tác để tìm ra phương pháp điều trị”) và Sáng kiến vắc-xin phòng chống AIDS quốc tế là hai ví dụ tốt về những mối quan hệ đối tác như vậy. Chẳng hạn MMV, hiện

đang có 21 dự án phát triển dược phẩm để bảo đảm rằng phương pháp điều trị thế hệ tiếp theo sẽ có sẵn khi khả năng kháng thuốc vượt qua được những lựa chọn điều trị tốt nhất hiện có. Như một bài báo trên tờ Washington Post mô tả: “Trên thực tế, đây là những công ty dược phẩm phi lợi nhuận được xây dựng để tìm ra và phát triển các loại thuốc và vắc-xin trị những loại bệnh bị sao lãng”.

Dược phẩm giá rẻ không là gì cả nếu như chúng không chữa được bệnh hoặc nếu chúng góp phần gây kháng thuốc – điều có thể làm cho thuốc mất tác dụng. Sự vi phạm hoặc bỏ qua việc bảo vệ bản quyền chỉ là giải pháp ngắn hạn đe dọa sức khỏe của người dân trên thế giới thông qua việc làm mất đi những động lực và không khuyến khích sự cải tiến cần thiết.

---

Judith Kaufmann là một nhân viên ngoại giao đã nghỉ hưu, từng là Giám đốc Văn phòng các Vấn đề Y tế Quốc tế của Bộ Ngoại giao Hoa Kỳ.

---

### **Chi phí của việc phát triển một loại thuốc mới** **CHI PHÍ CỦA VIỆC PHÁT TRIỂN MỘT LOẠI THUỐC MỚI**

Neal Masia

Nhiều người trong chúng ta biết việc một thành viên gia đình hoặc một người bạn được hưởng lợi từ một loại thuốc mới: Những tiến bộ trong điều trị ung thư, HIV/AIDS, bệnh tim mạch và hàng loạt những loại bệnh khác gần như vẫn tiếp diễn trong những thập kỷ gần đây, trong nhiều trường hợp, là nhờ có những khám phá ra các loại thuốc mới. Các nhà kinh tế tính toán rằng, gần một nửa sự gia tăng tuổi thọ trung bình trong hơn 15 năm qua ở các quốc gia công nghiệp hóa có thể là nhờ những loại dược phẩm mới. Chỉ tính riêng tại Hoa Kỳ, người ta ước tính rằng những lợi ích kinh tế có được nhờ những tiến bộ y học có giá trị hơn 500 tỉ đô-la mỗi năm.

Tuy vậy, việc tìm ra một phương pháp chữa trị mới là rất đắt đỏ và nhiều rủi ro. Các ước tính về chi phí để phát triển một loại thuốc mới có thể thay đổi từ mức thấp 800 triệu đô-la tới 2 tỉ đô-la cho một loại thuốc. Thậm chí mức 2 tỉ đô-la cũng sẽ sớm bị coi là còn thấp. Mới đây, Pfizer đã thông báo rằng họ đang đầu tư 800 triệu đô-la cho giai đoạn 3 của quá trình thử nghiệm của riêng một loại thuốc.

Vậy tất cả những số tiền đó được dùng vào việc gì?

Tại Hoa Kỳ và hầu hết các quốc gia khác có nền công nghiệp dược phẩm, khu vực tư nhân hầu như đảm đương hoặc cung cấp tài chính cho tất cả việc khám phá và phát triển các loại dược phẩm mới, thường dựa trên những giả thiết y học cơ bản được phát triển bởi các trường đại học hoặc các nghiên cứu do nhà nước cung cấp kinh phí. Các nhà khoa học tìm kiếm những loại thuốc mới thường phải phân loại từ 5.000 đến 10.000 loại hóa chất mới có vẻ hứa hẹn để xác định một nhóm 250 hợp chất đưa vào thử nghiệm lý thuyết

và thử trên động vật. Trong 250 hợp chất đó, trung bình không tới 10 loại cho thấy có đủ tiềm năng để được thử giai đoạn I trên người để đạt tới độ an toàn cơ bản.

Giai đoạn thử nghiệm I thường bao gồm một nhóm rất nhỏ những người tình nguyện khỏe mạnh, là những người được thử để xác định liệu loại thuốc mới có đạt hai yêu cầu là an toàn và hiệu quả hay không. Một hợp chất hoặc một loại thuốc đang thử nghiệm nếu vượt qua giai đoạn thử nghiệm I sẽ bước sang giai đoạn thử nghiệm II trên quy mô nhỏ với những bệnh nhân có các biểu hiện bệnh cụ thể để xem liệu hợp chất có được những hiệu ứng như mong muốn đối với loại bệnh đó hay không. Nếu được, nó sẽ được thử nghiệm giai đoạn III, là giai đoạn thử nghiệm trên quy mô lớn được kiểm soát cẩn thận với hàng ngàn bệnh nhân. Những loại thuốc thử nghiệm phải vượt qua những hình thức thử nghiệm khác nhau ở giai đoạn III để kiểm tra những hiệu ứng khác nhau. Trung bình, cứ 5 hợp chất (nghiên cứu ban đầu từ 5.000 đến 10.000 hóa chất) được thử nghiệm trên người, thì cơ quan có thẩm quyền của Chính phủ Hoa Kỳ chỉ chấp nhận cho công ty được chào bán một sản phẩm.

Nhìn chung, việc tìm ra và phát triển một loại thuốc mới mất khoảng 12 đến 15 năm. Bằng sáng chế cũng sẽ được cấp đồng thời, và thông thường phải mất một số năm giữa thời gian cấp bằng sáng chế và thời gian cho phép chào bán sản phẩm. Điều đó có nghĩa là, thời hạn bảo hộ đối với sáng chế là 20 năm, thì trung bình thời gian có hiệu lực trên thực tế của việc sáng chế loại thuốc mới - tổng thời gian được phẩm được bán dưới sự bảo hộ sáng chế - là khoảng 10 đến 12 năm. Bên cạnh những chi phí trực tiếp của việc phát triển loại thuốc mới, các hãng còn phải chi trả lợi nhuận cho các cổ đông trong thời gian một thập kỷ hoặc hơn - loại chi phí này sẽ tăng lên nếu như thời gian phát triển loại được phẩm đó kéo dài hơn.

Với mức độ hoàn vốn như hiện tại, các nhà kinh tế ước tính rằng chỉ khoảng 30% các loại được phẩm mới có đủ doanh thu trong thời gian sản phẩm được bảo hộ để trang trải các chi phí trả trước cho việc phát triển sản phẩm. Nếu một hãng được phẩm phải chịu các chi phí trung bình để phát triển mà chỉ tìm ra được những được phẩm “trung bình”, thì nó sẽ nhanh chóng phá sản.

Sự nhiệt tình và ủng hộ của các nhà đầu tư dành cho các công ty được phẩm trong việc tìm ra những phương pháp chữa trị mới phụ thuộc vào những kết quả mong đợi của một số tương đối ít sản phẩm. Một xã hội bảo đảm mạnh mẽ sự bảo vệ bản quyền sẽ mang lại niềm tin cho các nhà đầu tư rằng việc đầu tư rủi ro cao của họ sẽ được đền đáp trong quá trình. Ngược lại, nếu không tin tưởng rằng việc tìm ra một biện pháp chữa trị mới có thể có doanh thu thì các nhà đầu tư vào các công ty được phẩm và chính các công ty được phẩm đang tìm cách mở rộng hoạt động ở những quốc gia khác sẽ đòi hỏi, nguồn tài chính của họ phải được hoàn lại hoặc họ sẽ đầu tư chúng ở nơi khác.

Ngày nay, nếu các nhà đầu tư quyết định rút lui và việc đầu tư vào nghiên cứu được phẩm bị chấm dứt, thì người tiêu dùng cũng không nhận thấy sự thiếu vắng những loại thuốc mới trong vòng một thập kỷ hoặc lâu hơn vì chu kỳ thời gian để phát triển một loại thuốc mới kéo dài khoảng một thập kỷ. Song những hãng nhỏ hơn và những công ty công nghệ sinh học chắc chắn sẽ nhận thấy điều đó vì họ sẽ gặp khó khăn trong việc kêu gọi

vốn đầu tư nếu như những kết quả mong đợi thấp hơn dự kiến. Những công ty đói vốn sẽ sớm biến mất cùng với những hứa hẹn của họ về việc tìm ra những biện pháp chữa trị mới.

Việc tăng cường niềm tin của các nhà đầu tư cho phép tiếp tục những nghiên cứu và phát triển quy mô lớn trong ngành công nghiệp dược phẩm tại Hoa Kỳ và những quốc gia khác. Chỉ riêng Pfizer năm nay cũng đang đầu tư 8 tỉ đô-la và tuyển dụng hơn 12.000 nhà khoa học để tìm kiếm những phương pháp chữa trị mới, với những đầu tư quan trọng trong nghiên cứu các bệnh tim mạch, ung thư, HIV/AIDS, và các bệnh truyền nhiễm khác, các bệnh về hệ thần kinh trung ương và hàng loạt các bệnh mãn tính và cấp tính khác. Những khám phá trong các lĩnh vực này phụ thuộc vào cả tài năng của nhà khoa học cũng như niềm tin của những nhà đầu tư - những người cung cấp tài chính cho việc nghiên cứu.

Sự ủng hộ của cộng đồng quốc tế nhằm bảo vệ mạnh mẽ quyền sở hữu trí tuệ là một yếu tố quan trọng trong việc tăng cường niềm tin đó.

---

### **Bệnh sốt rét: Xây dựng quan hệ đối tác để tìm biện pháp chữa trị** **BỆNH SỐT RÉT: XÂY DỰNG QUAN HỆ ĐỐI TÁC ĐỂ TÌM BIỆN PHÁP CHỮA TRỊ**

Richard Wilder và P. V. Venugopal

Hàng năm, có 300-500 triệu người trên khắp thế giới bị nhiễm bệnh sốt rét, và có hơn một triệu người chết vì loại bệnh này. Tại châu Phi, lần đầu tiên trong 20 năm, gánh nặng của bệnh sốt rét đang gia tăng do việc lan rộng nhanh chóng của sự kháng thuốc đối với những loại thuốc chữa sốt rét được sử dụng rộng rãi như chloroquine. Do đó mà sốt rét là nguyên nhân hàng đầu gây tử vong trẻ em ở châu Phi, với số lượng khoảng 3.000 trẻ mỗi ngày. Những con số này cho thấy một thảm họa quốc tế và sự thất bại của khu vực y tế cộng đồng.

Mặc dù bệnh sốt rét hoành hành như vậy ở các nước đang phát triển nhưng chỉ có 4 trong số khoảng 1.400 loại thuốc mới, được phát triển trong giai đoạn từ 1975 đến 1999 là để chống sốt rét. Như vậy là không đủ để giải quyết vấn đề, bởi vì cần có những loại thuốc mới để xử lý các chủng ký sinh sốt rét có khả năng kháng các loại thuốc đang sử dụng.

Năm 1999, các cuộc thương thảo giữa Tổ chức Y tế Thế giới (WHO) và Liên đoàn các Hiệp hội Sản xuất Dược phẩm Quốc tế (IFPMA), với sự hợp tác của nhiều tổ chức như Ngân hàng Thế giới và Quỹ Rockefeller đã dẫn đến việc ra đời Dự án Dược phẩm chống Sốt rét (MMV). MMV là một thể chế phi lợi nhuận kết hợp các khu vực nhà nước, tư nhân và từ thiện lại với nhau để cung cấp tài chính và quản lý việc tìm tòi, phát triển và đăng ký những loại thuốc mới để điều trị và ngăn ngừa bệnh sốt rét.

Chỉ sau năm năm hoạt động, MMV đã nắm giữ tập hồ sơ lớn nhất từ trước tới nay về các nghiên cứu tìm thuốc chữa sốt rét, với 21 dự án ở những giai đoạn phát triển khác nhau. Những tiến bộ nhanh chóng đó có được là do sự cộng tác mang tính tiên phong của

MMV với gần 40 tổ chức nhà nước và tư nhân trên khắp thế giới. Chẳng hạn như MMV đã để ý tới các công ty dược phẩm đang nghiên cứu các liệu pháp trị ung thư dẫn đến việc phát triển những hợp chất có hoạt tính cao chống ký sinh trùng sốt rét. Những công ty này chia sẻ kiến thức với các nhóm làm việc trong dự án của MMV khi họ đã thỏa thuận với MMV.

Một phần không tách rời trong các thỏa thuận mà MMV đàm phán là việc quản lý tài sản trí tuệ mang tính đổi mới mà những đối tác của nó đưa lên bàn đàm phán. MMV quản lý và cấp phép sở hữu trí tuệ, vì vậy những lợi ích của bên đối tác – dù là lợi ích về mặt học thuật, kinh doanh hay đơn thuần là vì công chúng - được phản ánh trong những điều khoản của thỏa thuận. Tùy vào từng tình huống mà MMV có thể sở hữu toàn bộ tài sản trí tuệ, giữ quyền cấp phép cho tài sản trí tuệ hoặc đưa ra những điều kiện trong các thỏa thuận của mình, mà nếu không đạt được những điều kiện ấy, sẽ làm cho quyền sở hữu trí tuệ phải chuyển giao trở lại cho MMV.

Trong nhiều trường hợp, việc sở hữu các quyền sở hữu trí tuệ là không cần thiết, bởi vì MMV cộng tác với một công ty để vừa tìm ra, vừa phát triển một hợp chất hứa hẹn có thể chống sốt rét. Trong trường hợp đó chẳng hạn, công ty có thể sở hữu các quyền tài sản trí tuệ và sử dụng chúng, đồng thời thực hiện các nghĩa vụ với MMV để phát triển và đưa loại thuốc chống sốt rét ra thị trường. Thỏa thuận sẽ cụ thể hóa những điều kiện nhất định cần đáp ứng, trong đó có việc cụ thể hóa về giá cả và những điều kiện khác liên quan đến khả năng tiếp cận thuốc chống sốt rét của người dân ở những nước nghèo. Chỉ trong những trường hợp mà công ty đối tác không thể hoặc không thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ mà MMV cần thì những quyền sở hữu mới được trao lại cho MMV để dự án được tiếp tục với một đối tác khác.

Không tính đến bản chất của các quyền sở hữu trí tuệ mà MMV nắm giữ, yếu tố mang tính quyết định là khả năng thực hiện được nhiệm vụ của nó. Kết quả là, tiêu điểm tự nó không phải là những quyền sở hữu trí tuệ mà là con đường mà MMV cần phải theo để bảo đảm rằng, các loại thuốc chống sốt rét mới đang được phát triển dưới sự giám sát của mình, được đưa ra thị trường và phù hợp với khả năng tài chính cũng như có thể tiếp cận được đối với những người cần chúng ở các nước đang phát triển. Như thế, các quyền sở hữu trí tuệ là một công cụ để kết hợp các đối tác với nhau trong một dự án vì một mục tiêu chung và nhằm đảm bảo rằng, con đường mà MMV cần phải theo để đạt được các mục tiêu của mình là rõ ràng.

Một trong những loại dược phẩm hứa hẹn nhất đang thử nghiệm của MMV là một loại pê-rô-xít tổng hợp được tìm ra lần đầu tiên bởi các nhà khoa học thuộc Trung tâm Y học Đại học Nebraska, Đại học Monash của Australia, Viện Nhiệt đới Thụy Sĩ và công ty Dược phẩm Roche. Loại thuốc này giống như artemisinin chiết xuất từ thực vật - một loại thuốc chống sốt rét hiệu quả nhất hiện nay. Thông qua một thỏa thuận do MMV sắp đặt, Dược phẩm Roche đã chuyển giao kết quả của hơn ba năm nghiên cứu về pê-rô-xít tổng hợp này cho công ty dược phẩm Ranbaxy của Ấn Độ để đẩy nhanh tốc độ phát triển loại thuốc này với giá thấp nhất có thể.



Hiện tại, loại thuốc này đang trong giai đoạn phát triển thử nghiệm và có thể trở thành vũ khí mới quan trọng nhất chống lại sốt rét trong một thế hệ. Nó minh họa cho kết quả của việc quản lý tiên tiến các quyền sở hữu trí tuệ của MMV để đạt được các mục tiêu của mình, cũng là mục tiêu của các đối tác của nó là đưa những loại thuốc hiện đại ra thị trường để chữa trị bệnh sốt rét.

---

Richard Wilder là đối tác của Văn phòng Sidley Austin Brown & Wood ở Washington D.C., Tiến sĩ P. V. Venugopal là giám đốc hoạt động quốc tế của Dự án Dược phẩm điều trị Sốt rét

---

### **Bảo vệ nhãn hiệu thương mại trên Internet** **BẢO VỆ NHÃN HIỆU THƯƠNG MẠI TRÊN INTERNET**

Angelo Mazza

Với sự mở rộng của thương mại điện tử thông qua các trang web bán đấu giá (auction web site) và bán lẻ (stand-alone web site) trên Internet với nhiều sản phẩm được chào bán, những người nắm giữ các nhãn hiệu thương mại đang đối mặt với những thách thức lớn đối với việc thực thi. Khi mà những hãng kinh doanh chính đáng có thể phát triển thịnh vượng nhờ Internet thì sự tồn tại của chúng lại bị đe dọa bởi những đối thủ không trung thực - những hãng lợi dụng những kẽ hở để có được lợi thế không công bằng nhằm bán đi hàng giả như hàng chính hiệu và lãng tránh việc thực thi. Những trang web xấu này, dù có vẻ như là chúng không liên quan đến nhau hay chỉ hoạt động ở quy mô nhỏ, lại có thể dễ dàng đạt lợi nhuận hàng triệu đô-la thông qua việc khai thác những điểm yếu trong các đạo luật hiện có cũng như trong kỹ thuật thực thi pháp luật.

Tuy vậy, một khuôn khổ pháp lý quốc tế nhằm bảo vệ những người nắm giữ các nhãn hiệu thương mại hợp pháp trên Internet vẫn chưa tồn tại. Do đó, việc thực thi bởi khu vực tư nhân và các chính phủ cần có sự bền bỉ và cảnh giác. Chính phủ và người sở hữu nhãn hiệu cần nhận thức rằng họ có thể có những bước đi để bảo vệ nhãn hiệu của mình trong một thế giới Internet đầy những hoạt động mua bán suốt ngày đêm ở rất nhiều quốc gia.

Chúng ta có thể chia các chiến lược thực thi này thành hai khu vực chính, một để đối phó với các trang web bán đấu giá và một đối phó với các trang bán lẻ. Những trang web bán đấu giá cho thấy những thách thức đặc biệt đối với việc thực thi và đặt ra vấn đề về độ tin cậy của trang web (độ tin cậy của trang web liên quan đến trách nhiệm pháp lý của trang web). Vì các đạo luật và chính sách ở mỗi quốc gia và/ hoặc của trang web bán đấu giá khác nhau đáng kể nên chủ đề này quá phức tạp để bàn thảo trong bài báo ngắn này. Tuy nhiên, hiện tại, hướng tiếp cận được ưa thích là xác định trang web vi phạm và đưa ra cơ hội sửa chữa vi phạm bằng cách loại bỏ những lời chào bán vi phạm. Nếu vi phạm tiếp diễn, người có trách nhiệm quản lý trang web sẽ đóng tài khoản của người vi phạm trên trang web.

Bài viết này chỉ giới hạn ở việc xem xét tổng thể các vấn đề liên quan đến các trang web bán lẻ chào bán hàng giả. Tập trung vào những cách làm hiện tại ở Hoa Kỳ, chúng tôi sẽ đánh giá phạm vi của vấn đề, phác họa những bước đi cần được tiến hành, xem xét những khó khăn mà mỗi hành động mang lại và xác định xem đâu là những phương pháp có thể thành công.

Quá trình đối phó với các trang web bán hàng giả có thể rất tốn thời gian và không may là không làm cho các chủ sở hữu các quyền cảm thấy được xoa dịu ngay lập tức. Thành công đòi hỏi sự bền bỉ và kiến thức chuyên môn. Internet mang đến những thách thức đặc biệt đối với các chủ sở hữu trí tuệ bởi vì, trong rất nhiều trường hợp, trang web vi phạm lại đưa ra những thông tin “Đăng ký” sai hoặc không đầy đủ. Việc thiếu thông tin đầy đủ này là một rào cản lớn đối với các chủ sở hữu các quyền đang cố gắng xác định trang web và báo cảnh sát về việc bán những hàng này trên Internet.

Nhiều công ty chính hãng đã thuê các nhóm nhân viên làm việc trong văn phòng, sử dụng các phần mềm đặc biệt và thuê các nhà cung cấp dịch vụ ở bên ngoài để truy tìm những trang web bán hàng hóa giả. Khi một chủ sở hữu trí tuệ phát hiện ra một trang web chào bán hàng giả, người đó có thể bắt đầu thu thập dữ liệu, xem xét lại các cơ sở dữ liệu và thu thập các cơ sở dữ liệu Whois; thông tin để xác định những người chịu trách nhiệm về trang web.

Trong hầu hết các trường hợp, thông tin về trang web thu thập từ cơ sở dữ liệu Whois thường không chính xác hoặc hoàn toàn sai. Do không có hình phạt nào ở Hoa Kỳ đối với việc cung cấp thông tin sai lạc vào một cơ sở dữ liệu, những kẻ làm hàng giả điền các thông tin Whois với những dấu chấm, dấu gạch ngang, tên của những người đã chết và các địa chỉ ở Atlantis hoặc một nơi không thể xác định nào đó. Mặc dù đã có những cuộc bàn thảo về việc sửa đổi những đạo luật đang được áp dụng của Hoa Kỳ, yêu cầu những thông tin chính xác hơn khi đăng ký một tên miền, song những nỗ lực đó vẫn chưa cho kết quả.

Tuy nhiên, một khi một trang web bán hàng giả bị phát hiện, chủ sở hữu trí tuệ sẽ viết các bức thư yêu cầu ngừng việc bán lại và gửi chúng tới nhà cung cấp dịch vụ Internet (ISP) và tới chính trang web. Trong hầu hết các trường hợp, trang web sẽ lờ đi những bức thư đó. Tuy nhiên, trang web đã được thông báo về việc vi phạm và không thể nói “không biết” đối với hoạt động sai phạm đó.

Nhìn chung, các ISP đều hợp tác khi được liên hệ, mặc dù theo luật pháp hiện tại, họ không bị buộc phải xác minh bất kỳ thông tin nào mà họ thu thập được. Các nhà cung cấp dịch vụ Internet tuân thủ pháp luật sẽ loại bỏ những trang web vi phạm khỏi máy chủ của họ. Tuy nhiên, điều này không xảy ra khi trang web chào bán hàng giả lại là nhà cung cấp dịch vụ Internet cho chính nó và lờ đi tất cả những thư từ liên hệ. Ngoài ra, còn có những nhà cung cấp dịch vụ Internet bất hảo, trở thành nơi trú ẩn an toàn cho những trang web vi phạm. Hiệu ứng không mong muốn đối với các ISP là nhiều trang web vi phạm cuối cùng sẽ chuyển sang thuê dịch vụ của những ISP ở bên ngoài nước Mỹ, nơi có luật pháp khác và các IPS thường là thiếu tinh thần hợp tác hơn.

Nếu như việc liên hệ với trang web đó gặp thất bại và kẻ làm hàng giả chơi trò chuyển sang các ISP khác, người nắm quyền hữu trí tuệ có thể có thêm những hành động khác. Họ có thể nghiên cứu thêm, và trong một số trường hợp, có thể thuê những nhà điều tra bên ngoài mua các hàng hóa giả để có thể tìm ra nguồn hàng hoặc nguồn của trang web. Việc điều tra thường cho kết quả là rất nhiều nguồn hàng giả. Mặc dù có nhiều trang web tiếng Anh và thực hiện việc kinh doanh bằng đô-la Mỹ nhưng thường thì chúng hoạt động ở ngoài biên giới nước Mỹ. Trong những trường hợp khác, chúng thu tiền tại Hoa Kỳ nhưng lại chuyên chở hàng giả tới những người mua ở nước ngoài. Việc này gây thêm những khó khăn về mặt thực thi đối với chủ sở hữu, những người phải duy trì việc thuê luật sư và nhà điều tra nước ngoài để tăng cường việc điều tra. Như thế, chủ sở hữu trí tuệ phải chịu những chi phí lớn và những đặc thù của việc thực thi ở một khu vực tài phán nước ngoài.

Người nắm quyền sở hữu trí tuệ có thể tiến hành hành động pháp lý khi đã thu thập đủ thông tin. Hành động pháp lý cho phép chủ sở hữu được yêu cầu trình ra tòa hồ sơ của nhà cung cấp dịch vụ Internet về hoạt động của trang web xấu. Thông thường, hồ sơ của các ISP đã quá hạn hoặc không còn được lưu nữa. Nếu trang web là một phần trong một chuỗi các trang web lớn hơn thuộc cùng một chủ sở hữu, nó có thể bị viện dẫn đến việc thực thi luật tố tụng hình sự. Tuy nhiên, do thiếu nguồn lực và các đơn vị tội phạm tin học đặc nhiệm, nên các hành động pháp lý hình sự chỉ chiếm một phần nhỏ trong việc thực thi. Chủ sở hữu của những trang web nhái (replica site) rất hiểu rằng còn thiếu các hành động thực thi mang tính hình sự này.

Những vấn đề đối với việc thực thi được phác họa ở đây chỉ có thể được giảm đi khi chính quyền có các đạo luật làm hài hòa và công bằng sân chơi Internet và hỗ trợ các nỗ lực thực thi của khu vực tư nhân. Đồng thời khu vực tư nhân cũng phải duy trì cam kết theo đuổi những kẻ vi phạm trên Internet.

---

Angelo Mazza là đối tác của hãng Gibney, Anthony & Flaherty, LLP ở thành phố New York. Ông giám sát và chuyên về hoạt động hàng ngày trên Internet. Ông cũng là Chủ tịch Quỹ Liên minh chống hàng giả quốc tế (IACC), phụ trách giáo dục và đào tạo của IACC.

---

## DANH SÁCH THUẬT NGỮ SỞ HỮU TRÍ TUỆ

### A

**APPELLATION OF ORIGIN:** TÊN GỌI THEO XUẤT XỨ. Thuật ngữ này dùng để chỉ dẫn xuất xứ địa lý của sản phẩm và cả những đặc trưng để phân biệt sản phẩm, những đặc trưng này là do điều kiện địa lý hay phương thức sản xuất đặc thù mà có. Một số nơi phân biệt tên gọi theo xuất xứ với “Chỉ dẫn nguồn gốc”, một thuật ngữ chỉ dùng để nói tới xuất xứ địa lý của việc sản xuất. Pho-mát Roquefort là một ví dụ về tên gọi theo xuất xứ bởi tên gọi này nói rõ cả xuất xứ địa lý và đặc trưng của sản phẩm. Nước hoa “Paris”

là chỉ dẫn nguồn gốc vì nó chỉ nói tới xuất xứ địa lý. Thuật ngữ “Tên gọi địa lý” bao gồm cả hai thuật ngữ trên.

**ASSIGNMENT: CHUYỂN NHƯỢNG.** Là quyền chuyển nhượng các quyền sở hữu trí tuệ. Ví dụ như việc chuyển nhượng bằng phát minh sáng chế là việc chuyển nhượng đầy đủ các quyền sao cho người được chuyển nhượng có quyền sở hữu đối với bằng phát minh sáng chế đó. Việc chuyển nhượng có thể là chuyển toàn bộ độc quyền sử dụng bằng phát minh sáng chế, chuyển nhượng một phần không thể phân chia tiếp được nữa (ví dụ như chuyển nhượng 50% quyền lợi), hoặc chuyển nhượng toàn bộ các quyền trong một khu vực nhất định (ví dụ như một vùng cụ thể ở Hoa Kỳ). Việc chuyển nhượng ít quyền hơn được coi là “giấy phép”.

**AUDIO WORK: TÁC PHẨM NGHE NHÌN.** Một tác phẩm có bản quyền bao gồm các hình ảnh có liên quan được trình chiếu theo chuỗi bằng máy cùng với các âm thanh đi kèm với tác phẩm. Một ví dụ phổ biến về tác phẩm nghe nhìn là việc trình chiếu được dùng trong các buổi thuyết trình bán hàng, buổi giảng dạy hay buổi giới thiệu bảo tàng.

**AUTHOR: TÁC GIẢ.** Bản quyền tác giả là bản quyền của người sáng tác ra tác phẩm có bản quyền hoặc là của người thuê người sáng tác ra tác phẩm có bản quyền trong phạm vi công việc được thuê, người thuê có thể là cá nhân hoặc công ty, hay trong một số trường hợp là bên hưởng hoa hồng đối với một số loại hình tác phẩm đặc biệt. “Tác giả” trong luật bản quyền không chỉ bao gồm nhà văn, nhà viết kịch, viết chuyên luận mà còn bao gồm cả lập trình viên máy tính, người sắp xếp dữ liệu trong sách tham khảo, người sáng tác và dàn dựng múa, nhiếp ảnh gia, nhà điêu khắc đá, họa sỹ vẽ tranh bích họa, người viết lời bài hát, người thu âm và người dịch sách. (Xem TÁC PHẨM CHO THUÊ, ĐỒNG TÁC GIẢ.)

## B

**BERNE CONVENTION: CÔNG ƯỚC BERNE.** Là công ước bản quyền đa phương quan trọng được ký kết tại Berne, Thụy Sĩ, năm 1886. Có gần 150 nước, trong đó có Hoa Kỳ tham gia vào Công ước Berne, các thành viên này thành lập Liên minh Berne. Tổ chức Sở hữu Trí tuệ Thế giới (WIPO) là cơ quan quản lý các hoạt động của Liên minh Berne.

**BEST MODE: PHƯƠNG PHÁP TỐI ƯU [bằng phát minh sáng chế].** Là một điều kiện để được cấp bằng phát minh sáng chế có giá trị. Nhà sáng chế phải mô tả phương pháp mà mình biết để được cấp bằng phát minh.

## C

**COMMUNITY TRADE MARK (CTM): NHÃN HIỆU CỘNG ĐỒNG.** Đăng ký nhãn hiệu do Văn phòng Nhãn hiệu Cộng đồng châu Âu cấp và có giá trị tại tất cả các quốc gia thành viên Cộng đồng châu Âu. (Xem NHÃN HIỆU CỘNG ĐỒNG CHÂU ÂU.)

**COMPILATION: TÁC PHẨM BIÊN SOẠN.** Tác phẩm biên soạn sưu tầm có bản quyền là tác phẩm sưu tầm và sắp xếp các tài liệu đã có từ trước. Việc sắp xếp tài liệu

phải cho thấy tính nguyên bản tối thiểu trong việc lựa chọn, tổ chức, sắp xếp tài liệu mà không làm thay đổi nội dung của tài liệu sẵn có.

**CONTRIBUTORY INFRINGEMENT:** VI PHẠM CÓ TÍNH CHẤT CẤU THÀNH. Là việc vi phạm gián tiếp quyền sở hữu trí tuệ dẫn tới việc vi phạm trực tiếp của một người khác. Chẳng hạn như việc vi phạm có tính chất cấu thành của nhãn hiệu xảy ra khi nhà sản xuất một loại hàng hóa trợ giúp hay khuyến khích các nhà phân phối của mình bán các loại hàng đó như thể là hàng hóa của các nhà sản xuất khác.

**COPIES:** SAO CHÉP. Khi là danh từ thì thuật ngữ này có nghĩa là “bản sao”, tức là những tài liệu lưu trữ hay sắp xếp những thông tin có bản quyền không phải là âm thanh; khi là động từ thì thuật ngữ này có nghĩa là hành động sao chép.

**COPYING:** SAO CHÉP. Theo luật bản quyền thì việc “sao chép” bao hàm hai khái niệm tách biệt nhưng có liên quan tới nhau. Để cấu thành hành vi vi phạm bản quyền, một tác phẩm phải là một “bản sao” theo nghĩa nó hoàn toàn giống với tác phẩm có bản quyền, nó phải được “sao chép” từ một tác phẩm có bản quyền và không giống như một tác phẩm vô tình trùng hợp được sáng tạo độc lập hay được lấy cùng từ một nguồn giống như tác phẩm có bản quyền. Các tiêu chuẩn pháp lý đối với việc vi phạm bản quyền khác với tiêu chuẩn pháp lý đối với việc vi phạm bằng phát minh sáng chế và nhãn hiệu, theo đó thì việc vi phạm bằng phát minh sáng chế và nhãn hiệu không yêu cầu bằng chứng về việc sao chép.

**COPYRIGHT:** BẢN QUYỀN. Là quyền duy nhất do chính phủ trao cho tác giả hoặc thừa nhận đối với tác giả một tác phẩm nhằm ngăn chặn những người khác không được phép in sao, sửa đổi, phát hành ra công chúng, biểu diễn hay trình diễn trước công chúng. Bản quyền không bảo vệ những ý tưởng trừu tượng; bản quyền chỉ bảo vệ những hình thức diễn đạt cụ thể trong một tác phẩm. Để được bảo hộ thì tác phẩm được cấp bản quyền phải có tính nguyên bản và một chút tính sáng tạo.

**COUNTERFEITING :** LÀM HÀNG GIẢ. Là hành động sản xuất hay bán một sản phẩm có nhãn mác giả và việc làm giả nhãn mác thật là một việc làm có chủ ý và có tính toán. Một “nhãn mác giả” là nhãn mác giống hệt hoặc không thể phân biệt được với nhãn mác thật. Thường thì hàng giả được làm bắt chước tất cả các chi tiết về cấu trúc và hình dáng giống hệt những hàng đang bán chạy nhằm đánh lừa khách hàng rằng họ đang mua hàng thật.

**CYBERSQUATTING:** ĐÀU CƠ TÊN MIỀN. “Cybersquatting” và “Cyberpiracy” là hai thuật ngữ đồng nghĩa nhằm chỉ những hành vi cạnh tranh không lành mạnh trong việc giành địa chỉ trên trang web. Một kẻ “đầu cơ tên miền” là kẻ chủ tâm đăng ký trước tên miền trùng với nhãn hiệu hay tên một công ty nhằm mục đích bán lại quyền sở hữu tên miền đó cho người chủ xác thực của nó.

## D

**DEPENDENT CLAIM:** YÊU CẦU PHỤ. Yêu cầu phụ là yêu cầu về bằng phát minh sáng chế tham chiếu một yêu cầu trước đó và đưa ra định nghĩa về một phát minh trong một lĩnh vực hẹp hơn so với lĩnh vực trong yêu cầu trước đó. Yêu cầu phụ phải được viết

thành văn bản sao cho chặt chẽ hơn so với công nghệ được định nghĩa trong mô tả trước đó.

**DERIVATIVE WORK: TÁC PHẨM PHÁT SINH.** Là một tác phẩm dựa trên một tác phẩm đã có sẵn và được thay đổi, cô đọng hay hư cấu thêm dưới hình thức nào đó.

**DESCRIPTIVE MARK: DẤU HIỆU MÔ TẢ.** Một từ, một bức tranh hay một biểu tượng mô tả về hàng hóa hay dịch vụ có liên quan tới việc sử dụng hàng hóa hay dịch vụ đó như thế nào, chẳng hạn như mục đích, kích thước, màu sắc, nhóm người sử dụng hay tác động cuối cùng đối với người sử dụng. Thuật ngữ mô tả không được coi là có tính khác biệt vốn có; để có giá trị đăng ký hay bảo vệ trước tòa thì nó cần có bằng chứng xác nhận tính khác biệt, được gọi là “nghĩa thứ hai”. (Xem NGHĨA THỨ HAI, DẤU HIỆU GỢI Ý).

**DESIGN PATENT: BẰNG THIẾT KẾ.** Là việc chính phủ trao độc quyền về một kiểu dáng công nghiệp có tính mới, không hiển nhiên và mang tính trang trí. Bằng thiết kế xác nhận quyền nhằm ngăn chặn những người khác làm, sử dụng hay bán các thiết kế gần giống với thiết kế đã được cấp bằng. Bằng thiết kế bao gồm các khía cạnh trang trí của một kiểu dáng; các khía cạnh chức năng của nó được nêu trong bằng về giải pháp hữu ích. Bằng thiết kế và bằng về giải pháp hữu ích có thể bao hàm các khía cạnh khác nhau của cùng một mặt hàng, chẳng hạn như ô-tô hay một chiếc đèn bàn.

**DIGITAL MILLENNIUM COPYRIGHT ACT: ĐẠO LUẬT BẢN QUYỀN KỸ THUẬT SỐ THIÊN NIÊN KỸ.** Là một trong số các luật quan trọng của Hoa Kỳ được thông qua năm 1998 nhằm sửa đổi phần lớn luật bản quyền, một phần là để chỉnh sửa luật pháp Hoa Kỳ theo một số nghĩa vụ của điều ước quốc tế và một phần là nhằm nâng cấp luật để điều chỉnh những khía cạnh mới trong lĩnh vực kỹ thuật số.

**DILUTION: LÀM MẤT UY TÍN.** Một hình thức vi phạm nhãn hiệu nổi tiếng mà trong đó việc sử dụng của người bị kiện, dù không gây ra sự nhầm lẫn nhưng làm mờ hình ảnh hoặc làm mất tính đặc trưng của nhãn hiệu của bên kiện. Để có được sức mạnh bán hàng và sự công nhận được bảo hộ bằng quy chế chống mất uy tín thì nhãn hiệu phải tương đối mạnh và nổi tiếng.

**DISTRIBUTION RIGHT: QUYỀN PHÂN PHỐI.** Là một trong sáu độc quyền của chủ sở hữu bản quyền, theo đó người chủ sở hữu bản quyền được độc quyền phân phối các bản sao hay bản ghi âm tác phẩm của mình trước công chúng bằng việc bán hay cho thuê. Không giống như các quyền khác của bản quyền, quyền phân phối bị vi phạm chủ yếu là do việc chuyển nhượng các bản sao của tác phẩm cho dù các bản sao này được sao chép hợp pháp hay bất hợp pháp, trừ trường hợp theo “Học thuyết Lần bán ra đầu tiên”. (Xem HỌC THUYẾT LẦN BÁN RA ĐẦU TIÊN.)

**DOMAIN NAME: TÊN MIỀN.** Là các tên và các từ mà các công ty thiết kế cho các địa chỉ truy cập Internet đã được đăng ký và tên miền cũng được gọi tắt là “URL”. Chẳng hạn như [www.coca-cola.com](http://www.coca-cola.com) là tên miền xác định địa chỉ trên mạng của công ty Coca-Cola. Về mặt công nghệ thì mỗi tên miền là duy nhất và không thể được dùng chung. Các tên miền được đăng ký bảo hộ trên nguyên tắc ai đăng ký sớm thì sẽ được tên miền đó.

**DURATION: THỜI HẠN.** Là thời hạn hoặc khoảng thời gian có hiệu lực của quyền sở hữu trí tuệ. Theo kết quả của Vòng đàm phán Uruguay, luật pháp Hoa Kỳ đã được sửa đổi và có hiệu lực từ ngày 8/6/1995 theo đó bằng phát minh sáng chế có thời hạn bảo hộ 20 năm kể từ khi nộp đơn xin đăng ký bằng phát minh sáng chế. Nhãn hiệu được bảo hộ cho đến chừng nào không có sự từ bỏ quyền được bảo hộ bằng việc thôi không sử dụng hay bằng hành động khiến cho việc bảo hộ mất đi ý nghĩa là dấu hiệu chỉ ra nguồn gốc và nhãn hiệu trở thành một cái tên chung. Thời hạn cơ bản của bản quyền là tuổi thọ của tác giả cộng thêm 70 năm. Việc bảo hộ các thông tin như một bí mật thương mại sẽ kéo dài tới chừng nào thông tin đó còn là bí mật.

## E

**ECONOMIC ESPIONAGE ACT: ĐẠO LUẬT TÌNH BÁO KINH TẾ (EEA).** Là một đạo luật của Hoa Kỳ được ban hành năm 1996 nhằm buộc tội hình sự đối với hành vi ăn cắp các bí mật thương mại. Đạo luật này nghiêm cấm việc ăn cắp hay có được bí mật thương mại một cách gian trá nhằm phục vụ lợi ích của chính phủ nước ngoài, tổ chức, các đại diện và các bí mật thương mại bị đánh cắp đó có lợi cho “những người không phải là chủ sở hữu”.

**EQUIVALENT, DOCTRINE OF: HỌC THUYẾT TƯƠNG ĐƯƠNG.** Là quy định về việc giải thích một khiếu nại theo đó một hàng hóa hay quy trình, mặc dù không vi phạm về mặt từ ngữ, vẫn sẽ là một vi phạm nếu các chức năng hoạt động của hàng hóa gần như giống y hệt với phát minh đã được cấp bằng bảo hộ.

## F

**FAIR USE: SỬ DỤNG HỢP LÝ.** Là biện hộ trước lời buộc tội vi phạm bản quyền hay nhãn hiệu. Đối với bản quyền, tòa án Hoa Kỳ xem xét bốn yếu tố trong việc xác định xem biện hộ về sử dụng hợp lý có tồn tại hay không: mục đích và tính chất của việc sử dụng đang gây tranh cãi; nội dung của tác phẩm có bản quyền; tầm quan trọng của phần được sử dụng với toàn bộ tác phẩm; tác động của việc sử dụng đối với giá trị của tác phẩm có bản quyền trên thị trường. Đối với nhãn hiệu, người sử dụng thứ hai phải cho thấy họ không sử dụng nhãn hiệu mô tả, nhãn hiệu mô tả địa lý hay tên riêng theo ý nghĩa nhãn hiệu mà chỉ mô tả hàng hóa hay dịch vụ của họ hay nguồn gốc địa lý của hàng hóa dịch vụ hoặc tên riêng của người chủ doanh nghiệp.

**FIELD OF USE RESTRICTION: HẠN CHẾ LĨNH VỰC SỬ DỤNG.** Là một quy định trong giấy phép sở hữu trí tuệ chỉ cho phép người được cấp phép sử dụng tài sản được cấp phép trong những thị trường dịch vụ và hàng hóa xác định.

**FIRST SALE DOCTRINE : HỌC THUYẾT LẦN BÁN HÀNG ĐẦU TIÊN.** Là một ngoại lệ đối với độc quyền của người sở hữu bản quyền trong việc phân phối các bản sao hay thu thanh những tác phẩm có bản quyền. Theo nguyên tắc này, người sở hữu bản quyền có quyền bán một cuốn sách nhưng không có quyền kiểm soát đối với việc bán những bản sao của cuốn sách này sau đó. (Xem QUYỀN PHÂN PHỐI.)

**FIRST TO FILE: NỘP ĐƠN ĐẦU TIÊN.** Đối với bằng phát minh sáng chế, đây là quy định theo đó thì ưu tiên cấp bằng phát minh sáng chế sẽ được dành cho người đầu tiên nộp đơn xin đăng ký chứ không phải là người đầu tiên thực sự phát minh. Nguyên tắc này được hầu hết các quốc gia trên thế giới áp dụng trừ Hoa Kỳ. Đối với nhãn hiệu, ưu tiên giữa các đơn có tranh chấp xin đăng ký nhãn hiệu được xử lý bằng cách công bố đơn xin

đăng ký có ngày nộp đơn sớm nhất để cho những người nộp đơn vào ngày muộn hơn có thể khiếu nại. Ở Hoa Kỳ thì quyền sở hữu nhãn hiệu được xác định cho người dùng nhãn hiệu đó đầu tiên chứ không phải là người nộp đơn xin đăng ký đầu tiên. Theo hệ thống có-ý-định-sử-dụng mới được ban hành thì việc nộp đơn xin đăng ký nhãn hiệu có thể được tiến hành trước khi thực sự sử dụng nhãn hiệu đó. (Xem NỘP ĐƠN CÓ-Ý-ĐỊNH-SỬ-DỤNG.)

**FIRST TO INVENT: PHÁT MINH ĐẦU TIÊN.** Theo nguyên tắc này ưu tiên cấp bằng phát minh sáng chế được xác định là của người đầu tiên thực sự phát minh chứ không phải là của người đầu tiên nộp đơn xin cấp bằng. Đây là nguyên tắc được áp dụng ở Hoa Kỳ.

**FUNCTIONALITY: CHỨC NĂNG HOẠT ĐỘNG** [bằng phát minh sáng chế-nhãn hiệu-bản quyền]. Là một khía cạnh của thiết kế khiến cho sản phẩm hoạt động tốt hơn so với mục đích dự kiến, chứ không phải nhằm mục đích làm cho sản phẩm trông đẹp hơn hay nhằm xác định nguồn gốc thương mại của sản phẩm.

## G

**GENERIC NAME: TÊN CHUNG.** Là một từ hầu hết mọi người sử dụng nhằm để gọi một loại hay một nhóm sản phẩm hay dịch vụ, chẳng hạn như “điện thoại di động”. Không ai có thể có quyền nhãn hiệu đối với một tên chung.

**GOOD WILL: UY TÍN.** Giá trị của một doanh nghiệp hay một loại sản phẩm hay dịch vụ thể hiện danh tiếng thương mại. Một doanh nghiệp có uy tín lâu đời vẫn có thể giữ được danh tiếng, uy tín của mình, cho dù toàn bộ tài sản hữu hình đã bị phá hủy. Vi phạm nhãn hiệu là hình thức ăn cắp uy tín vì nhãn hiệu hàng hóa hay nhãn hiệu thương mại là biểu tượng về uy tín của doanh nghiệp.

## I

**IDEA-EXPRESSION DICHOTOMY: PHÂN BIỆT THỂ HIỆN Ý TƯỞNG.** Là quy định cơ bản của luật cho rằng bản quyền không bảo hộ một ý tưởng; bản quyền chỉ bảo hộ sự thể hiện cụ thể một ý tưởng.

**INFRINGEMENT: VI PHẠM.** Là việc xâm phạm việc độc quyền sở hữu trí tuệ. Vi phạm giải pháp hữu ích liên quan đến việc chế tạo, sử dụng, bán hoặc chào bán hay nhập khẩu một sản phẩm hay quy trình được cấp bằng mà không có phép. Việc vi phạm thiết kế kiểu dáng liên quan đến việc xây dựng một thiết kế, theo một người bình thường, là hoàn toàn giống với một thiết kế đã có sẵn và sự giống nhau này chủ ý nhằm làm cho khách hàng mua một sản phẩm mà cứ ngỡ là mình mua một sản phẩm khác. Vi phạm nhãn hiệu bao gồm việc sử dụng chưa được phép hay bắt chước nhãn hiệu thuộc sở hữu của người khác nhằm đánh lừa, gây nhầm lẫn hay nói dối người khác. Vi phạm bản quyền liên quan đến việc sao chép, sửa chữa, phân phối, biểu diễn hay trình diễn trước công chúng một tác phẩm có bản quyền của người khác.

**INTELLECTUAL PROPERTY: SỞ HỮU TRÍ TUỆ.** Một số các ý tưởng sáng tạo của con người có giá trị thương mại được bảo hộ pháp lý về quyền sở hữu. “Sở hữu trí tuệ” hiện nay là một thuật ngữ chung được sử dụng rộng rãi để chỉ các lĩnh vực pháp lý sau: bằng phát minh sáng chế, nhãn hiệu, cạnh tranh không lành mạnh, bản quyền, bí mật thương mại, quyền lợi tinh thần và quyền xuất bản.



**INTENT TO USE APPLICATION: NỘP ĐƠN CÓ Ý ĐỊNH SỬ DỤNG.** Từ năm 1989 đến nay ở Hoa Kỳ có một hình thức khác nữa để nộp đơn đăng ký nhãn hiệu liên bang tại Phòng Đăng ký dựa trên ý định công khai về việc sẽ sử dụng nhãn hiệu này đối với những hàng hóa và dịch vụ cụ thể.

**INVENTION: PHÁT MINH.** Là sự sáng tạo của con người về một ý tưởng công nghệ mới và phương tiện vật chất nhằm hoàn thành hay thể hiện ý tưởng đó.

## J

**JOINT AUTHORS: ĐỒNG TÁC GIẢ.** Là những người cùng nhau sáng tác ra một tác phẩm có bản quyền và những người này đóng góp những nỗ lực riêng rẽ của mình vào tác phẩm. Quyền đồng tác giả nghĩa là quyền đồng sở hữu bản quyền của tác phẩm được sáng tác. Các đồng chủ sở hữu sẽ được đối xử như những “người cùng thuê nhà” theo đó mỗi đồng chủ sở hữu đều có quyền độc lập cho phép sử dụng tác phẩm miễn là phải phân chia lợi nhuận cho các đồng chủ sở hữu khác.

**JOINT INVENTORS: ĐỒNG PHÁT MINH.** Hai hay nhiều nhà phát minh hợp tác với nhau trong quá trình tìm ra một phát minh.

## K

**KNOCK-OFF: BẮT CHƯỚC.** Một bản sao y hệt một tác phẩm hay hàng hóa được bảo hộ bằng nhãn hiệu, bằng phát minh sáng chế, bao bì thương mại, bản quyền. Khi được dùng làm động từ thì từ này có nghĩa là hành động sản xuất ra những mặt hàng bắt chước.

**KNOW-HOW: BÍ QUYẾT.** Là thông tin cho phép một người hoàn thành một công việc cụ thể hay vận hành một thiết bị hay quy trình cụ thể.

## L

**LICENSE: GIẤY PHÉP.** Sự cho phép sử dụng quyền sở hữu trí tuệ theo những điều kiện xác định về thời gian, phạm vi, thị trường hay lãnh thổ. Theo luật sở hữu trí tuệ thì có sự khác biệt quan trọng giữa “giấy phép độc quyền” và “giấy phép không độc quyền”. Giấy phép độc quyền không nhất thiết có nghĩa rằng đó là giấy phép duy nhất mà người chủ sở hữu cấp. Khi cấp giấy phép độc quyền, người cấp giấy cam kết rằng sẽ không cấp các giấy phép khác có các quyền tương tự trong cùng một phạm vi hay lĩnh vực đã được quy định trong giấy phép độc quyền. Tuy nhiên chủ sở hữu có thể cấp không hạn chế các giấy phép không độc quyền với các quyền tương tự. Trong giấy phép không độc quyền thì quyền sở hữu vẫn thuộc về người cấp phép. Giấy phép cấp bằng phát minh sáng chế là việc chuyển giao các quyền mà không chuyển nhượng bằng. Một nhãn hiệu hàng hóa hay nhãn hiệu dịch vụ chỉ được cấp phép khi người cấp phép kiểm soát được bản chất và chất lượng của hàng hóa hay dịch vụ do người được cấp phép bán dưới nhãn hiệu đã được cấp phép. Theo luật bản quyền, người được cấp giấy phép độc quyền là người chủ sở hữu một quyền cụ thể của bản quyền và họ có quyền kiện những hành vi vi phạm quyền đã được cấp phép của họ Không bao giờ có hơn một bản quyền cho cùng một tác phẩm cho dù chủ sở hữu cấp các giấy phép độc quyền về các quyền khác nhau cho những người khác nhau.

**LOGO: BIỂU TRƯNG.** Là một biểu tượng hay biểu trưng cho tên hay nhãn hiệu một công ty, thường được thiết kế sao cho dễ nhận biết. Thuật ngữ này không có ý nghĩa về mặt pháp lý theo luật về nhãn hiệu.

## M

**MISAPPROPRIATION: SỬ DỤNG SAI.** Một hình thức cạnh tranh không lành mạnh theo quy định của hệ thống luật án lệ, trong đó bị đơn đã sao chép hoặc đánh cắp một tác phẩm hay công trình nào đó của nguyên đơn chưa được bảo hộ qua luật về phát minh sáng chế, luật bản quyền, luật về nhãn hiệu thương mại, hoặc bất kỳ lý thuyết truyền thống nào đó về đặc quyền.

**MORAL RIGHTS: QUYỀN LỢI TINH THẦN.** Một số quyền của tác giả, ngoài các quyền được qui định trong luật bản quyền, mà được hệ thống luật pháp châu Âu và một số nước khác công nhận. Các quyền lợi tinh thần thường nằm trong ba lĩnh vực: quyền của tác giả được hưởng với tư cách là tác giả của tác phẩm, ngăn chặn những người khác trong việc lạm dụng tên tác giả, hoặc ngăn chặn việc sử dụng tên tác giả cho các tác phẩm không phải do tác giả sáng tác; quyền của tác giả ngăn cản việc sửa chữa tác phẩm; và quyền của tác giả trong việc rút tác phẩm ra khỏi phân phối nếu nó không còn thể hiện quan điểm của tác giả.

**MUSICAL WORK: TÁC PHẨM ÂM NHẠC.** Là một nhóm các tác phẩm có thể có bản quyền được diễn tả bằng hình thức âm thanh. Một tác phẩm âm nhạc có thể được diễn tả dưới nhiều dạng vật chất được phân loại là các "bản sao" (ví dụ như bìa nhạc) hoặc "thu thanh" (như đĩa compact hoặc băng). Một bài hát của một nhà viết nhạc được bảo hộ bởi bản quyền tác phẩm âm nhạc, nhưng việc thu thanh bài hát đó thì được bảo hộ bởi bản quyền thu thanh.

## N

**NOTICE: THÔNG BÁO.** Một dấu hiệu hoặc thông báo chính thức gắn vào hàng hóa để thể hiện hoặc tái tạo quyền sở hữu trí tuệ - ví dụ như việc đặt chữ "bằng sáng chế" hoặc chữ viết tắt của nó cùng với số của bằng sáng chế trên hàng hóa do người có bằng sáng chế hoặc bên được phép tạo ra. Dấu hiệu theo luật chính thức của việc đăng ký thương hiệu của Hoa Kỳ là chữ R nằm trong dấu tròn ®, "Reg. U.S. Pat. & Tm. Off.," hoặc "Đăng ký tại Văn phòng Thương hiệu và Bằng Phát minh Sáng chế Hoa Kỳ". Rất nhiều công ty sử dụng các dấu hiệu thương hiệu không chính thống, như "Brand", "TM", "Trademark", "SM", hoặc "Nhãn hiệu Dịch vụ", gần giống các chữ hoặc các ký hiệu được coi là các nhãn hiệu được bảo hộ. Dấu hiệu bản quyền bao gồm chữ C trong dấu hiệu hình tròn © hoặc chữ "Copr." hoặc "Bản quyền", tên chủ sở hữu bản quyền và năm xuất bản đầu tiên.

**NOVELTY: TÍNH MỚI LẠ.** Một trong ba điều kiện mà một phát minh phải thỏa mãn để có thể được cấp bằng sáng chế. Tính mới là hiện thời nếu mọi chi tiết của phát minh không giống với thông tin có sẵn.

## O

**OBVIOUSNESS: TÍNH DỄ NHẬN.** Một điều kiện mà một phát minh không thể được cấp bằng có giá trị nếu người có kỹ năng trong lĩnh vực công nghệ đó có thể dễ dàng đưa ra nguồn gốc của phát minh từ các thông tin công khai sẵn có (trước khi xuất hiện).

**ON SALE: RAO BÁN.** Là trường hợp mà nhà phát minh không thể có được bằng phát minh sáng chế nếu đợi thêm hơn một năm nữa để nộp đơn xin cấp bằng sáng chế sau khi sản phẩm sử dụng phát minh đã được đưa ra "rao bán".

**ORDINARY SKILL IN THE ART: KỸ NĂNG BÌNH THƯỜNG TRONG CÔNG NGHỆ.** Là trình độ hiểu biết, kinh nghiệm và chuyên môn kỹ thuật đã qua thực tế hay một kỹ sư, nhà khoa học hay nhà thiết kế bình thường trong công nghệ có liên quan tới phát minh.

## P

**PASSING OFF: GIẢ MẠO.** (1) Việc thay thế một nhãn hiệu hàng hóa khi nhãn hiệu khác được yêu cầu. (2) Việc vi phạm nhãn hiệu trong đó người vi phạm cố tình cung cấp thông tin sai lệch hoặc lừa dối người mua hàng. (3) Việc vi phạm nhãn hiệu trong đó không có bằng chứng cố tình lừa dối nhưng khả năng gây nhầm lẫn lại được chứng minh. (4) Ở các quốc gia theo hệ thống luật Anh-Mỹ, những hành động trái luật theo luật án lệ, ngoài luật “nhãn hiệu” đã đăng ký, và bao gồm việc trình bày sai lệch hàng hóa và dịch vụ của mình tương tự như của đối thủ cạnh tranh, thông thường bằng cách sử dụng nhãn hiệu tương tự.

**PATENT: BẰNG PHÁT MINH SÁNG CHẾ.** Ở Hoa Kỳ, một chứng nhận của chính quyền liên bang cấp cho một nhà phát minh có quyền không cho phép những người khác được tạo ra, sử dụng hay bán phát minh của mình. Có 3 loại bằng sáng chế khác nhau ở Hoa Kỳ: bằng sáng chế giải pháp hữu ích liên quan đến các chức năng của sản phẩm hoặc quy trình; bằng sáng chế thiết kế kiểu dáng về thiết kế trang trí cho các đối tượng hữu ích khác; và bằng sáng chế về cây trồng cho một loại cây trồng mới. Các bằng không bảo vệ các ý tưởng bảo vệ, mà chỉ là cơ cấu và phương thức áp dụng các khái niệm kỹ thuật. Từng loại bằng có liên quan đến quyền loại trừ việc người khác không được vi phạm phạm vi công nghệ xác định, thiết kế kiểu dáng công nghiệp, hoặc giống thực vật. Để có

quyền loại trừ này, nhà phát minh phải công bố toàn bộ chi tiết phát minh trước công chúng để mọi người có thể hiểu nó và sử dụng nó để phát triển thêm về công nghệ. Một khi bằng phát minh hết hạn, xã hội có quyền tạo ra và sử dụng phát minh và có quyền tiết lộ hoàn toàn đầy đủ về cách làm.

**PERFORMANCE: BIỂU DIỄN.** Thuật lại, thực hiện, sử dụng, đóng kịch, múa hay trình bày một tác phẩm có bản quyền, bao gồm phát sóng trên đài phát thanh hoặc truyền hình một chương trình biểu diễn và tiếp nhận sóng của một chương trình như vậy. Đặc quyền “biểu diễn tác phẩm có bản quyền công khai” được dành cho tất cả các loại tác phẩm có bản quyền, ngoại trừ các tác phẩm tranh ảnh, điêu khắc và thu thanh.

**PHONORECORDS: THU ÂM.** Các vật thể chứa đựng hoặc cố định âm thanh có thể có bản quyền, ngoài phần nhạc đệm trong một bộ phim. Thiết bị thu âm có thể là băng, đĩa CD, chip máy tính có chứa âm thanh và những thiết bị tương tự.

**PIRACY: ĐÁNH CẤP BẢN QUYỀN.** Việc sao chép y nguyên, không được ủy quyền và bất hợp pháp một tác phẩm có bản quyền hay một sản phẩm có nhãn hiệu với quy mô kinh doanh.

**PRIOR ART: TÁC PHẨM GỐC.** Những thông tin công nghệ hiện có làm cơ sở để đánh giá, quyết định xem liệu một phát minh có thể được cấp bằng phát minh sáng chế với tư cách là một phát minh mới và khó nhận biết.

**PROCESS CLAIM: YÊU CẦU QUY TRÌNH.** Là yêu cầu đối với một bằng phát minh sáng chế về phương thức mà theo đó một phát minh được thực hiện theo các bước định trước, khác với yêu cầu về sản phẩm hoặc máy móc thì chỉ mô tả kết cấu sản phẩm.

**PRODUCT-BY-PROCESS CLAIM: YÊU CẦU SẢN PHẨM THEO QUY TRÌNH.** Việc yêu cầu bằng phát minh sáng chế trong đó một sản phẩm được mô tả bằng cách định nghĩa quy trình sản xuất sản phẩm đó. Hình thức khẳng định sản phẩm theo quy trình được sử dụng phổ biến nhất để định nghĩa các hợp chất hóa học mới vì rất nhiều chất hóa học, dược phẩm và thuốc mới chỉ có thể được định nghĩa qua quy trình sản xuất chúng.

**PRODUCT CLAIM: MÔ TẢ SẢN PHẨM.** Việc khẳng định một bằng phát minh sáng chế bao hàm một cấu trúc, quy chế hay kết cấu. Điều đó trái ngược với việc “yêu cầu quy trình” vốn chỉ bao hàm một phương pháp hoặc quy trình.

**PUBLICATION: CÔNG BỐ.** Việc phân phát các bản sao hoặc ghi âm của một tác phẩm tới công chúng.

**PUBLIC DOMAIN: THÔNG TIN ĐƯỢC SỞ HỮU BỞI CÔNG CHÚNG.** Tình trạng của một phát minh, một tác phẩm có tính sáng tạo hay biểu tượng thương mại không được bảo hộ bởi bất kỳ hình thức luật sở hữu trí tuệ nào. Những nội dung thuộc sở hữu của công chúng có sẵn để sao chép và sử dụng tự do cho tất cả mọi người. Việc sao chép những nội dung công khai không chỉ được chấp nhận mà còn được khuyến khích trở thành một phần không thể thiếu trong quá trình cạnh tranh. (xem SAO CHÉP, SỞ HỮU TRÍ TUỆ).

## **R**

**REDUCTION TO PRACTICE: ỨNG DỤNG VÀO THỰC TIỄN.** Phần vật chất trong quá trình phát minh để hoàn thành và kết thúc một quá trình phát minh. Sau khi ứng dụng vào thực tiễn, phát minh đã hoàn chỉnh được cấp bằng bảo hộ theo luật.

**RENEWAL: ĐĂNG KÝ LẠI.** Việc kéo dài thời hạn đăng ký của một nhãn hiệu hoặc kéo dài thời hạn của bản quyền.

**REVERSE ENGINEERING: KỸ THUẬT GIẢI MÃ NGƯỢC.** Một phương pháp thu nhận thông tin kỹ thuật bằng cách bắt đầu với một sản phẩm có sẵn và xác định nó được làm từ nguyên liệu gì, cái gì làm cho nó hoạt động hay nó được sản xuất ra như thế nào. Phương pháp này đi theo chiều ngược lại với quy trình nghiên cứu công nghệ bình thường bắt đầu với dữ liệu kỹ thuật để sản xuất ra một sản phẩm. Nếu một sản phẩm hoặc nguyên liệu là đối tượng của phương pháp đảo ngược công nghệ có được một cách phù hợp và không vi phạm bất cứ bí mật thương mại nào về số liệu đã thể hiện ở sản phẩm thì sản phẩm đó có tính hợp lý và hợp pháp.

**RIGHT OF PUBLICITY: QUYỀN CÔNG BỐ.** Là quyền vốn có của con người được kiểm soát việc sử dụng nhân dạng của mình vì mục đích thương mại.

## **S**

**SECONDARY MEANING: Ý NGHĨA THỨ HAI.** Một ý nghĩa đối với thương hiệu và nhãn hiệu sản phẩm là khách hàng thường gắn liền với nhãn hiệu riêng của một sản phẩm hay dịch vụ. Đối với những biểu tượng thương mại tự thân không có nét đặc thù thì cần phải có tính chất đặc thù để được bảo hộ bởi một nhãn hiệu hoặc nhãn hiệu dịch vụ. Tính chất đặc thù đó được gọi là "ý nghĩa thứ hai" vì nó được xếp hạng hai so với ý nghĩa chủ yếu của một từ. Một từ như "tốt nhất" đối với sữa được coi là có tính mô tả và không tự nó có tính khác biệt. ý nghĩa chủ yếu là loại sữa được mô tả như vậy được coi là tốt nhất. Để có được độc quyền nhãn hiệu cho một sản phẩm gọi là "Sữa tốt nhất", một người bán

hàng sử dụng chữ này phải sử dụng nó làm sao để nó đạt được ý nghĩa thứ hai cho biết rằng mọi loại sữa có ghi "tốt nhất" đều có chung một nguồn gốc thương mại.

**SERVICE MARK: NHÂN HIỆU DỊCH VỤ.** Một chữ, khẩu hiệu, kiểu dáng, hình ảnh hoặc bất kỳ biểu tượng nào khác được dùng để xác định hoặc phân biệt một dịch vụ (dịch vụ bán lẻ, dịch vụ hàng không, bảo hiểm, dịch vụ đầu tư và, v.v..) khác với một sản phẩm.

**SKILL IN THE ART: SỰ TINH XẢO.** Mức độ thông thạo bình thường trong một công nghệ cụ thể nào đó được sử dụng trong quá trình tạo ra phát minh.

**SOUND RECORDING: GHI ÂM.** Một loại tác phẩm có thể cấp bản quyền, bao gồm những âm thanh được thu trong một thiết bị thu âm.

**SPECIAL 301: ĐIỀU KHOẢN ĐẶC BIỆT 301.** Các quy định theo luật của Hoa Kỳ đòi hỏi đánh giá hàng năm các quyền trong hiệp định thương mại và các biện pháp ngoại thương của đối tác thương mại của Hoa Kỳ đã tước bỏ những lợi ích dành cho Hoa Kỳ hoặc hạn chế hoặc cản trở một cách vô lý thương mại của Hoa Kỳ. Đạo luật Thương mại năm 1974, được sửa đổi theo các điều khoản Đặc biệt 301 trong Đạo luật Cạnh tranh và Buôn bán Xe buýt hai tầng, cho phép Đại diện Thương mại Hoa Kỳ (USTR) xác định và điều tra những nước có nguy cơ vi phạm, đề xuất việc chấm dứt các ưu đãi trong các hiệp định thương mại và áp đặt thuế quan và các hình thức hạn chế nhập khẩu, và ký kết các hiệp định loại bỏ gánh nặng hoặc cản trở đối với thương mại của Hoa Kỳ.

**SUBSTANTIAL SIMILARITY: GẦN TƯƠNG TỰ.** Mức độ giống nhau giữa một tác phẩm có bản quyền và tác phẩm thứ hai có đủ các yếu tố để cấu thành việc vi phạm bản quyền. Dấu hiệu đúng chính xác từng từ hoặc từng dòng không nhất thiết là sự vi phạm bản quyền. thay vào đó, Hoa Kỳ đã chọn cụm từ "gần tương tự" để xác định mức độ tương tự, cùng với bằng chứng về tính hiệu lực và sao chép, cấu thành nên sự vi phạm bản quyền

**SUGGESTIVE MARK: NHÂN HIỆU GỢI Ý.** Một từ, hình ảnh hoặc biểu tượng khác cho biết, nhưng không trực tiếp mô tả một điều gì đó về hàng hóa hay dịch vụ có liên quan đến một nhãn hiệu. Một nhãn hiệu gợi ý được coi là đặc thù vốn có và không cần bằng chứng về ý nghĩa thứ hai về đăng ký hoặc bảo hộ trước tòa. Ví dụ, gấu bắc cực cho áo pác-ca (loại áo có mũ trùm của người Eskimo) và các loại áo khoác chỉ đơn thuần gợi ý hình thức bảo vệ mà gấu bắc cực có được trước thời tiết giá lạnh. (Xem NHÂN HIỆU MÔ TẢ)

## T

**TRADE DRESS: BAO BÌ THƯƠNG MẠI.** Toàn bộ các yếu tố trong đó sản phẩm hoặc dịch vụ được đóng gói như hình dáng và hình thức của sản phẩm hoặc thùng đựng hàng, trang bìa của một cuốn sách hoặc tạp chí. Những yếu tố đó hợp lại tạo thành hình ảnh được giới thiệu với người tiêu dùng và có thể có được độc quyền như một loại nhãn hiệu hay xác định biểu tượng xuất xứ.

**TRADEMARK: NHÃN HIỆU.** (1) Một chữ, khẩu hiệu, kiểu dáng, hình ảnh, hoặc các biểu tượng khác được dùng để xác định và phân biệt hàng hóa. (2) Bất kỳ biểu tượng phân biệt nào bao gồm một chữ, kiểu dáng hoặc hình dạng của sản phẩm hoặc thùng đựng hàng đáp ứng yêu cầu về pháp lý như một nhãn hiệu, nhãn hiệu dịch vụ và nhãn hiệu chung, nhãn hiệu chứng nhận, tên thương mại hoặc hình thức thương mại. Thương hiệu xác định hàng hóa của một người bán và phân biệt chúng với hàng hóa do người khác bán. Chúng cho biết rằng mọi hàng hóa có nhãn hiệu có nguồn gốc và được quản lý bởi một nguồn duy nhất và thường có một mức chất lượng như nhau. Và chúng quảng bá, thúc đẩy và nói chung hỗ trợ việc bán hàng. Một thương hiệu bị vi phạm bởi một người khác nếu việc sử dụng thương hiệu của người đó gây ra sự nhầm lẫn về nguồn gốc, hỗ trợ, quan hệ hoặc tài trợ.

**TRADE NAME: TÊN THƯƠNG MẠI.** Một biểu tượng được sử dụng để xác định và phân biệt các công ty, các đối tác và các doanh nghiệp với những nhãn hiệu được sử dụng để xác định và phân biệt hàng hóa hoặc dịch vụ.

**TRADE SECRET: BÍ MẬT THƯƠNG MẠI.** Thông tin kinh doanh là đối tượng của những cố gắng nhằm giữ bí mật và có giá trị vì không được biết rộng rãi trong thương mại. Thông tin bí mật đó được bảo hộ chống lại những người tiếp cận thông tin này qua cách thức không phù hợp hoặc bằng việc tiết lộ bí mật. Vi phạm bí mật thương mại là một hình thức cạnh tranh không lành mạnh.

## U

**UNFAIR COMPETITION: CẠNH TRANH KHÔNG LÀNH MẠNH.** Hoạt động thương mại mà luật pháp coi là không công bằng. Một cá nhân bị ảnh hưởng bởi cạnh tranh không lành mạnh được quyền được bồi thường khi khởi kiện người gây ra hành động đó. Việc vi phạm nhãn hiệu vốn từ lâu được coi là cạnh tranh không lành mạnh. Các loại hoạt động khác được quy định trong luật là cạnh tranh không lành mạnh gồm quảng

cáo không trung thực, làm mất uy tín sản phẩm/bôi nhọ thương mại, vi phạm bí mật thương mại, vi phạm quyền quảng cáo và sử dụng sai.

**UTILITY: HỮU ÍCH.** Tính hữu ích của một sáng chế được cấp bằng phát minh sáng chế. Để có thể được cấp bằng phát minh sáng chế, Một phát minh phải vận hành và có khả năng sử dụng đồng thời đem lại một số chức năng “hữu ích” nào đó cho xã hội.

## W

**WORLD INTELLECTUAL PROPERTY ORGANIZATION: TỔ CHỨC SỞ HỮU TRÍ TUỆ THẾ GIỚI (WIPO).** Một trong số 16 cơ quan chuyên môn của hệ thống Liên Hợp Quốc. WIPO có trụ sở tại Geneva, Thụy Sĩ, được thành lập năm 1967 và có trách nhiệm thúc đẩy việc bảo hộ sở hữu trí tuệ trên toàn thế giới. WIPO thực hiện trách nhiệm trên bằng cách thúc đẩy hợp tác giữa các quốc gia trong lĩnh vực sở hữu trí tuệ, quản lý nhiều “liên minh” và các tổ chức hiệp ước khác được thành lập trên cơ sở các hiệp định đa phương và xây dựng các luật mẫu để các nước đang phát triển thông qua.

**WORK MADE FOR HIRE: CÔNG VIỆC LÀM THUÊ.** Một công việc do người lao động thực hiện trong phạm vi công việc của họ hay một công việc được nghiệm thu mà các bên thỏa thuận bằng văn bản sẽ được coi là làm thuê. Cá nhân, hợp danh hay công ty thực sự được coi là tác giả và chủ sở hữu bản quyền từ thời điểm sáng tạo ra tác phẩm.

**WORLD TRADE ORGANIZATION: TỔ CHỨC THƯƠNG MẠI THẾ GIỚI (WTO).** WTO là tổ chức quốc tế toàn cầu duy nhất xây dựng quy tắc thương mại giữa các quốc gia. WTO có trụ sở tại Geneva, Thụy Sĩ, được thành lập vào thời điểm kết thúc Vòng đàm phán Uruguay của Hiệp định chung về Thuế quan và Thương mại (GATT) tháng 12/1993 để giám sát hoạt động của GATT. WTO có hiệu lực vào ngày 1/1/1995. WTO thường đóng vai trò trong các vấn đề kinh tế và tài chính của thế giới tương tự như Liên Hợp Quốc trong các vấn đề chính trị. Các hoạt động của WTO bao gồm: quản lý các hiệp định thương mại; đóng vai trò là diễn đàn cho các cuộc đàm phán thương mại; giải quyết tranh chấp thương mại; đánh giá các chính sách thương mại của các quốc gia; hỗ trợ các nước đang phát triển trong các vấn đề chính sách thương mại thông qua hỗ trợ kỹ thuật và chương trình đào tạo; và hợp tác với các tổ chức quốc tế khác. 148 quốc gia hiện là thành viên của WTO (tính đến tháng 6/2005), chiếm hơn 97% thương mại thế giới.

---

Thông tin được trình bày tại đây đã được trích dẫn và lựa chọn với sự cho phép của *McCarthy's Desk Encyclopedia of Intellectual Property*, Tái bản lần thứ ba, của J.



Thomas McCarthy, Roger E. Schechter, và David J. Franklyn. Bản quyền 2004 của Cục Các vấn đề quốc gia, Inc, Washington, D.C. 20037. Để liên lạc với BNA Books, gọi điện miễn phí tới số 1-800-960-1220 hoặc vào trang web [www.bnabooks.com](http://www.bnabooks.com).